

**Nam m« b¶n s­ thÝch ca m©u ni phËt**

# Gi¸o héi phËt gi¸o viÖt nam

# H¸n dÞch: Cưu Ma La Thập - Kumarajiva (344 - 413)

# Kinh

# diÖu ph¸p liªn hoa

# Quyển 3

# Kinh

# diÖu ph¸p liªn hoa

## **PhÇn nghi lÔ:**

**( mäi ng­êi ®Òu tÒ chØnh y phôc ®øng ch¾p tay ®äc )**

**Chñ lÔ s­íng:**

**- Ai nÊy cung kÝnh: Dèc lßng kÝnh l¹y PhËt, Ph¸p, T¨ng, th­êng ë kh¾p m­êi ph­¬ng. ( 3 lÔ ) o o o**

***( §Òu quú ®äc )***

### **NguyÖn ®em lßng thµnh kÝnh,**

### **Göi theo ®¸m m©y h­¬ng,**

**Ph¶ng phÊt kh¾p m­êi ph­¬ng,**

### **Cóng dµng ng«i Tam B¶o.**

**ThÒ trän ®êi gi÷ ®¹o,**

**Theo tù tÝnh lµm lµnh,**

**Cïng ph¸p giíi chóng sinh,**

**CÇu PhËt tõ gia hé,**

**T©m Bå §Ò kiªn cè,**

**Xa bÓ khæ s«ng mª,**

**Chãng quay vÒ bê gi¸c . o o o**

**- Cóng dµng ®o¹n: Dèc lßng kÝnh l¹y PhËt, Ph¸p, T¨ng th­êng ë kh¾p m­êi ph­¬ng . ( 1 lÔ ) o o o**

**( Mäi ng­êi ®Òu ®øng ®äc )**

**§Êng ph¸p v­¬ng v« th­îng,**

**Ba câi ch¼ng ai b»ng,**

**ThÇy d¹y kh¾p trêi ng­êi,**

**Cha lµnh chung bèn loµi,**

**Quy y trän mét niÖm,**

**Døt s¹ch nghiÖp ba kú,**

**X­ng d­¬ng cïng t¸n th¸n,**

**øc kiÕp kh«ng cïng tËn.**

**\*\*\***

##### **PhËt, chóng sinh tÝnh th­êng rçng lÆng,**

**§¹o c¶m th«ng kh«ng thÓ nghÜ bµn,**

**L­íi §Õ ch©u vÝ ®¹o trµng,**

**M­êi ph­¬ng PhËt b¶o hµo quang**

**s¸ng ngêi,**

**Tr­íc ch­ PhËt th©n con ¶nh hiÖn ,**

**D­íi ch©n Ngµi ®Ønh lÔ quy-y.**

**- Dèc lßng kÝnh lÔ, Y ph¸p tÝnh ®é, v« t­íng v« vi, Thanh tÞnh ph¸p th©n Tú-L« Gi¸-Na PhËt. *( 1 lÔ )* o**

**- Dèc lßng kÝnh lÔ, Y thô dông ®é, v« lËu tù-tha viªn m·n b¸o th©n L«-X¸-Na PhËt. *( 1 lÔ )* o**

**- Dèc lßng kÝnh lÔ, Y biÕn ho¸ ®é, øng hiÖn thËp ph­¬ng, thiªn b¸ch øc ho¸ th©n ThÝch Ca M©u-Ni PhËt. *( 1 lÔ )* o**

**- Dèc lßng kÝnh lÔ, San ®Þnh nh©n- qu¶, cïng cøu TÝnh, T­íng, nhÊt thiÕt ch­ Kinh t¹ng Tu-§a-La. *( 1 lÔ )* o**

**- Dèc lßng kÝnh lÔ, Thuú ph¹m tø nghi nghiªm chÕ Tam nghiÖp, nhÊt thiÕt ch­ LuËt t¹ng Tú-Ny-Da. *( 1 lÔ )* o**

**- Dèc lßng kÝnh lÔ, Nghiªn ch©n h¹ch ngôy, hiÓn chÝnh tåi tµ, nhÊt thiÕt ch­ LuËn t¹ng A-Tú-§µm. *( 1 lÔ )* o**

**- Dèc lßng kÝnh lÔ, TÝnh, T­íng bÊt nhÞ, minh hîp v«- vi, nhÊt thiÕt tèi th­îng T¨ng-giµ-Gia chóng. *( 1 lÔ )* o**

**- Dèc lßng kÝng lÔ, ThËp ®Þa, Tam hiÒn, Ngò qu¶, Tø h­íng, nhÊt thiÕt xuÊt thÕ T¨ng-giµ-Gia chóng. *( 1 lÔ )* o**

**- Dèc lßng kÝnh lÔ, Tû- khiªu, ngò chóng hoµ- hîp v« tr¸nh, nhÊt thiÕt trô- tr× T¨ng-giµ-Gia chóng. *( 1 lÔ )* o**

**- Con nay xin v× Bèn ©n, Ba câi ph¸p-giíi chóng sinh, nguyÖn cho Tam ch­íng tiªu trõ, dèc lßng s¸m hèi. o o o**

**§Ö tö chóng con... xin chÝ thµnh s¸m hèi:**

**o**

**x­a kia g©y nªn bao ¸c nghiÖp,**

**§Òu v× v« thØ tham, s©n, si,**

**Bëi th©n, miÖng, ý ph¸t sinh ra,**

**HÕt th¶y tõ nay xin s¸m hèi.**

**Bao nghiÖp ch­íng g©y nªn nh­ thÕ,**

**§Òu tiªu tan mét chót kh«ng cßn.**

**NiÖm niÖm cïng kh¾p trong câi ph¸p,**

**§é chóng sinh chøng ng«i BÊt tho¸i.**

**o o o**

**- S¸m hèi ®o¹n: dèc lßng kÝnh l¹y PhËt, Ph¸p, T¨ng th­êng ë kh¾p m­êi ph­¬ng.  *( 1 lÔ )* o o o**

***( §Òu ngåi tông bµi t¸n h­¬ng )***

**L­ h­¬ng võa bÐn,**

**Chiªn ®µn khãi th¬m,**

**Ngµo ng¹t mu«n ngµn câi xa,**

**Lßng con kÝnh ng­ìng thiÕt tha,**

#### **NguyÖn mong ch­ PhËt th­¬ng mµ chøng minh.**

**- Nam m« H­¬ng-v©n-C¸i Bå-T¸t Ma ha-T¸t. *( 3 lÇn )* o o o**

**TÞnh khÈu nghiÖp ch©n ng«n:**

**¸n tu lÞ, tu lÞ, ma ha tu lÞ, tu tu lÞ t¸t bµ ha. *( 3 lÇn )* o**

**TÞnh th©n nghiÖp ch©n ng«n:**

**¸n tu ®a lÞ, tu ®a lÞ, tu ma lÞ, sa bµ ha.**

***( 3 lÇn )* o**

**TÞnh tam nghiÖp ch©n ng«n:**

**¸n sa ph¹ bµ ph¹, truËt ®µ sa ph¹, ®¹t ma sa ph¹, bµ ph¹ truËt ®é h¸m. *( 3 lÇn )* o**

**An thæ ®Þa ch©n ng«n:**

**Nam m« tam m·n ®¸ mét ®µ nÉm, ¸n ®é r« ®é r«, ®Þa vÜ t¸t bµ ha.**

***( 3 lÇn )* o**

**Ph¶ cóng dµng ch©n ng«n:**

**¸n nga nga n½ng, tam bµ ph¹ phiÖt nhËt la héc. *( 3 lÇn )* o**

**KÝnh l¹y tam giíi t«n,**

**Quy mÖnh m­êi ph­¬ng PhËt,**

**Con nay ph¸t nguyÖn lín,**

**Tr× tông kinh Ph¸p Hoa,**

**Trªn ®Òn bèn träng ©n,**

**D­íi cøu ba ®­êng khæ,**

**NÕu cã ai thÊy, nghe,**

**§Òu ph¸t t©m Bå-§Ò,**

**HÕt mét b¸o th©n nµy,**

**Sinh vÒ n­íc Cùc-L¹c. o**

**KÖ khai kinh:**

**Ph¸p PhËt cao s©u rÊt nhiÖm mµu,**

**Ngh×n mu«n øc kiÕp dÔ hay ®©u.**

**Con nay nghe-thÊy xin v©ng gi÷,**

**Ch©n nghÜa Nh­-Lai nguyÖn hiÓu s©u.**

**- Nam M« B¶n S­ ThÝch Ca M©u Ni PhËt. *( 3 lÇn )* o**

**H¬n s¸u mu«n lêi muêi hai quyÓn,**

**Bao hµm diÖu nghÜa réng mªnh mang,**

**§Ò hå kh¾p chèn nhuÇn th¬m dÞu,**

**Cam lé toµn th©n m¸t nhÑ nhµng,**

**Ngäc tr»ng bªn r¨ng tu«n X¸ lîi,**

**Sen hång ®Çu l­ìi phãng hµo quang,**

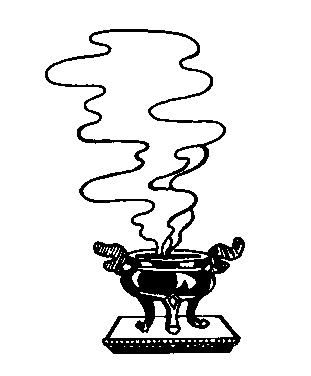
**Dï cho t¹o téi h¬n non nói,**

**DiÖu ph¸p tr× ch­a tíi mÊy hµng.**

**- Nam M« Ph¸p Hoa Héi Th­îng PhËt Bå T¸t.  *( 3 lÇn )* o**

**- Nam M« Khai B¶o T¹ng Bå T¸t- Ma-Ha- T¸t.**

***( 3 lÇn 3 tiÕng chu«ng vµ sang mâ tông vµo v¨n kinh... )* o o o**



妙Diệu 法Pháp 蓮Liên 華Hoa 經Kinh 卷quyển 第đệ 三tam   
Kinh Diệu Pháp Liên Hoa ♦ Quyển 3  
  
藥Dược 草Thảo 喻Dụ 品Phẩm 第đệ 五ngũ

☸ Phẩm 5: Dược Thảo Dụ

爾nhĩ 時thời 世Thế 尊Tôn 。告cáo 摩Ma 訶Ha 迦Ca 葉Diếp 。及cập 諸chư 大đại 弟đệ 子tử 。  
Lúc bấy giờ Thế Tôn bảo ngài Đại Ẩm Quang và các vị đại đệ tử:  
  
善thiện 哉tai 善thiện 哉tai 。迦Ca 葉Diếp 善thiện 說thuyết 。如Như 來Lai 真chân 實thật 功công 德đức 。誠thành 如như 所sở 言ngôn 。  
"Lành thay, lành thay! Bhikṣu Đại Ẩm Quang khéo diễn nói công đức chân thật của Như Lai. Thật đúng như lời ông ấy đã nói.  
  
如Như 來Lai 復phục 有hữu 。無vô 量lượng 無vô 邊biên 。阿a 僧tăng 祇kỳ 功công 德đức 。汝nhữ 等đẳng 若nhược 於ư 。無vô 量lượng 億ức 劫kiếp 。說thuyết 不bất 能năng 盡tận 。  
Lại nữa, Như Lai có vô lượng vô biên vô số công đức. Nếu các ông ở trong vô lượng ức kiếp thì cũng chẳng thể nói hết.  
  
迦Ca 葉Diếp 。當đương 知tri 如Như 來Lai 。是thị 諸chư 法pháp 之chi 王vương 。若nhược 有hữu 所sở 說thuyết 。皆giai 不bất 虛hư 也dã 。於ư 一nhất 切thiết 法pháp 。以dĩ 智trí 方phương 便tiện 。而nhi 演diễn 說thuyết 之chi 。其kỳ 所sở 說thuyết 法Pháp 。皆giai 悉tất 到đáo 於ư 。一Nhất 切Thiết 智Trí 地địa 。  
Này Đại Ẩm Quang! Phải biết rằng Như Lai là vua của tất cả pháp. Bất cứ lời nói nào của Như Lai cũng đều chẳng hư dối. Ở trong tất cả pháp, Như Lai dùng trí tuệ phương tiện mà diễn nói. Lời thuyết Pháp của Như Lai thảy đều dẫn đến nơi Nhất Thiết Trí.  
  
如Như 來Lai 觀quán 知tri 。一nhất 切thiết 諸chư 法pháp 。之chi 所sở 歸quy 趣thú 。亦diệc 知tri 一nhất 切thiết 眾chúng 生sanh 。深thâm 心tâm 所sở 行hành 。通thông 達đạt 無vô 礙ngại 。又hựu 於ư 諸chư 法pháp 。究cứu 盡tận 明minh 了liễu 。示thị 諸chư 眾chúng 生sanh 。一Nhất 切Thiết 智Trí 慧Tuệ 。  
Như Lai quán biết chỗ quay về của hết thảy các pháp. Như Lai cũng biết mọi việc làm trong thâm tâm của tất cả chúng sanh và thông đạt vô ngại. Lại ở nơi các pháp đều thấu rõ đến tột cùng và có thể chỉ dẫn các chúng sanh đến Nhất Thiết Trí.  
  
迦Ca 葉Diếp 。譬thí 如như 三Tam 千Thiên 大Đại 千Thiên 世Thế 界Giới 。山sơn 川xuyên 谿khê 谷cốc 。土thổ 地địa 所sở 生sanh 。卉hủy 木mộc 叢tùng 林lâm 。及cập 諸chư 藥dược 草thảo 。種chủng 類loại 若nhược 干can 。名danh 色sắc 各các 異dị 。  
Này Đại Ẩm Quang! Ví như nơi núi rừng, dòng nước, khe suối, thung lũng, và đất đai trong Tam Thiên Đại Thiên Thế Giới mọc ra cỏ cây, rừng rậm, và các dược thảo với nhiều thứ chủng loại, cùng tên gọi và màu sắc khác nhau.  
  
密mật 雲vân 彌di 布bố 。遍biến 覆phú 三Tam 千Thiên 大Đại 千Thiên 世Thế 界Giới 。一nhất 時thời 等đẳng 澍chú 。其kỳ 澤trạch 普phổ 洽hiệp 。卉hủy 木mộc 叢tùng 林lâm 。及cập 諸chư 藥dược 草thảo 。小tiểu 根căn 小tiểu 莖hành 。小tiểu 枝chi 小tiểu 葉diệp 。中trung 根căn 中trung 莖hành 。中trung 枝chi 中trung 葉diệp 。大đại 根căn 大đại 莖hành 。大đại 枝chi 大đại 葉diệp 。諸chư 樹thụ 大đại 小tiểu 。隨tùy 上thượng 中trung 下hạ 。各các 有hữu 所sở 受thọ 。  
Bấy giờ có một đám mây dày bao phủ và trùm khắp Tam Thiên Đại Thiên Thế Giới, rồi cùng một lúc mưa thấm ướt đồng đều khắp nơi. Cỏ cây, rừng rậm, và các dược thảo với thân rễ bé nhỏ, cành lá bé nhỏ, thân rễ trung bình, cành lá trung bình, thân rễ to lớn, cành lá to lớn, và các cây lớn nhỏ, tùy theo kích cỡ--đại, trung, tiểu--của chúng mà hút lấy nước mưa.  
  
一nhất 雲vân 所sở 雨vũ 。稱xưng 其kỳ 種chủng 性tánh 。而nhi 得đắc 生sanh 長trưởng 。華hoa 果quả 敷phu 實thật 。雖tuy 一nhất 地địa 所sở 生sanh 。一nhất 雨vũ 所sở 潤nhuận 。而nhi 諸chư 草thảo 木mộc 。各các 有hữu 差sai 別biệt 。  
Mặc dù nước mưa đồng từ một đám mây, nhưng tùy theo giống loại của mỗi loại mà sanh sôi nảy nở và đơm hoa kết trái. Tuy chúng cùng một chỗ đất sanh trưởng và cùng một trận mưa thấm nhuần, nhưng mỗi loài cỏ cây thảy đều khác nhau.  
  
迦Ca 葉Diếp 。當đương 知tri 如Như 來Lai 。亦diệc 復phục 如như 是thị 。出xuất 現hiện 於ư 世thế 。如như 大đại 雲vân 起khởi 。以dĩ 大đại 音âm 聲thanh 。普phổ 遍biến 世thế 界giới 。天thiên 。人nhân 。阿a 修tu 羅la 。如như 彼bỉ 大đại 雲vân 。遍biến 覆phú 三Tam 千Thiên 大Đại 千Thiên 國Quốc 土Độ 。  
Này Đại Ẩm Quang! Phải biết Như Lai cũng lại như vậy. Như Lai xuất hiện ở thế gian như đám mây lớn kéo đến. Như Lai dùng âm thanh lớn vang khắp thế giới của trời, người, và phi thiên, như đám mây lớn kia trùm khắp Tam Thiên Đại Thiên Thế Giới.  
  
於ư 大đại 眾chúng 中trung 。而nhi 唱xướng 是thị 言ngôn 。  
Ở giữa đại chúng, Như Lai xướng lên lời như vầy:  
  
我ngã 是thị 如Như 來Lai 。應Ứng 供Cúng 。正Chánh 遍Biến 知Tri 。明Minh 行Hạnh 足Túc 。善Thiện 逝Thệ 。世Thế 間Gian 解Giải 。無Vô 上Thượng 士Sĩ 。調Điều 御Ngự 丈Trượng 夫Phu 。天Thiên 人Nhân 師Sư 。佛Phật 。世Thế 尊Tôn 。  
'Ta là bậc Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.  
  
未vị 度độ 者giả 令linh 度độ 。未vị 解giải 者giả 令linh 解giải 。未vị 安an 者giả 令linh 安an 。未vị 涅Niết 槃Bàn 者giả 。令linh 得đắc 涅Niết 槃Bàn 。  
- Những ai chưa hóa độ, Ta sẽ hóa độ.  
- Những ai chưa giải thoát, Ta sẽ khiến giải thoát.  
- Những ai chưa an vui, Ta sẽ khiến an vui.  
- Những ai chưa đắc tịch diệt, Ta sẽ khiến đắc tịch diệt.  
  
今kim 世thế 後hậu 世thế 。如như 實thật 知tri 之chi 。我ngã 是thị 一nhất 切thiết 知tri 者giả 。一nhất 切thiết 見kiến 者giả 。知tri 道Đạo 者giả 。開khai 道Đạo 者giả 。說thuyết 道Đạo 者giả 。汝nhữ 等đẳng 天thiên 。人nhân 。阿a 修tu 羅la 眾chúng 。皆giai 應ưng 到đáo 此thử 。為vì 聽thính 法Pháp 故cố 。  
Đời này đời sau, Ta đều biết như thật. Ta là bậc biết tất cả, bậc thấy tất cả, bậc tri Đạo, bậc khai Đạo, và bậc thuyết Đạo. Các hàng trời, người, và phi thiên đều nên đến nơi này để nghe Pháp.'  
  
爾nhĩ 時thời 無vô 數số 。千thiên 萬vạn 億ức 種chủng 眾chúng 生sanh 。來lai 至chí 佛Phật 所sở 而nhi 聽thính 法Pháp 。如Như 來Lai 于vu 時thời 。觀quán 是thị 眾chúng 生sanh 。諸chư 根căn 利lợi 鈍độn 。精tinh 進tấn 懈giải 怠đãi 。隨tùy 其kỳ 所sở 堪kham 。而nhi 為vi 說thuyết 法Pháp 。種chủng 種chủng 無vô 量lượng 。皆giai 令linh 歡hoan 喜hỷ 。快khoái 得đắc 善thiện 利lợi 。是thị 諸chư 眾chúng 生sanh 。聞văn 是thị 法Pháp 已dĩ 。現hiện 世thế 安an 隱ẩn 。後hậu 生sanh 善thiện 處xứ 。以dĩ 道Đạo 受thọ 樂lạc 。亦diệc 得đắc 聞văn 法Pháp 。既ký 聞văn 法Pháp 已dĩ 。離ly 諸chư 障chướng 礙ngại 。於ư 諸chư 法pháp 中trung 。任nhậm 力lực 所sở 能năng 。漸tiệm 得đắc 入nhập 道Đạo 。  
Lúc bấy giờ có vô số ngàn vạn ức loại chúng sanh đi đến chỗ của Phật để nghe Pháp. Khi ấy Như Lai quán sát các căn tánh: lanh lợi, ngu độn, tinh tấn, và lười biếng của những chúng sanh này, rồi Ngài tùy theo khả năng lãnh thọ mà thuyết Pháp cho họ, khiến vô lượng chúng sanh đều hoan hỷ và được lợi ích lành. Sau khi nghe Pháp, hiện đời các chúng sanh này được an ổn; đời sau sẽ sanh vào nơi an lành. Do thực hành Đạo nên sẽ thọ hưởng an vui và cũng được nghe Pháp. Sau khi nghe Pháp, họ sẽ lìa mọi chướng ngại. Ở trong các pháp với tùy kheo khả năng, họ dần dần sẽ được vào Đạo.  
  
如như 彼bỉ 大đại 雲vân 。雨vũ 於ư 一nhất 切thiết 。卉hủy 木mộc 叢tùng 林lâm 。及cập 諸chư 藥dược 草thảo 。如như 其kỳ 種chủng 性tánh 。具cụ 足túc 蒙mông 潤nhuận 。各các 得đắc 生sanh 長trưởng 。如Như 來Lai 說thuyết 法Pháp 。一nhất 相tướng 一nhất 味vị 。所sở 謂vị 。解giải 脫thoát 相tướng 。離ly 相tướng 。滅diệt 相tướng 。究cứu 竟cánh 至chí 於ư 。一Nhất 切Thiết 種Chủng 智Trí 。其kỳ 有hữu 眾chúng 生sanh 。聞văn 如Như 來Lai 法Pháp 。若nhược 持trì 讀độc 誦tụng 。如như 說thuyết 修tu 行hành 。所sở 得đắc 功công 德đức 。不bất 自tự 覺giác 知tri 。  
Đây ví như đám mây lớn kia mưa ướt tất cả cỏ cây, rừng rậm, và các dược thảo. Tùy theo mỗi giống loại mà đều thấm nhuần đầy đủ và sanh sôi nảy nở. Như Lai thuyết Pháp chỉ có một tướng và một vị. Đó là tướng giải thoát, tướng lìa xa, tướng diệt, và cứu cánh đến Nhất Thiết Chủng Trí. Những chúng sanh nào nghe Pháp của Như Lai, hoặc thọ trì đọc tụng cùng như thuyết tu hành, chính họ cũng không biết về công đức đã được.  
  
所sở 以dĩ 者giả 何hà 。唯duy 有hữu 如Như 來Lai 。知tri 此thử 眾chúng 生sanh 。種chủng 相tướng 體thể 性tánh 。  
Vì sao thế? Bởi duy chỉ có Như Lai mới biết chủng tướng và thể tánh của những chúng sanh này.  
  
念niệm 何hà 事sự 。思tư 何hà 事sự 。修tu 何hà 事sự 。云vân 何hà 念niệm 。云vân 何hà 思tư 。云vân 何hà 修tu 。以dĩ 何hà 法Pháp 念niệm 。以dĩ 何hà 法Pháp 思tư 。以dĩ 何hà 法Pháp 修tu 。以dĩ 何hà 法Pháp 得đắc 。  
- Họ nhớ niệm gì?  
- Họ suy nghĩ gì?  
- Họ tu hành gì?  
- Họ nhớ niệm thế nào?  
- Họ suy nghĩ thế nào?  
- Họ tu hành thế nào?  
- Họ dùng Pháp gì để nhớ niệm?  
- Họ dùng Pháp gì để suy nghĩ?  
- Họ dùng Pháp gì để tu hành?  
- Họ dùng Pháp gì để chứng đắc?  
  
何hà 法Pháp 眾chúng 生sanh 。住trụ 於ư 種chủng 種chủng 之chi 地địa 。唯duy 有hữu 如Như 來Lai 。如như 實thật 見kiến 之chi 。明minh 了liễu 無vô 礙ngại 。  
Chúng sanh đang trụ ở địa nào của Pháp, duy chỉ có Như Lai mới thấy như thật và minh liễu vô ngại.  
  
如như 彼bỉ 卉hủy 木mộc 叢tùng 林lâm 。諸chư 藥dược 草thảo 等đẳng 。而nhi 不bất 自tự 知tri 。上thượng 中trung 下hạ 性tánh 。如Như 來Lai 知tri 是thị 一nhất 相tướng 。一nhất 味vị 之chi 法Pháp 。所sở 謂vị 。解giải 脫thoát 相tướng 。離ly 相tướng 。滅diệt 相tướng 。究Cứu 竟Cánh 涅Niết 槃Bàn 。常thường 寂tịch 滅diệt 相tướng 。終chung 歸quy 於ư 空không 。佛Phật 知tri 是thị 已dĩ 。觀quán 眾chúng 生sanh 心tâm 欲dục 。而nhi 將tương 護hộ 之chi 。是thị 故cố 不bất 即tức 。為vi 說thuyết 一Nhất 切Thiết 種Chủng 智Trí 。  
Như cỏ cây, rừng rậm, và các dược thảo chẳng tự biết căn tánh của chúng là thượng, trung, hay hạ. Như Lai biết Pháp chỉ có một tướng và một vị. Đó là tướng giải thoát, tướng lìa xa, tướng diệt, với tướng Cứu Cánh Tịch Diệt thường tịch và cuối cùng quay về chân không. Khi đã biết như vậy, Phật quán sát lòng mong muốn của chúng sanh. Vì bảo hộ họ, cho nên Phật không lập tức nói Nhất Thiết Chủng Trí.  
  
汝nhữ 等đẳng 迦Ca 葉Diếp 。甚thậm 為vi 希hy 有hữu 。能năng 知tri 如Như 來Lai 。隨tùy 宜nghi 說thuyết 法Pháp 。能năng 信tín 能năng 受thọ 。  
Bhikṣu Đại Ẩm Quang cùng các ông rất là hiếm có, khéo biết chỗ tùy nghi thuyết Pháp của Như Lai và có thể tín thọ.  
  
所sở 以dĩ 者giả 何hà 。諸chư 佛Phật 世Thế 尊Tôn 。隨tùy 宜nghi 說thuyết 法Pháp 。難nan 解giải 難nan 知tri 。  
Vì sao thế? Bởi chỗ tùy nghi thuyết Pháp của Chư Phật Thế Tôn rất khó giải khó biết."

爾nhĩ 時thời 世Thế 尊Tôn 。欲dục 重trùng 宣tuyên 此thử 義nghĩa 。而nhi 說thuyết 偈kệ 言ngôn 。  
Lúc bấy giờ Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa lý ở trên nên nói kệ rằng:  
  
破phá 有hữu 法Pháp 王Vương 。  
出xuất 現hiện 世thế 間gian 。  
隨tùy 眾chúng 生sanh 欲dục 。  
種chủng 種chủng 說thuyết 法Pháp 。  
  
"Pháp Vương trừ ba cõi  
Xuất hiện ở thế gian  
Tùy mong muốn chúng sanh  
Rộng thuyết Pháp độ họ  
  
如Như 來Lai 尊tôn 重trọng 。  
智trí 慧tuệ 深thâm 遠viễn 。  
久cửu 默mặc 斯tư 要yếu 。  
不bất 務vụ 速tốc 說thuyết 。  
  
Như Lai Vô Thượng Tôn  
Trí tuệ sâu thăm thẳm  
Từ lâu vẫn lặng yên  
Pháp yếu chẳng vội nói  
  
有hữu 智trí 若nhược 聞văn 。  
則tắc 能năng 信tín 解giải 。  
無vô 智trí 疑nghi 悔hối 。  
則tắc 為vi 永vĩnh 失thất 。  
  
Nếu có người trí nghe  
Liền có thể tín giải  
Kẻ vô trí sanh nghi  
Liền sẽ mất vĩnh viễn  
  
是thị 故cố 迦Ca 葉Diếp 。  
隨tùy 力lực 為vi 說thuyết 。  
以dĩ 種chủng 種chủng 緣duyên 。  
令linh 得đắc 正chánh 見kiến 。  
  
Cho nên Đại Ẩm Quang  
Phật tùy nghi thuyết Pháp  
Dùng đủ mọi nhân duyên  
Khiến họ được chánh kiến  
  
迦Ca 葉Diếp 當đương 知tri 。  
譬thí 如như 大đại 雲vân 。  
起khởi 於ư 世thế 間gian 。  
遍biến 覆phú 一nhất 切thiết 。  
  
Đại Ẩm Quang nên biết  
Ví như đám mây lớn  
Khởi lên ở thế gian  
Bao trùm che tất cả  
  
慧tuệ 雲vân 含hàm 潤nhuận 。  
電điện 光quang 晃hoảng 曜diệu 。  
雷lôi 聲thanh 遠viễn 震chấn 。  
令linh 眾chúng 悅duyệt 豫dự 。  
  
Mây trí tuệ thấm nhuần  
Điện chớp sáng chói lòa  
Tiếng sấm nổ vang rền  
Khiến chúng sanh an vui  
  
日nhật 光quang 掩yểm 蔽tế 。  
地địa 上thượng 清thanh 涼lương 。  
靉ái 靆đãi 垂thùy 布bố 。  
如như 可khả 承thừa 攬lãm 。  
  
Ánh mặt trời che lấp  
Mặt đất liền mát mẻ  
Đám mây lượn sà thấp  
Như có thể nắm lấy  
  
其kỳ 雨vũ 普phổ 等đẳng 。  
四tứ 方phương 俱câu 下hạ 。  
流lưu 澍chú 無vô 量lượng 。  
率suất 土thổ 充sung 洽hiệp 。  
  
Mưa rơi khắp mọi nơi  
Mưa xuống ở bốn phương  
Tuôn rơi vô số lượng  
Đất đai đều thấm ướt  
  
山sơn 川xuyên 險hiểm 谷cốc 。  
幽u 邃thúy 所sở 生sanh 。  
卉hủy 木mộc 藥dược 草thảo 。  
大đại 小tiểu 諸chư 樹thụ 。  
  
Sông núi hang cốc hiểm  
Ẩn sâu mọc sanh ra  
Cỏ cây và dược thảo  
Các cây cối lớn nhỏ  
  
百bách 穀cốc 苗miêu 稼giá 。  
甘cam 蔗giá 葡bồ 萄đào 。  
雨vũ 之chi 所sở 潤nhuận 。  
無vô 不bất 豐phong 足túc 。  
  
Lúa non trăm loại hạt  
Mía ngọt và cây nho  
Được mưa rưới thấm nhuần  
Đều tươi tốt xum xuê  
  
乾can 地địa 普phổ 洽hiệp 。  
藥dược 木mộc 並tịnh 茂mậu 。  
其kỳ 雲vân 所sở 出xuất 。  
一nhất 味vị 之chi 水thủy 。  
  
Đất khô cằn thấm ướt  
Dược thảo cây tốt tươi  
Mây đó chỉ tuôn rơi  
Một vị nước duy nhất  
  
草thảo 木mộc 叢tùng 林lâm 。  
隨tùy 分phân 受thọ 潤nhuận 。  
一nhất 切thiết 諸chư 樹thụ 。  
上thượng 中trung 下hạ 等đẳng 。  
稱xưng 其kỳ 大đại 小tiểu 。  
各các 得đắc 生sanh 長trưởng 。  
  
Cỏ cây rừng rậm rạp  
Tùy phân lượng thấm nhuần  
Hết thảy các cây cối  
Lớn to vừa bé nhỏ  
Tùy theo mỗi kích cỡ  
Mà thảy mỗi sanh trưởng  
  
根căn 莖hành 枝chi 葉diệp 。  
華hoa 果quả 光quang 色sắc 。  
一nhất 雨vũ 所sở 及cập 。  
皆giai 得đắc 鮮tiên 澤trạch 。  
  
Gốc rễ thân cành lá  
Hoa quả màu sắc sáng  
Với một trận mưa đó  
Đều thấm ướt tốt tươi  
  
如như 其kỳ 體thể 相tướng 。  
性tánh 分phân 大đại 小tiểu 。  
所sở 潤nhuận 是thị 一nhất 。  
而nhi 各các 滋tư 茂mậu 。  
  
Tùy thể tướng của chúng  
Căn tánh lớn hay nhỏ  
Thấm nhuần đều như nhau  
Mà tùy mỗi tốt tươi  
  
佛Phật 亦diệc 如như 是thị 。  
出xuất 現hiện 於ư 世thế 。  
譬thí 如như 大đại 雲vân 。  
普phổ 覆phú 一nhất 切thiết 。  
  
Phật cũng lại như vậy  
Xuất hiện ở thế gian  
Ví như đám mây lớn  
Bao trùm che tất cả  
  
既ký 出xuất 于vu 世thế 。  
為vì 諸chư 眾chúng 生sanh 。  
分phân 別biệt 演diễn 說thuyết 。  
諸chư 法pháp 之chi 實thật 。  
  
Khi Phật đã xuất thế  
Ngài vì các chúng sanh  
Phân biệt và diễn nói  
Thật tướng của các pháp  
  
大Đại 聖Thánh 世Thế 尊Tôn 。  
於ư 諸chư 天thiên 人nhân 。  
一nhất 切thiết 眾chúng 中trung 。  
而nhi 宣tuyên 是thị 言ngôn 。  
  
Bậc Đại Thánh Thế Tôn  
Ở giữa hàng trời người  
Trong hết thảy đại chúng  
Mà nói lời như vầy  
  
我ngã 為vi 如Như 來Lai 。  
兩Lưỡng 足Túc 之chi 尊Tôn 。  
出xuất 于vu 世thế 間gian 。  
猶do 如như 大đại 雲vân 。  
  
'Ta là bậc Như Lai  
Bậc phước trí vẹn toàn  
Xuất hiện ở thế gian  
Ví như đám mây lớn  
  
充sung 潤nhuận 一nhất 切thiết 。  
枯khô 槁cảo 眾chúng 生sanh 。  
皆giai 令linh 離ly 苦khổ 。  
得đắc 安an 隱ẩn 樂lạc 。  
世thế 間gian 之chi 樂lạc 。  
及cập 涅Niết 槃Bàn 樂lạc 。  
  
Thấm nhuần hết tất cả  
Chúng sanh nào khô héo  
Khiến đều xa ách khổ  
Được an ổn bình yên  
Thọ vui sướng thế gian  
Và tịch diệt an lạc  
  
諸chư 天thiên 人nhân 眾chúng 。  
一nhất 心tâm 善thiện 聽thính 。  
皆giai 應ưng 到đáo 此thử 。  
覲cận 無Vô 上Thượng 尊Tôn 。  
  
Chư thiên và nhân thế  
Nhất tâm khéo lắng nghe  
Đều nên đến nơi này  
Thân cận Vô Thượng Tôn  
  
我ngã 為vi 世Thế 尊Tôn 。  
無vô 能năng 及cập 者giả 。  
安an 隱ẩn 眾chúng 生sanh 。  
故cố 現hiện 於ư 世thế 。  
  
Ta là Đức Thế Tôn  
Không một ai sánh bằng  
An định các chúng sanh  
Nên thị hiện ở đời'  
  
為vì 大đại 眾chúng 說thuyết 。  
甘cam 露lộ 淨tịnh 法Pháp 。  
其kỳ 法Pháp 一nhất 味vị 。  
解giải 脫thoát 涅Niết 槃Bàn 。  
  
Vì đại chúng thuyết Pháp  
Pháp thanh tịnh cam lộ  
Pháp đó chỉ một vị  
Là tịch diệt giải thoát  
  
以dĩ 一nhất 妙diệu 音âm 。  
演diễn 暢sướng 斯tư 義nghĩa 。  
常thường 為vì 大Đại 乘Thừa 。  
而nhi 作tác 因nhân 緣duyên 。  
  
Ta dùng một diệu âm  
Diễn nói nghĩa thú này  
Luôn thường vì Đại Thừa  
Mà gieo tạo nhân duyên  
  
我ngã 觀quán 一nhất 切thiết 。  
普phổ 皆giai 平bình 等đẳng 。  
無vô 有hữu 彼bỉ 此thử 。  
愛ái 憎tăng 之chi 心tâm 。  
我ngã 無vô 貪tham 著trước 。  
亦diệc 無vô 限hạn 礙ngại 。  
  
Ta quán sát tất cả  
Rộng khắp đều bình đẳng  
Chẳng có đây hay đó  
Cùng với lòng thương ghét  
Ta đều không tham trước  
Cũng không bị chướng ngại  
  
恆hằng 為vì 一nhất 切thiết 。  
平bình 等đẳng 說thuyết 法Pháp 。  
如như 為vi 一nhất 人nhân 。  
眾chúng 多đa 亦diệc 然nhiên 。  
  
Luôn luôn vì tất cả  
Mà bình đẳng thuyết Pháp  
Một người cũng như thế  
Nhiều người cũng như vậy  
  
常thường 演diễn 說thuyết 法Pháp 。  
曾tằng 無vô 他tha 事sự 。  
去khứ 來lai 坐tọa 立lập 。  
終chung 不bất 疲bì 厭yếm 。  
充sung 足túc 世thế 間gian 。  
如như 雨vũ 普phổ 潤nhuận 。  
  
Ta luôn thuyết giảng Pháp  
Chẳng có việc nào khác  
Đến đi hoặc đứng ngồi  
Không bao giờ chán mỏi  
Đầy khắp ở thế gian  
Như mưa thấm mọi nơi  
  
貴quý 賤tiện 上thượng 下hạ 。  
持trì 戒giới 毀hủy 戒giới 。  
威uy 儀nghi 具cụ 足túc 。  
及cập 不bất 具cụ 足túc 。  
正chánh 見kiến 邪tà 見kiến 。  
利lợi 根căn 鈍độn 根căn 。  
等đẳng 雨vũ 法Pháp 雨vũ 。  
而nhi 無vô 懈giải 倦quyện 。  
  
Sang hèn thượng trung hạ  
Trì giới phá hủy giới  
Bậc uy nghi trọn đủ  
Cùng kẻ bị khiếm khuyết  
Chánh kiến với tà kiến  
Lợi căn và độn căn  
Rưới mưa Pháp đồng đều  
Mà chưa hề mỏi mệt  
  
一nhất 切thiết 眾chúng 生sanh 。  
聞văn 我ngã 法Pháp 者giả 。  
隨tùy 力lực 所sở 受thọ 。  
住trụ 於ư 諸chư 地Địa 。  
  
Hết thảy các chúng sanh  
Nghe được Pháp của Ta  
Tùy theo sức lãnh thọ  
Trụ ở nơi các Địa  
  
或hoặc 處xứ 人nhân 天thiên 。  
轉Chuyển 輪Luân 聖Thánh 王Vương 。  
釋Thích 梵Phạm 諸chư 王vương 。  
是thị 小tiểu 藥dược 草thảo 。  
  
Hoặc ở cõi trời người  
Làm Chuyển Luân Thánh Vương  
Phạm Vương Năng Thiên Đế  
Đây là dược thảo nhỏ  
  
知tri 無vô 漏lậu 法Pháp 。  
能năng 得đắc 涅Niết 槃Bàn 。  
起khởi 六Lục 神Thần 通Thông 。  
及cập 得đắc 三Tam 明Minh 。  
  
Người biết Pháp vô lậu  
Có thể đắc tịch diệt  
Và phát khởi Sáu Thông  
Cùng chứng đắc Ba Minh  
  
獨độc 處xử 山sơn 林lâm 。  
常thường 行hành 禪thiền 定định 。  
得đắc 緣Duyên 覺Giác 證chứng 。  
是thị 中trung 藥dược 草thảo 。  
  
Một mình ở núi rừng  
Luôn thực hành thiền định  
Chứng đắc Đạo Duyên Giác  
Đây là dược thảo vừa  
  
求cầu 世Thế 尊Tôn 處xứ 。  
我ngã 當đương 作tác 佛Phật 。  
行hành 精tinh 進tấn 定định 。  
是thị 上thượng 藥dược 草thảo 。  
  
Người cầu nơi Thế Tôn  
Nói 'mình sẽ thành Phật'  
Tinh tấn tu thiền định  
Đây là dược thảo lớn  
  
又hựu 諸chư 佛Phật 子tử 。  
專chuyên 心tâm 佛Phật 道Đạo 。  
常thường 行hành 慈từ 悲bi 。  
自tự 知tri 作tác 佛Phật 。  
決quyết 定định 無vô 疑nghi 。  
是thị 名danh 小tiểu 樹thụ 。  
  
Lại có các Phật tử  
Chuyên tâm cầu Phật Đạo  
Luôn rải tâm từ bi  
Tự biết sẽ thành Phật  
Chắc chắn không còn nghi  
Đây gọi là cây nhỏ  
  
安an 住trụ 神thần 通thông 。  
轉chuyển 不bất 退thoái 輪luân 。  
度độ 無vô 量lượng 億ức 。  
百bách 千thiên 眾chúng 生sanh 。  
如như 是thị 菩Bồ 薩Tát 。  
名danh 為vi 大đại 樹thụ 。  
  
Bậc an trụ thần thông  
Lăn chuyển Chánh Pháp luân  
Hóa độ các chúng sanh  
Nhiều vô lượng tỷ ức  
Chư Bồ-tát như thế  
Đây gọi là cây lớn  
  
佛Phật 平bình 等đẳng 說thuyết 。  
如như 一nhất 味vị 雨vũ 。  
隨tùy 眾chúng 生sanh 性tánh 。  
所sở 受thọ 不bất 同đồng 。  
  
Phật thuyết Pháp bình đẳng  
Như một vị của mưa  
Tùy căn tánh chúng sanh  
Lãnh thọ chẳng giống nhau  
  
如như 彼bỉ 草thảo 木mộc 。  
所sở 稟bẩm 各các 異dị 。  
佛Phật 以dĩ 此thử 喻dụ 。  
方phương 便tiện 開khai 示thị 。  
  
Như các cỏ cây kia  
Bổn tánh đều sai khác  
Phật dùng thí dụ này  
Để khai thị phương tiện  
  
種chủng 種chủng 言ngôn 辭từ 。  
演diễn 說thuyết 一nhất 法Pháp 。  
於ư 佛Phật 智trí 慧tuệ 。  
如như 海hải 一nhất 滴tích 。  
  
Với đủ mọi ngôn từ  
Diễn giải nói một Pháp  
Trong trí tuệ của Phật  
Như một giọt giữa biển  
  
我ngã 雨vũ 法Pháp 雨vũ 。  
充sung 滿mãn 世thế 間gian 。  
一nhất 味vị 之chi 法Pháp 。  
隨tùy 力lực 修tu 行hành 。  
  
Ta rưới xuống mưa Pháp  
Đầy khắp ở thế gian  
Một Pháp vị duy nhất  
Tùy sức họ tu hành  
  
如như 彼bỉ 叢tùng 林lâm 。  
藥dược 草thảo 諸chư 樹thụ 。  
隨tùy 其kỳ 大đại 小tiểu 。  
漸tiệm 增tăng 茂mậu 好hảo 。  
  
Đây như rừng rậm kia  
Dược thảo các cây cối  
Tùy kích cỡ lớn bé  
Dần dần sẽ tốt tươi  
  
諸chư 佛Phật 之chi 法Pháp 。  
常thường 以dĩ 一nhất 味vị 。  
令linh 諸chư 世thế 間gian 。  
普phổ 得đắc 具cụ 足túc 。  
漸tiệm 次thứ 修tu 行hành 。  
皆giai 得đắc 道Đạo 果Quả 。  
  
Pháp của tất cả Phật  
Luôn chỉ có một vị  
Khiến hết thảy thế gian  
Ai cũng được viên tròn  
Họ tu hành lần lần  
Đều sẽ đắc Đạo Quả  
  
聲Thanh 聞Văn 緣Duyên 覺Giác 。  
處xử 於ư 山sơn 林lâm 。  
住trụ 最tối 後hậu 身thân 。  
聞văn 法Pháp 得đắc 果Quả 。  
是thị 名danh 藥dược 草thảo 。  
各các 得đắc 增tăng 長trưởng 。  
  
Thanh Văn và Duyên Giác  
Sống ở trong núi rừng  
Trụ ở thân cuối cùng  
Nghe Pháp chứng đắc Quả  
Đây gọi là dược thảo  
Tùy mỗi mà tăng trưởng  
  
若nhược 諸chư 菩Bồ 薩Tát 。  
智trí 慧tuệ 堅kiên 固cố 。  
了liễu 達đạt 三tam 界giới 。  
求cầu 最Tối 上Thượng 乘Thừa 。  
是thị 名danh 小tiểu 樹thụ 。  
而nhi 得đắc 增tăng 長trưởng 。  
  
Nếu có chư Bồ-tát  
Với trí tuệ kiên cố  
Liễu đạt lìa ba cõi  
Chí cầu Tối Thượng Thừa  
Đây gọi là cây nhỏ  
Tùy mỗi mà tăng trưởng  
  
復phục 有hữu 住trụ 禪thiền 。  
得đắc 神thần 通thông 力lực 。  
聞văn 諸chư 法pháp 空không 。  
心tâm 大đại 歡hoan 喜hỷ 。  
放phóng 無vô 數số 光quang 。  
度độ 諸chư 眾chúng 生sanh 。  
是thị 名danh 大đại 樹thụ 。  
而nhi 得đắc 增tăng 長trưởng 。  
  
Lại có người trụ thiền  
Chứng đắc sức thần thông  
Nghe được các pháp không  
Tâm sanh đại hoan hỷ  
Phóng ra vô số quang  
Hóa độ các chúng sanh  
Đây gọi là cây lớn  
Tùy mỗi mà tăng trưởng  
  
如như 是thị 迦Ca 葉Diếp 。  
佛Phật 所sở 說thuyết 法Pháp 。  
譬thí 如như 大đại 雲vân 。  
以dĩ 一nhất 味vị 雨vũ 。  
潤nhuận 於ư 人nhân 華hoa 。  
各các 得đắc 成thành 實thật 。  
  
Như thế Đại Ẩm Quang  
Pháp của chư Phật nói  
Ví như đám mây lớn  
Mưa xuống chỉ một vị  
Thấm nhuần người và hoa  
Tùy mỗi sẽ kết quả  
  
迦Ca 葉Diếp 當đương 知tri 。  
以dĩ 諸chư 因nhân 緣duyên 。  
種chủng 種chủng 譬thí 喻dụ 。  
開khai 示thị 佛Phật 道Đạo 。  
是thị 我ngã 方phương 便tiện 。  
諸chư 佛Phật 亦diệc 然nhiên 。  
  
Đại Ẩm Quang nên biết  
Ta dùng các nhân duyên  
Và đủ mọi thí dụ  
Mà khai thị Phật Đạo  
Là phương tiện của Ta  
Chư Phật cũng như vậy  
  
今kim 為vì 汝nhữ 等đẳng 。  
說thuyết 最tối 實thật 事sự 。  
諸chư 聲Thanh 聞Văn 眾chúng 。  
皆giai 非phi 滅diệt 度độ 。  
  
Ta nay vì các ông  
Nói sự thật sau cùng  
Tất cả hàng Thanh Văn  
Đều chưa ai diệt độ  
  
汝nhữ 等đẳng 所sở 行hành 。  
是thị 菩Bồ 薩Tát 道Đạo 。  
漸tiệm 漸tiệm 修tu 學học 。  
悉tất 當đương 成thành 佛Phật 。  
  
Việc làm của các ông  
Đó là Đạo Bồ-tát  
Hãy tu học lần lần  
Tất đều sẽ thành Phật"  
  
授Thọ 記Ký 品Phẩm 第đệ 六lục

☸ Phẩm 6: Thọ Ký

爾nhĩ 時thời 世Thế 尊Tôn 。說thuyết 是thị 偈kệ 已dĩ 。告cáo 諸chư 大đại 眾chúng 。唱xướng 如như 是thị 言ngôn 。  
Sau khi Thế Tôn nói bài kệ đó xong, Ngài bảo các đại chúng như vầy:  
  
我ngã 此thử 弟đệ 子tử 。摩Ma 訶Ha 迦Ca 葉Diếp 。於ư 未vị 來lai 世thế 。當đương 得đắc 奉phụng 覲cận 。三tam 百bách 萬vạn 億ức 。諸chư 佛Phật 世Thế 尊Tôn 。供cúng 養dường 恭cung 敬kính 。尊tôn 重trọng 讚tán 歎thán 。廣quảng 宣tuyên 諸chư 佛Phật 。無vô 量lượng 大đại 法Pháp 。  
"Bhikṣu Đại Ẩm Quang, vị đệ tử này của Ta sẽ phụng sự và thân cận ba triệu ức chư Phật Thế Tôn ở vào đời vị lai, cung kính cúng dường, tôn trọng tán thán, và rộng tuyên dương vô lượng đại Pháp của chư Phật.  
  
於ư 最tối 後hậu 身thân 。得đắc 成thành 為vi 佛Phật 。名danh 曰viết 光Quang 明Minh 如Như 來Lai 。應Ứng 供Cúng 。正Chánh 遍Biến 知Tri 。明Minh 行Hạnh 足Túc 。善Thiện 逝Thệ 。世Thế 間Gian 解Giải 。無Vô 上Thượng 士Sĩ 。調Điều 御Ngự 丈Trượng 夫Phu 。天Thiên 人Nhân 師Sư 。佛Phật 。世Thế 尊Tôn 。  
Khi trụ ở thân cuối cùng, ông ấy sẽ thành Phật, hiệu là Quang Minh Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.  
  
國quốc 名danh 光Quang 德Đức 。劫kiếp 名danh 大Đại 莊Trang 嚴Nghiêm 。佛Phật 壽thọ 十thập 二nhị 小tiểu 劫kiếp 。正Chánh 法Pháp 住trụ 世thế 。二nhị 十thập 小tiểu 劫kiếp 。像Tượng 法Pháp 亦diệc 住trụ 。二nhị 十thập 小tiểu 劫kiếp 。  
Quốc độ tên là Quang Đức. Kiếp tên là Đại Trang Nghiêm. Thọ mạng của Đức Phật đó là 12 tiểu kiếp. Thời gian Chánh Pháp trụ thế là 20 tiểu kiếp. Thời gian Tượng Pháp cũng trụ thế 20 tiểu kiếp.  
  
國quốc 界giới 嚴nghiêm 飾sức 。無vô 諸chư 穢uế 惡ác 。瓦ngõa 礫lịch 荊kinh 棘cức 。便tiện 利lợi 不bất 淨tịnh 。其kỳ 土độ 平bình 正chánh 。無vô 有hữu 高cao 下hạ 。坑khanh 坎khảm 堆đôi 阜phụ 。琉lưu 璃ly 為vi 地địa 。寶bảo 樹thụ 行hàng 列liệt 。黃hoàng 金kim 為vi 繩thằng 。以dĩ 界giới 道đạo 側trắc 。散tán 諸chư 寶bảo 華hoa 。周chu 遍biến 清thanh 淨tịnh 。其kỳ 國quốc 菩Bồ 薩Tát 。無vô 量lượng 千thiên 億ức 。諸chư 聲Thanh 聞Văn 眾chúng 。亦diệc 復phục 無vô 數số 。無vô 有hữu 魔ma 事sự 。雖tuy 有hữu 魔ma 及cập 魔ma 民dân 。皆giai 護hộ 佛Phật 法Pháp 。  
Cõi nước ấy trang nghiêm. Không có việc ác, đồ dơ bẩn, ngói, đá sỏi, cây gai, phân, hay những thứ bất tịnh. Quốc độ bằng phẳng, không có chỗ cao hay thấp, hầm hố hay núi đồi. Đất làm bằng lưu ly và có các hàng cây báu. Những sợi dây hoàng kim được giăng trên các con đường. Các hoa báu rải xuống và làm cho khắp nơi đều thanh tịnh. Có vô lượng ngàn ức Bồ-tát trong cõi nước đó. Số lượng của hàng Thanh Văn thánh chúng cũng nhiều vô số. Nơi ấy không có việc làm của ma. Tuy có ma và nhân dân của ma nhưng họ đều hộ trì Phật Pháp."

爾nhĩ 時thời 世Thế 尊Tôn 。欲dục 重trùng 宣tuyên 此thử 義nghĩa 。而nhi 說thuyết 偈kệ 言ngôn 。告cáo 諸chư 比Bỉ 丘Khâu 。  
Lúc bấy giờ Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa lý ở trên nên nói kệ bảo các Bhikṣu rằng:  
  
我ngã 以dĩ 佛Phật 眼nhãn 。  
見kiến 是thị 迦Ca 葉Diếp 。  
於ư 未vị 來lai 世thế 。  
過quá 無vô 數số 劫kiếp 。  
當đương 得đắc 作tác 佛Phật 。  
  
"Như Lai dùng Phật nhãn  
Quán thấy Đại Ẩm Quang  
Ở vào đời vị lai  
Trải qua vô số kiếp  
Sẽ được thành Phật Đạo  
  
而nhi 於ư 來lai 世thế 。  
供cúng 養dường 奉phụng 覲cận 。  
三tam 百bách 萬vạn 億ức 。  
諸chư 佛Phật 世Thế 尊Tôn 。  
  
Ở vào đời vị lai  
Sẽ cúng dường phụng sự  
Hầu ba trăm vạn ức  
Chư Như Lai Thế Tôn  
  
為vì 佛Phật 智trí 慧tuệ 。  
淨tịnh 修tu 梵Phạm 行hạnh 。  
供cúng 養dường 最tối 上thượng 。  
二Nhị 足Túc 尊Tôn 已dĩ 。  
  
Vì cầu trí của Phật  
Tịnh hạnh luôn tu hành  
Cúng dường tối thượng Tôn  
Bậc phước trí vẹn toàn  
  
修tu 習tập 一nhất 切thiết 。  
無vô 上thượng 之chi 慧tuệ 。  
於ư 最tối 後hậu 身thân 。  
得đắc 成thành 為vi 佛Phật 。  
  
Rồi tu tập tất cả  
Mọi trí tuệ vô thượng  
Trụ ở thân cuối cùng  
Sẽ được thành Phật Đạo  
  
其kỳ 土độ 清thanh 淨tịnh 。  
琉lưu 璃ly 為vi 地địa 。  
多đa 諸chư 寶bảo 樹thụ 。  
行hàng 列liệt 道đạo 側trắc 。  
金kim 繩thằng 界giới 道đạo 。  
見kiến 者giả 歡hoan 喜hỷ 。  
  
Cõi nước ấy thanh tịnh  
Đất làm bằng lưu ly  
Với nhiều hàng cây báu  
Giăng trên các con đường  
Treo những sợi dây vàng  
Người thấy đều hoan hỷ  
  
常thường 出xuất 好hảo 香hương 。  
散tán 眾chúng 名danh 華hoa 。  
種chủng 種chủng 奇kỳ 妙diệu 。  
以dĩ 為vi 莊trang 嚴nghiêm 。  
  
Hương thơm luôn xông khắp  
Rải xuống những hoa quý  
Và mọi vật kỳ diệu  
Để dùng làm trang nghiêm  
  
其kỳ 地địa 平bình 正chánh 。  
無vô 有hữu 丘khâu 坑khanh 。  
諸chư 菩Bồ 薩Tát 眾chúng 。  
不bất 可khả 稱xưng 計kế 。  
  
Đất nơi đó bằng phẳng  
Cũng chẳng có gò hố  
Chư Bồ-tát đại chúng  
Không thể tính đếm kể  
  
其kỳ 心tâm 調điều 柔nhu 。  
逮đãi 大đại 神thần 通thông 。  
奉phụng 持trì 諸chư 佛Phật 。  
大Đại 乘Thừa 經Kinh 典điển 。  
  
Tâm điều phục nhu hòa  
Họ có thần thông lớn  
Trì các Kinh Đại Thừa  
Của chư Phật Như Lai  
  
諸chư 聲Thanh 聞Văn 眾chúng 。  
無vô 漏lậu 後hậu 身thân 。  
法Pháp 王Vương 之chi 子tử 。  
亦diệc 不bất 可khả 計kế 。  
乃nãi 以dĩ 天thiên 眼nhãn 。  
不bất 能năng 數sổ 知tri 。  
  
Hàng Thanh Văn thánh chúng  
Vô lậu thân cuối cùng  
Là con của Pháp Vương  
Cũng nhiều không kể xiết  
Cho đến dùng thiên nhãn  
Chẳng thể biết số lượng  
  
其kỳ 佛Phật 當đương 壽thọ 。  
十thập 二nhị 小tiểu 劫kiếp 。  
正Chánh 法Pháp 住trụ 世thế 。  
二nhị 十thập 小tiểu 劫kiếp 。  
  
Thọ mạng Đức Phật đó  
Là mười hai tiểu kiếp  
Còn Chánh Pháp trụ thế  
Dài hai mươi tiểu kiếp  
  
像Tượng 法Pháp 亦diệc 住trụ 。  
二nhị 十thập 小tiểu 劫kiếp 。  
光Quang 明Minh 世Thế 尊Tôn 。  
其kỳ 事sự 如như 是thị 。  
  
Thời gian Tượng Pháp trụ  
Cũng hai mươi tiểu kiếp  
Đức Quang Minh Thế Tôn  
Việc ấy là như vậy"

爾nhĩ 時thời 大Đại 目Mục 犍Kiền 連Liên 。須Tu 菩Bồ 提Đề 。摩Ma 訶Ha 迦Ca 栴Chiên 延Diên 等đẳng 。皆giai 悉tất 悚tủng 慄lật 。一nhất 心tâm 合hợp 掌chưởng 。瞻chiêm 仰ngưỡng 尊Tôn 顏nhan 。目mục 不bất 暫tạm 捨xả 。  
Lúc bấy giờ Tôn giả Thiện Hiện, Tôn giả Đại Tiễn Thế Chủng Nam, và Tôn giả Đại Thải Thúc Thị thảy đều run sợ. Họ nhất tâm chắp tay, chiêm ngưỡng Tôn nhan, và mắt không rời một thoáng.  
  
即tức 共cộng 同đồng 聲thanh 。而nhi 說thuyết 偈kệ 言ngôn 。  
Họ liền đồng thanh nói kệ rằng:  
  
大đại 雄hùng 猛mãnh 世Thế 尊Tôn 。  
諸chư 釋Thích 之chi 法Pháp 王Vương 。  
哀ai 愍mẫn 我ngã 等đẳng 故cố 。  
而nhi 賜tứ 佛Phật 音âm 聲thanh 。  
  
"Đại dũng mãnh Thế Tôn  
Đức Năng Nhân Pháp Vương  
Hãy thương xót chúng con  
Mà ban Phật âm thanh  
  
若nhược 知tri 我ngã 深thâm 心tâm 。  
見kiến 為vi 授thọ 記ký 者giả 。  
如như 以dĩ 甘cam 露lộ 灑sái 。  
除trừ 熱nhiệt 得đắc 清thanh 涼lương 。  
  
Phật biết đáy lòng con  
Nếu thấy được thọ ký  
Sẽ như rưới cam lộ  
Trừ nhiệt được mát mẻ  
  
如như 從tùng 饑cơ 國quốc 來lai 。  
忽hốt 遇ngộ 大đại 王vương 饍thiện 。  
心tâm 猶do 懷hoài 疑nghi 懼cụ 。  
未vị 敢cảm 即tức 便tiện 食thực 。  
若nhược 復phục 得đắc 王vương 教giáo 。  
然nhiên 後hậu 乃nãi 敢cảm 食thực 。  
  
Như từ nước đói tới  
Bỗng gặp yến tiệc vua  
Lòng hoài nghi sợ hãi  
Và liền chẳng dám ăn  
Nếu lại được vua cho  
Sau đó mới dám ăn  
  
我ngã 等đẳng 亦diệc 如như 是thị 。  
每mỗi 惟duy 小Tiểu 乘Thừa 過quá 。  
不bất 知tri 當đương 云vân 何hà 。  
得đắc 佛Phật 無vô 上thượng 慧tuệ 。  
  
Chúng con cũng như vậy  
Tự nghĩ Nhị Thừa lỗi  
Chẳng biết phải làm sao  
Đắc Phật trí vô thượng  
  
雖tuy 聞văn 佛Phật 音âm 聲thanh 。  
言ngôn 我ngã 等đẳng 作tác 佛Phật 。  
心tâm 尚thượng 懷hoài 憂ưu 懼cụ 。  
如như 未vị 敢cảm 便tiện 食thực 。  
若nhược 蒙mông 佛Phật 授thọ 記ký 。  
爾nhĩ 乃nãi 快khoái 安an 樂lạc 。  
  
Tuy nghe Phật âm thanh  
Nói chúng con thành Phật  
Lòng ưu lo sợ hãi  
Như người chẳng dám ăn  
Nếu được Phật thọ ký  
Thì sẽ được an vui  
  
大đại 雄hùng 猛mãnh 世Thế 尊Tôn 。  
常thường 欲dục 安an 世thế 間gian 。  
願nguyện 賜tứ 我ngã 等đẳng 記ký 。  
如như 飢cơ 須tu 教giáo 食thực 。  
  
Đại dũng mãnh Thế Tôn  
Luôn muốn an thế gian  
Xin thọ ký chúng con  
Như cho người đói ăn"

爾nhĩ 時thời 世Thế 尊Tôn 。知tri 諸chư 大đại 弟đệ 子tử 。心tâm 之chi 所sở 念niệm 。告cáo 諸chư 比Bỉ 丘Khâu 。  
Lúc bấy giờ Thế Tôn biết tâm niệm của các vị đại đệ tử nên bảo các Bhikṣu rằng:  
  
是thị 須Tu 菩Bồ 提Đề 。於ư 當đương 來lai 世thế 。奉phụng 覲cận 三tam 百bách 萬vạn 億ức 。那na 由do 他tha 佛Phật 。供cúng 養dường 恭cung 敬kính 。尊tôn 重trọng 讚tán 歎thán 。常thường 修tu 梵Phạm 行hạnh 。具cụ 菩Bồ 薩Tát 道Đạo 。於ư 最tối 後hậu 身thân 。得đắc 成thành 為vi 佛Phật 。號hiệu 曰viết 名Danh 相Tướng 如Như 來Lai 。應Ứng 供Cúng 。正Chánh 遍Biến 知Tri 。明Minh 行Hạnh 足Túc 。善Thiện 逝Thệ 。世Thế 間Gian 解Giải 。無Vô 上Thượng 士Sĩ 。調Điều 御Ngự 丈Trượng 夫Phu 。天Thiên 人Nhân 師Sư 。佛Phật 。世Thế 尊Tôn 。  
"Vào đời vị lai, Bhikṣu Thiện Hiện sẽ phụng sự và thân cận ba triệu ức nayuta chư Phật, cung kính cúng dường, tôn trọng tán thán, luôn tu tịnh hạnh, và đầy đủ Đạo Bồ-tát. Khi trụ ở thân cuối cùng, ông ấy sẽ thành Phật, hiệu là Danh Tướng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.  
  
劫kiếp 名danh 有Hữu 寶Bảo 。國quốc 名danh 寶Bảo 生Sanh 。其kỳ 土độ 平bình 正chánh 。玻pha 梨lê 為vi 地địa 。寶bảo 樹thụ 莊trang 嚴nghiêm 。無vô 諸chư 丘khâu 坑khanh 。沙sa 礫lịch 荊kinh 棘cức 。便tiện 利lợi 之chi 穢uế 。寶bảo 華hoa 覆phú 地địa 。周chu 遍biến 清thanh 淨tịnh 。其kỳ 土độ 人nhân 民dân 。皆giai 處xứ 寶bảo 臺đài 。珍trân 妙diệu 樓lâu 閣các 。  
Kiếp tên là Hữu Bảo. Quốc độ tên là Bảo Sanh. Cõi nước đó bằng phẳng, pha lê làm đất, và cây báu trang nghiêm. Nơi ấy không có các gò cao, hầm hố, cát sỏi, cây gai, phân hay đồ ô uế. Các hoa báu phủ trên đất và làm cho khắp nơi đều thanh tịnh. Dân chúng ở quốc độ ấy đều ở trong đài báu hoặc trong những lầu các trân quý vi diệu.  
  
聲Thanh 聞Văn 弟đệ 子tử 。無vô 量lượng 無vô 邊biên 。算toán 數số 譬thí 喻dụ 。所sở 不bất 能năng 知tri 。諸chư 菩Bồ 薩Tát 眾chúng 。無vô 數số 千thiên 萬vạn 億ức 那na 由do 他tha 。  
Số lượng của hàng Thanh Văn đệ tử thì nhiều vô lượng vô biên, không thể dùng toán số thí dụ mà có thể biết được. Còn số lượng của chư Bồ-tát thì nhiều vô số ngàn vạn ức nayuta.  
  
佛Phật 壽thọ 十thập 二nhị 小tiểu 劫kiếp 。正Chánh 法Pháp 住trụ 世thế 二nhị 十thập 小tiểu 劫kiếp 。像Tượng 法Pháp 亦diệc 住trụ 。二nhị 十thập 小tiểu 劫kiếp 。其kỳ 佛Phật 常thường 處xứ 虛hư 空không 。為vì 眾chúng 說thuyết 法Pháp 。度độ 脫thoát 無vô 量lượng 菩Bồ 薩Tát 。及cập 聲Thanh 聞Văn 眾chúng 。  
Thọ mạng của Đức Phật đó là 12 tiểu kiếp. Thời gian Chánh Pháp trụ thế là 20 tiểu kiếp. Thời gian Tượng Pháp cũng trụ thế 20 tiểu kiếp. Đức Phật ấy luôn ở trong hư không thuyết Pháp cho đại chúng và độ thoát vô lượng Bồ-tát cùng hàng Thanh Văn."

爾nhĩ 時thời 世Thế 尊Tôn 。欲dục 重trùng 宣tuyên 此thử 義nghĩa 。而nhi 說thuyết 偈kệ 言ngôn 。  
Lúc bấy giờ Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa lý ở trên nên nói kệ rằng:  
  
諸chư 比Bỉ 丘Khâu 眾chúng 。  
今kim 告cáo 汝nhữ 等đẳng 。  
皆giai 當đương 一nhất 心tâm 。  
聽thính 我ngã 所sở 說thuyết 。  
  
"Này các vị Bhikṣu  
Ta bây giờ sẽ nói  
Các ông hãy nhất tâm  
Lắng nghe lời Ta dạy  
  
我ngã 大đại 弟đệ 子tử 。  
須Tu 菩Bồ 提Đề 者giả 。  
當đương 得đắc 作tác 佛Phật 。  
號hiệu 曰viết 名Danh 相Tướng 。  
  
Đại đệ tử của Ta  
Là Thiện Hiện này đây  
Vị lai sẽ thành Phật  
Phật hiệu là Danh Tướng  
  
當đương 供cúng 無vô 數số 。  
萬vạn 億ức 諸chư 佛Phật 。  
隨tùy 佛Phật 所sở 行hành 。  
漸tiệm 具cụ 大Đại 道Đạo 。  
  
Sẽ cúng dường vô số  
Vạn ức chư Như Lai  
Học theo hạnh của Phật  
Dần dần đắc Đại Đạo  
  
最tối 後hậu 身thân 得đắc 。  
三tam 十thập 二nhị 相tướng 。  
端đoan 正chánh 姝xu 妙diệu 。  
猶do 如như 寶bảo 山sơn 。  
  
Trụ ở thân cuối cùng  
Đầy đủ ba hai tướng  
Đoan chánh đẹp vi diệu  
Tựa như hòn núi báu  
  
其kỳ 佛Phật 國quốc 土độ 。  
嚴nghiêm 淨tịnh 第đệ 一nhất 。  
眾chúng 生sanh 見kiến 者giả 。  
無vô 不bất 愛ái 樂nhạo 。  
  
Cõi nước Đức Phật ấy  
Trang nghiêm tịnh đệ nhất  
Chúng sanh thấy nơi đó  
Không ai chẳng yêu thích  
  
佛Phật 於ư 其kỳ 中trung 。  
度độ 無vô 量lượng 眾chúng 。  
其kỳ 佛Phật 法Pháp 中trung 。  
多đa 諸chư 菩Bồ 薩Tát 。  
皆giai 悉tất 利lợi 根căn 。  
轉chuyển 不bất 退thoái 輪luân 。  
  
Phật trong cõi nước ấy  
Hóa độ vô lượng chúng  
Trong giáo Pháp Phật đó  
Rất đông chư Bồ-tát  
Thảy đều có lợi căn  
Lăn chuyển Chánh Pháp luân  
  
彼bỉ 國quốc 常thường 以dĩ 。  
菩Bồ 薩Tát 莊trang 嚴nghiêm 。  
諸chư 聲Thanh 聞Văn 眾chúng 。  
不bất 可khả 稱xưng 數số 。  
  
Quốc độ kia luôn có  
Chư Bồ-tát trang nghiêm  
Hàng Thanh Văn thánh chúng  
Số nhiều chẳng kể xiết  
  
皆giai 得đắc 三Tam 明Minh 。  
具cụ 六Lục 神Thần 通Thông 。  
住trụ 八Bát 解Giải 脫Thoát 。  
有hữu 大đại 威uy 德đức 。  
  
Họ đều đắc Ba Minh  
Và đầy đủ Sáu Thông  
An trụ Tám Giải Thoát  
Và có đại uy đức  
  
其kỳ 佛Phật 說thuyết 法Pháp 。  
現hiện 於ư 無vô 量lượng 。  
神thần 通thông 變biến 化hóa 。  
不bất 可khả 思tư 議nghị 。  
  
Khi Phật đó thuyết Pháp  
Thị hiện vô số lượng  
Các thần thông biến hóa  
Hy hữu chẳng nghĩ bàn  
  
諸chư 天thiên 人nhân 民dân 。  
數số 如như 恆Hằng 沙sa 。  
皆giai 共cộng 合hợp 掌chưởng 。  
聽thính 受thọ 佛Phật 語ngữ 。  
  
Chư thiên và dân chúng  
Số như cát sông Hằng  
Họ đều đồng chắp tay  
Lắng nghe lời Phật dạy  
  
其kỳ 佛Phật 當đương 壽thọ 。  
十thập 二nhị 小tiểu 劫kiếp 。  
正Chánh 法Pháp 住trụ 世thế 。  
二nhị 十thập 小tiểu 劫kiếp 。  
像Tượng 法Pháp 亦diệc 住trụ 。  
二nhị 十thập 小tiểu 劫kiếp 。  
  
Thọ mạng Đức Phật đó  
Là mười hai tiểu kiếp  
Còn Chánh Pháp trụ thế  
Dài hai mươi tiểu kiếp  
Thời gian Tượng Pháp trụ  
Cũng hai mươi tiểu kiếp"

爾nhĩ 時thời 世Thế 尊Tôn 。復phục 告cáo 諸chư 比Bỉ 丘Khâu 眾chúng 。  
Lúc bấy giờ Thế Tôn lại bảo các Bhikṣu rằng:  
  
我ngã 今kim 語ngứ 汝nhữ 。是thị 大Đại 迦Ca 旃Chiên 延Diên 。於ư 當đương 來lai 世thế 。以dĩ 諸chư 供cúng 具cụ 。供cúng 養dường 奉phụng 事sự 。八bát 千thiên 億ức 佛Phật 。恭cung 敬kính 尊tôn 重trọng 。諸chư 佛Phật 滅diệt 後hậu 。各các 起khởi 塔tháp 廟miếu 。高cao 千thiên 由do 旬tuần 。縱tung 廣quảng 正chánh 等đẳng 。五ngũ 百bách 由do 旬tuần 。皆giai 以dĩ 金kim 。銀ngân 。琉lưu 璃ly 。硨xa 磲cừ 。瑪mã 瑙não 。真chân 珠châu 。玫mai 瑰côi 。七thất 寶bảo 合hợp 成thành 。眾chúng 華hoa 瓔anh 珞lạc 。塗đồ 香hương 末mạt 香hương 燒thiêu 香hương 。繒tăng 蓋cái 幢tràng 幡phan 。供cúng 養dường 塔tháp 廟miếu 。過quá 是thị 已dĩ 後hậu 。當đương 復phục 供cúng 養dường 。二nhị 萬vạn 億ức 佛Phật 。亦diệc 復phục 如như 是thị 。供cúng 養dường 是thị 諸chư 佛Phật 已dĩ 。具cụ 菩Bồ 薩Tát 道Đạo 。  
"Ta bây giờ sẽ nói cho các ông biết. Vào đời vị lai, Bhikṣu Đại Tiễn Thế Chủng Nam sẽ dùng các phẩm vật cúng dường, cung kính tôn trọng, và phụng sự 8.000 ức chư Phật. Sau khi mỗi chư Phật đó đã diệt độ, ông ta đều sẽ xây một ngôi tháp với chiều cao 1.000 yojana, rộng 5.000 yojana, và đều do bảy báu hợp thành, như là vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, trân châu, và mai côi.  
  
當đương 得đắc 作tác 佛Phật 。號hiệu 曰viết 閻Diêm 浮Phù 那Na 提Đề 金Kim 光Quang 如Như 來Lai 。應Ứng 供Cúng 。正Chánh 遍Biến 知Tri 。明Minh 行Hạnh 足Túc 。善Thiện 逝Thệ 。世Thế 間Gian 解Giải 。無Vô 上Thượng 士Sĩ 。調Điều 御Ngự 丈Trượng 夫Phu 。天Thiên 人Nhân 師Sư 。佛Phật 。世Thế 尊Tôn 。  
Sau đó ông ấy sẽ thành Phật, hiệu là Diêm-phù-đàn Kim Quang Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.  
  
其kỳ 土độ 平bình 正chánh 。玻pha 梨lê 為vi 地địa 。寶bảo 樹thụ 莊trang 嚴nghiêm 。黃hoàng 金kim 為vi 繩thằng 。以dĩ 界giới 道đạo 側trắc 。妙diệu 華hoa 覆phú 地địa 。周chu 遍biến 清thanh 淨tịnh 。見kiến 者giả 歡hoan 喜hỷ 。無vô 四tứ 惡ác 道đạo 。地địa 獄ngục 。餓ngạ 鬼quỷ 。畜súc 生sanh 。阿a 修tu 羅la 道đạo 。多đa 有hữu 天thiên 。人nhân 。諸chư 聲Thanh 聞Văn 眾chúng 。及cập 諸chư 菩Bồ 薩Tát 。無vô 量lượng 萬vạn 億ức 。莊trang 嚴nghiêm 其kỳ 國quốc 。佛Phật 壽thọ 十thập 二nhị 小tiểu 劫kiếp 。正Chánh 法Pháp 住trụ 世thế 。二nhị 十thập 小tiểu 劫kiếp 。像Tượng 法Pháp 亦diệc 住trụ 。二nhị 十thập 小tiểu 劫kiếp 。  
Cõi nước ấy bằng phẳng, pha lê làm đất, và cây báu trang nghiêm. Những sợi dây hoàng kim được giăng trên con đường. Các diệu hoa phủ trên đất và làm cho khắp nơi đều thanh tịnh. Khi người trông thấy thảy đều hoan hỷ. Quốc độ ấy không có bốn đường ác: địa ngục, ngạ quỷ, bàng sanh, và phi thiên. Cõi nước ấy trang nghiêm với rất nhiều hàng trời người và vô lượng vạn ức hàng Thanh Văn cùng chư Bồ-tát. Thọ mạng của Đức Phật đó là 12 tiểu kiếp. Thời gian Chánh Pháp trụ thế là 20 tiểu kiếp. Thời gian Tượng Pháp cũng trụ thế 20 tiểu kiếp."

爾nhĩ 時thời 世Thế 尊Tôn 。欲dục 重trùng 宣tuyên 此thử 義nghĩa 。而nhi 說thuyết 偈kệ 言ngôn 。  
Lúc bấy giờ Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa lý ở trên nên nói kệ rằng:  
  
諸chư 比Bỉ 丘Khâu 眾chúng 。  
皆giai 一nhất 心tâm 聽thính 。  
如như 我ngã 所sở 說thuyết 。  
真chân 實thật 無vô 異dị 。  
  
"Này các vị Bhikṣu  
Hãy thành tâm lắng nghe  
Lời của Ta sẽ nói  
Chân thật chẳng sai khác  
  
是thị 迦Ca 栴Chiên 延Diên 。  
當đương 以dĩ 種chủng 種chủng 。  
妙diệu 好hảo 供cúng 具cụ 。  
供cúng 養dường 諸chư 佛Phật 。  
  
Đại Tiễn Thế Chủng Nam  
Sẽ dùng đủ mọi thứ  
Phẩm vật quý vi diệu  
Để cúng dường chư Phật  
  
諸chư 佛Phật 滅diệt 後hậu 。  
起khởi 七thất 寶bảo 塔tháp 。  
亦diệc 以dĩ 華hoa 香hương 。  
供cúng 養dường 舍xá 利lợi 。  
  
Khi chư Phật diệt độ  
Khởi xây tháp bảy báu  
Cũng lại dùng hương hoa  
Cúng dường Phật xá-lợi  
  
其kỳ 最tối 後hậu 身thân 。  
得đắc 佛Phật 智trí 慧tuệ 。  
成thành 等Đẳng 正Chánh 覺Giác 。  
  
Trụ ở thân cuối cùng  
Sẽ đắc trí của Phật  
Thành Chánh Đẳng Chánh Giác  
  
國quốc 土độ 清thanh 淨tịnh 。  
度độ 脫thoát 無vô 量lượng 。  
萬vạn 億ức 眾chúng 生sanh 。  
皆giai 為vi 十thập 方phương 。  
之chi 所sở 供cúng 養dường 。  
  
Cõi nước ấy thanh tịnh  
Ngài độ thoát vô lượng  
Muôn ức loài hữu tình  
Và là nơi cúng dường  
Của chúng sanh mười phương  
  
佛Phật 之chi 光quang 明minh 。  
無vô 能năng 勝thắng 者giả 。  
其kỳ 佛Phật 號hiệu 曰viết 。  
閻Diêm 浮Phù 金Kim 光Quang 。  
  
Ánh sáng Đức Phật đó  
Không một ai sánh bằng  
Phật hiệu của Ngài là  
Diêm-phù-đàn Kim Quang  
  
菩Bồ 薩Tát 聲Thanh 聞Văn 。  
斷đoạn 一nhất 切thiết 有hữu 。  
無vô 量lượng 無vô 數số 。  
莊trang 嚴nghiêm 其kỳ 國quốc 。  
  
Chư Bồ-tát Thanh Văn  
Đoạn trừ tất cả hữu  
Vô lượng vô số ức  
Trang nghiêm cõi nước kia"

爾nhĩ 時thời 世Thế 尊Tôn 。復phục 告cáo 大đại 眾chúng 。  
Lúc bấy giờ Thế Tôn lại bảo đại chúng rằng:  
  
我ngã 今kim 語ngứ 汝nhữ 。是thị 大Đại 目Mục 犍Kiền 連Liên 。當đương 以dĩ 種chủng 種chủng 供cúng 具cụ 。供cúng 養dường 八bát 千thiên 諸chư 佛Phật 。恭cung 敬kính 尊tôn 重trọng 。諸chư 佛Phật 滅diệt 後hậu 。各các 起khởi 塔tháp 廟miếu 。高cao 千thiên 由do 旬tuần 。縱tung 廣quảng 正chánh 等đẳng 。五ngũ 百bách 由do 旬tuần 。皆giai 以dĩ 金kim 。銀ngân 。琉lưu 璃ly 。硨xa 磲cừ 。瑪mã 瑙não 。真chân 珠châu 。玫mai 瑰côi 。七thất 寶bảo 合hợp 成thành 。眾chúng 華hoa 瓔anh 珞lạc 。塗đồ 香hương 末mạt 香hương 燒thiêu 香hương 。繒tăng 蓋cái 幢tràng 幡phan 。以dĩ 用dụng 供cúng 養dường 。過quá 是thị 已dĩ 後hậu 。當đương 復phục 供cúng 養dường 。二nhị 百bách 萬vạn 億ức 諸chư 佛Phật 。亦diệc 復phục 如như 是thị 。  
"Ta bây giờ sẽ nói cho các ông biết: Vào đời vị lai, Bhikṣu Đại Thải Thúc Thị sẽ dùng muôn loại phẩm vật để cúng dường và cung kính tôn trọng 8.000 ức chư Phật. Sau khi mỗi chư Phật đó đã diệt độ, ông ta đều sẽ xây một ngôi tháp với chiều cao 1.000 yojana, rộng 5.000 yojana, và đều do bảy báu hợp thành, như là vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, trân châu, và mai côi. Ông ấy sẽ dùng các loại hoa, xâu chuỗi anh lạc, hương xoa, hương bột, hương đốt, lọng che, và tràng phan để làm cúng dường. Khi việc đó hoàn mãn, Bhikṣu Đại Thải Thúc Thị sẽ lại cúng dường thêm cho hai triệu ức chư Phật cũng lại như thế.  
  
當đương 得đắc 成thành 佛Phật 。號hiệu 曰viết 多Đa 摩Ma 羅La 跋Bạt 栴Chiên 檀Đàn 香Hương 如Như 來Lai 。應Ứng 供Cúng 。正Chánh 遍Biến 知Tri 。明Minh 行Hạnh 足Túc 。善Thiện 逝Thệ 。世Thế 間Gian 解Giải 。無Vô 上Thượng 士Sĩ 。調Điều 御Ngự 丈Trượng 夫Phu 。天Thiên 人Nhân 師Sư 。佛Phật 。世Thế 尊Tôn 。  
Sau đó ông ấy sẽ thành Phật, hiệu là Hoắc Diệp Chiên Đàn Hương Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.  
  
劫kiếp 名danh 喜Hỷ 滿Mãn 。國quốc 名danh 意Ý 樂Lạc 。其kỳ 土độ 平bình 正chánh 。玻pha 梨lê 為vi 地địa 。寶bảo 樹thụ 莊trang 嚴nghiêm 。散tán 真chân 珠châu 華hoa 。周chu 遍biến 清thanh 淨tịnh 。見kiến 者giả 歡hoan 喜hỷ 。多đa 諸chư 天thiên 人nhân 。菩Bồ 薩Tát 聲Thanh 聞Văn 。其kỳ 數số 無vô 量lượng 。佛Phật 壽thọ 二nhị 十thập 四tứ 小tiểu 劫kiếp 。正Chánh 法Pháp 住trụ 世thế 。四tứ 十thập 小tiểu 劫kiếp 。像Tượng 法Pháp 亦diệc 住trụ 。四tứ 十thập 小tiểu 劫kiếp 。  
Kiếp tên là Hỷ Mãn. Quốc độ tên là Ý Lạc. Cõi nước ấy bằng phẳng, pha lê làm đất, và có cây báu trang nghiêm. Các hoa trân châu rải xuống và làm cho khắp nơi đều thanh tịnh. Khi người trông thấy thảy đều hoan hỷ. Quốc độ ấy có nhiều hàng trời người cùng chư Bồ-tát Thanh Văn. Số lượng ấy là vô lượng. Thọ mạng của Đức Phật đó là 24 tiểu kiếp. Thời gian Chánh Pháp trụ thế là 40 tiểu kiếp. Thời gian Tượng Pháp cũng trụ thế 40 tiểu kiếp."

爾nhĩ 時thời 世Thế 尊Tôn 。欲dục 重trùng 宣tuyên 此thử 義nghĩa 。而nhi 說thuyết 偈kệ 言ngôn 。  
Lúc bấy giờ Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa lý ở trên nên nói kệ rằng:  
  
我ngã 此thử 弟đệ 子tử 。  
大Đại 目Mục 犍Kiền 連Liên 。  
捨xả 是thị 身thân 已dĩ 。  
得đắc 見kiến 八bát 千thiên 。  
二nhị 百bách 萬vạn 億ức 。  
諸chư 佛Phật 世Thế 尊Tôn 。  
  
"Đệ tử này của Ta  
Là Đại Thải Thúc Thị  
Khi đã xả thân này  
Sẽ thấy được tám ngàn  
Hai trăm vạn ức số  
Chư Như Lai Thế Tôn  
  
為vì 佛Phật 道Đạo 故cố 。  
供cúng 養dường 恭cung 敬kính 。  
於ư 諸chư 佛Phật 所sở 。  
常thường 修tu 梵Phạm 行hạnh 。  
於ư 無vô 量lượng 劫kiếp 。  
奉phụng 持trì 佛Phật 法Pháp 。  
  
Vì chí cầu Phật Đạo  
Cúng dường và cung kính  
Ở Đạo Tràng chư Phật  
Tịnh hạnh luôn tu hành  
Trải qua vô lượng kiếp  
Phụng trì Phật Pháp tạng  
  
諸chư 佛Phật 滅diệt 後hậu 。  
起khởi 七thất 寶bảo 塔tháp 。  
長trường 表biểu 金kim 剎sát 。  
華hoa 香hương 伎kỹ 樂nhạc 。  
而nhi 以dĩ 供cúng 養dường 。  
諸chư 佛Phật 塔tháp 廟miếu 。  
  
Khi chư Phật diệt độ  
Khởi xây tháp bảy báu  
Trưng bày vòng xoắn vàng  
Với hương hoa âm nhạc  
Mà dùng để cúng dường  
Nơi tháp của chư Phật  
  
漸tiệm 漸tiệm 具cụ 足túc 。  
菩Bồ 薩Tát 道Đạo 已dĩ 。  
於ư 意Ý 樂Lạc 國quốc 。  
而nhi 得đắc 作tác 佛Phật 。  
號hiệu 多Đa 摩Ma 羅La 。  
栴Chiên 檀Đàn 之chi 香Hương 。  
  
Sau khi đã dần dần  
Đầy đủ Đạo Bồ-tát  
Trong cõi nước Ý Lạc  
Mà được thành Phật Đạo  
Danh hiệu là Hoắc Diệp  
Chiên Đàn Hương Như Lai  
  
其kỳ 佛Phật 壽thọ 命mạng 。  
二nhị 十thập 四tứ 劫kiếp 。  
常thường 為vì 天thiên 人nhân 。  
演diễn 說thuyết 佛Phật 道Đạo 。  
  
Thọ mạng Đức Phật đó  
Dài hai mươi bốn kiếp  
Ngài thường vì trời người  
Rộng diễn nói Phật Đạo  
  
聲Thanh 聞Văn 無vô 量lượng 。  
如như 恆Hằng 河Hà 沙sa 。  
三Tam 明Minh 六Lục 通Thông 。  
有hữu 大đại 威uy 德đức 。  
  
Vô lượng bậc Thanh Văn  
Số như cát sông Hằng  
Đắc Ba Minh Sáu Thông  
Họ có đại uy đức  
  
菩Bồ 薩Tát 無vô 數số 。  
志chí 固cố 精tinh 進tấn 。  
於ư 佛Phật 智trí 慧tuệ 。  
皆giai 不bất 退thoái 轉chuyển 。  
  
Vô số chư Bồ-tát  
Tinh tấn tâm kiên cố  
Đối với trí của Phật  
Đều được không thoái chuyển  
  
佛Phật 滅diệt 度độ 後hậu 。  
正Chánh 法Pháp 當đương 住trụ 。  
四tứ 十thập 小tiểu 劫kiếp 。  
像Tượng 法Pháp 亦diệc 爾nhĩ 。  
  
Sau khi Phật diệt độ  
Chánh Pháp sẽ trụ thế  
Dài bốn mươi tiểu kiếp  
Tượng Pháp cũng như vậy  
  
我ngã 諸chư 弟đệ 子tử 。  
威uy 德đức 具cụ 足túc 。  
其kỳ 數số 五ngũ 百bách 。  
皆giai 當đương 授thọ 記ký 。  
於ư 未vị 來lai 世thế 。  
咸hàm 得đắc 成thành 佛Phật 。  
  
Các đệ tử của Ta  
Với uy đức đầy đủ  
Số ấy có năm trăm  
Đều sẽ được thọ ký  
Ở vào đời vị lai  
Thảy đều sẽ thành Phật  
  
我ngã 及cập 汝nhữ 等đẳng 。  
宿túc 世thế 因nhân 緣duyên 。  
吾ngô 今kim 當đương 說thuyết 。  
汝nhữ 等đẳng 善thiện 聽thính 。  
  
Ta cùng với các ông  
Do nhân duyên đời trước  
Ta nay sẽ thuyết giảng  
Các ông hãy lắng nghe"  
  
化Hóa 城Thành 喻Dụ 品Phẩm 第đệ 七thất

☸ Phẩm 7: Hóa Thành Dụ

佛Phật 告cáo 諸chư 比Bỉ 丘Khâu 。  
Phật bảo các Bhikṣu:  
  
乃nãi 往vãng 過quá 去khứ 。無vô 量lượng 無vô 邊biên 。不bất 可khả 思tư 議nghị 。阿a 僧tăng 祇kỳ 劫kiếp 。爾nhĩ 時thời 有hữu 佛Phật 。名danh 大Đại 通Thông 智Trí 勝Thắng 如Như 來Lai 。應Ứng 供Cúng 。正Chánh 遍Biến 知Tri 。明Minh 行Hạnh 足Túc 。善Thiện 逝Thệ 。世Thế 間Gian 解Giải 。無Vô 上Thượng 士Sĩ 。調Điều 御Ngự 丈Trượng 夫Phu 。天Thiên 人Nhân 師Sư 。佛Phật 。世Thế 尊Tôn 。其kỳ 國quốc 名danh 好Hảo 城Thành 。劫kiếp 名danh 大Đại 相Tướng 。  
"Vào thuở quá khứ vô lượng vô biên vô số kiếp chẳng thể nghĩ bàn, lúc bấy giờ có Đức Phật hiệu là Đại Thông Trí Thắng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Quốc độ tên là Hảo Thành. Kiếp tên là Đại Tướng.  
  
諸chư 比Bỉ 丘Khâu 。彼bỉ 佛Phật 滅diệt 度độ 已dĩ 來lai 。甚thậm 大đại 久cửu 遠viễn 。譬thí 如như 三Tam 千Thiên 大Đại 千Thiên 世Thế 界Giới 。所sở 有hữu 地địa 種chủng 。假giả 使sử 有hữu 人nhân 。磨ma 以dĩ 為vi 墨mặc 。過quá 於ư 東đông 方phương 千thiên 國quốc 土độ 。乃nãi 下hạ 一nhất 點điểm 。大đại 如như 微vi 塵trần 。又hựu 過quá 千thiên 國quốc 土độ 。復phục 下hạ 一nhất 點điểm 。如như 是thị 展triển 轉chuyển 。盡tận 地địa 種chủng 墨mặc 。  
Này các Bhikṣu! Thời gian từ khi Đức Phật kia diệt độ đến nay thì vô cùng lâu xa. Ví như có người nghiền nát tất cả đất đai của Tam Thiên Đại Thiên Thế Giới để làm thành mực. Rồi giả sử người ấy đi qua 1.000 cõi nước ở phương đông và sau đó nhỏ xuống một hạt mực lớn bằng như một hạt vi trần. Tiếp đến lại đi qua 1.000 cõi nước và cũng nhỏ xuống một hạt mực. Triển chuyển như thế cho đến khi nhỏ xuống hết tất cả mực được làm bằng đất đai.  
  
於ư 汝nhữ 等đẳng 意ý 云vân 何hà 。是thị 諸chư 國quốc 土độ 。若nhược 算toán 師sư 。若nhược 算toán 師sư 弟đệ 子tử 。能năng 得đắc 邊biên 際tế 。知tri 其kỳ 數số 不phủ 。  
Ý các ông nghĩ sao? Nhà toán học hay học trò của họ có thể nào biết được hết số lượng của các cõi nước đó không?"  
  
不phủ 也dã 世Thế 尊Tôn 。  
"Dạ không, thưa Thế Tôn!"  
  
諸chư 比Bỉ 丘Khâu 。是thị 人nhân 所sở 經kinh 國quốc 土độ 。若nhược 點điểm 不bất 點điểm 。盡tận 抹mạt 為vi 塵trần 。一nhất 塵trần 一nhất 劫kiếp 。彼bỉ 佛Phật 滅diệt 度độ 已dĩ 來lai 。復phục 過quá 是thị 數số 。無vô 量lượng 無vô 邊biên 。百bách 千thiên 萬vạn 億ức 。阿a 僧tăng 祇kỳ 劫kiếp 。我ngã 以dĩ 如Như 來Lai 。知tri 見kiến 力lực 故cố 。觀quán 彼bỉ 久cửu 遠viễn 。猶do 若nhược 今kim 日nhật 。  
"Này các Bhikṣu! Những cõi nước mà người này đã đi qua, hoặc nhỏ xuống hay không nhỏ xuống, tất cả hãy mang đi nghiền nát thành vi trần, rồi cứ tính mỗi vi trần là một kiếp. Thời gian từ khi Đức Phật kia diệt độ đến nay thì còn vượt hơn số đó cả vô lượng vô biên tỷ ức vô số kiếp. Do Ta dùng tri kiến của Như Lai nên quán được thời gian lâu xa kia như là mới đang xảy ra hôm nay."

爾nhĩ 時thời 世Thế 尊Tôn 。欲dục 重trùng 宣tuyên 此thử 義nghĩa 。而nhi 說thuyết 偈kệ 言ngôn 。  
Lúc bấy giờ Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa lý ở trên nên nói kệ rằng:  
  
我ngã 念niệm 過quá 去khứ 世thế 。  
無vô 量lượng 無vô 邊biên 劫kiếp 。  
有hữu 佛Phật 兩Lưỡng 足Túc 尊Tôn 。  
名danh 大Đại 通Thông 智Trí 勝Thắng 。  
  
"Ta nhớ đời quá khứ  
Vô lượng vô biên kiếp  
Có Phật Lưỡng Túc Tôn  
Hiệu Đại Thông Trí Thắng  
  
如như 人nhân 以dĩ 力lực 磨ma 。  
三Tam 千Thiên 大Đại 千Thiên 土Độ 。  
盡tận 此thử 諸chư 地địa 種chủng 。  
皆giai 悉tất 以dĩ 為vi 墨mặc 。  
  
Ví như có người nghiền  
Cõi Tam Thiên Đại Thiên  
Hết tất cả đất đai  
Thảy đều làm thành mực  
  
過quá 於ư 千thiên 國quốc 土độ 。  
乃nãi 下hạ 一nhất 塵trần 點điểm 。  
如như 是thị 展triển 轉chuyển 點điểm 。  
盡tận 此thử 諸chư 塵trần 墨mặc 。  
  
Qua một ngàn cõi nước  
Nhỏ xuống một hạt nhỏ  
Cứ triển chuyển như thế  
Cho đến sạch hạt mực  
  
如như 是thị 諸chư 國quốc 土độ 。  
點điểm 與dữ 不bất 點điểm 等đẳng 。  
復phục 盡tận 抹mạt 為vi 塵trần 。  
一nhất 塵trần 為vi 一nhất 劫kiếp 。  
  
Các quốc độ như thế  
Chỗ nhỏ xuống chỗ không  
Cũng nghiền làm vi trần  
Một trần là một kiếp  
  
此thử 諸chư 微vi 塵trần 數số 。  
其kỳ 劫kiếp 復phục 過quá 是thị 。  
彼bỉ 佛Phật 滅diệt 度độ 來lai 。  
如như 是thị 無vô 量lượng 劫kiếp 。  
  
Số lượng vi trần này  
Kiếp đó còn vượt hơn  
Từ khi Phật kia diệt  
Vô lượng kiếp như thế  
  
如Như 來Lai 無vô 礙ngại 智trí 。  
知tri 彼bỉ 佛Phật 滅diệt 度độ 。  
及cập 聲Thanh 聞Văn 菩Bồ 薩Tát 。  
如như 見kiến 今kim 滅diệt 度độ 。  
  
Như Lai trí vô ngại  
Biết Phật kia diệt độ  
Thanh Văn và Bồ-tát  
Như thấy mới diệt độ  
  
諸chư 比Bỉ 丘Khâu 當đương 知tri 。  
佛Phật 智trí 淨tịnh 微vi 妙diệu 。  
無vô 漏lậu 無vô 所sở 礙ngại 。  
通thông 達đạt 無vô 量lượng 劫kiếp 。  
  
Các Bhikṣu nên biết  
Phật trí tịnh vi diệu  
Vô lậu không chướng ngại  
Thông đạt vô lượng kiếp"

佛Phật 告cáo 諸chư 比Bỉ 丘Khâu 。  
Phật bảo các Bhikṣu:  
  
大Đại 通Thông 智Trí 勝Thắng 佛Phật 。壽thọ 五ngũ 百bách 四tứ 十thập 萬vạn 億ức 。那na 由do 他tha 劫kiếp 。其kỳ 佛Phật 本bổn 坐tọa 道Đạo 場Tràng 。破phá 魔ma 軍quân 已dĩ 。垂thùy 得đắc 阿A 耨Nậu 多Đa 羅La 三Tam 藐Miệu 三Tam 菩Bồ 提Đề 。而nhi 諸chư 佛Phật 法Pháp 。不bất 現hiện 在tại 前tiền 。如như 是thị 一nhất 小tiểu 劫kiếp 。乃nãi 至chí 十thập 小tiểu 劫kiếp 。結kết 跏già 趺phu 坐tọa 。身thân 心tâm 不bất 動động 。而nhi 諸chư 佛Phật 法Pháp 。猶do 不bất 在tại 前tiền 。  
"Đức Phật Đại Thông Trí Thắng có thọ mạng dài 5,4 triệu ức nayuta kiếp. Lúc xưa khi Đức Phật ấy ngồi ở Đạo Tràng, mặc dù tuy đã phá tan ma quân và gần đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, nhưng Pháp của chư Phật vẫn không hiện ra ở trước ngài. Thế nên, ngài ngồi xếp bằng với tư thế hoa sen suốt một tiểu kiếp và mãi đến mười tiểu kiếp với thân tâm bất động, nhưng Pháp của chư Phật vẫn không hiện ra ở trước ngài.  
  
爾nhĩ 時thời 忉Đao 利Lợi 諸chư 天thiên 。先tiên 為vì 彼bỉ 佛Phật 。於ư 菩Bồ 提Đề 樹thụ 下hạ 。敷phu 師sư 子tử 座tòa 。高cao 一nhất 由do 旬tuần 。佛Phật 於ư 此thử 座tòa 。當đương 得đắc 阿A 耨Nậu 多Đa 羅La 三Tam 藐Miệu 三Tam 菩Bồ 提Đề 。  
Lúc bấy giờ chư thiên ở trời Tam Thập Tam an trí một tòa sư sử với độ cao một yojana ở dưới cội Đạo thụ cho Đức Phật kia. Và chính ở trên tòa báu này, Đức Phật ấy sẽ đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.  
  
適thích 坐tọa 此thử 座tòa 。時thời 諸chư 梵Phạm 天Thiên 王Vương 。雨vũ 眾chúng 天thiên 華hoa 。面diện 百bách 由do 旬tuần 。香hương 風phong 時thời 來lai 。吹xuy 去khứ 萎nuy 華hoa 。更canh 雨vũ 新tân 者giả 。如như 是thị 不bất 絕tuyệt 。滿mãn 十thập 小tiểu 劫kiếp 。供cúng 養dường 於ư 佛Phật 。乃nãi 至chí 滅diệt 度độ 。常thường 雨vũ 此thử 華hoa 。四Tứ 王Vương 諸chư 天thiên 。為vì 供cúng 養dường 佛Phật 。常thường 擊kích 天thiên 鼓cổ 。其kỳ 餘dư 諸chư 天thiên 。作tác 天thiên 伎kỹ 樂nhạc 。滿mãn 十thập 小tiểu 劫kiếp 。至chí 于vu 滅diệt 度độ 。亦diệc 復phục 如như 是thị 。  
Khi ngài vừa ngồi lên tòa báu này thì các vị Phạm Thiên Vương mưa xuống thiên hoa và chúng trải dài đến 100 yojana. Có làn gió hương thơm thay phiên bay đến để thổi đi hoa héo tàn và mưa xuống hoa mới. Sự cúng dường cho Phật liên tục chẳng ngớt như thế cho đến suốt mười tiểu kiếp và mãi đến khi diệt độ vẫn luôn mưa xuống các hoa trời này. Chư thiên ở trời Tứ Thiên Vương cũng luôn đánh trống trời để cúng dường Phật. Các vị thiên chúng khác thì trỗi âm nhạc trời suốt mười tiểu kiếp và mãi đến khi diệt độ cũng lại như vậy.  
  
諸chư 比Bỉ 丘Khâu 。大Đại 通Thông 智Trí 勝Thắng 佛Phật 。過quá 十thập 小tiểu 劫kiếp 。諸chư 佛Phật 之chi 法Pháp 。乃nãi 現hiện 在tại 前tiền 。成thành 阿A 耨Nậu 多Đa 羅La 三Tam 藐Miệu 三Tam 菩Bồ 提Đề 。  
Này các Bhikṣu! Trải qua hơn mười tiểu kiếp thì Pháp của chư Phật mới hiện ra ở trước Đức Phật Đại Thông Trí Thắng. Sau đó ngài thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

其kỳ 佛Phật 未vị 出xuất 家gia 時thời 。有hữu 十thập 六lục 子tử 。其kỳ 第đệ 一nhất 者giả 。名danh 曰viết 智Trí 積Tích 。諸chư 子tử 各các 有hữu 。種chủng 種chủng 珍trân 異dị 。玩ngoạn 好hảo 之chi 具cụ 。聞văn 父phụ 得đắc 成thành 。阿A 耨Nậu 多Đa 羅La 三Tam 藐Miệu 三Tam 菩Bồ 提Đề 。皆giai 捨xả 所sở 珍trân 。往vãng 詣nghệ 佛Phật 所sở 。諸chư 母mẫu 涕thế 泣khấp 。而nhi 隨tùy 送tống 之chi 。其kỳ 祖tổ 轉Chuyển 輪Luân 聖Thánh 王Vương 。與dữ 一nhất 百bách 大đại 臣thần 。及cập 餘dư 百bách 千thiên 萬vạn 億ức 人nhân 民dân 。皆giai 共cộng 圍vi 繞nhiễu 。隨tùy 至chí 道Đạo 場Tràng 。咸hàm 欲dục 親thân 近cận 。大Đại 通Thông 智Trí 勝Thắng 如Như 來Lai 。供cúng 養dường 恭cung 敬kính 。尊tôn 重trọng 讚tán 歎thán 。到đáo 已dĩ 。頭đầu 面diện 禮lễ 足túc 。  
Khi Đức Phật ấy còn chưa xuất gia, ngài có 16 người con trai. Người con trưởng tên là Trí Tích. Mỗi người con ai nấy đều có đủ mọi vật trân bảo quý hiếm. Khi nghe cha chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, họ đều xả bỏ những thứ trân bảo đó và đi đến chỗ của Phật. Còn mẹ của họ thì khóc lóc đi theo để đưa tiễn con mình. Ông nội của họ là Chuyển Luân Thánh Vương, với 100 vị đại thần và một tỷ ức dân chúng đều đồng vây quanh và cùng theo nhà vua tới Đạo Tràng. Tất cả đều muốn thân cận Đại Thông Trí Thắng Như Lai để cúng dường cung kính và tôn trọng tán thán. Lúc đến nơi, họ cúi đầu đảnh lễ với trán chạm sát chân của Phật.  
  
繞nhiễu 佛Phật 畢tất 已dĩ 。一nhất 心tâm 合hợp 掌chưởng 。瞻chiêm 仰ngưỡng 世Thế 尊Tôn 。以dĩ 偈kệ 頌tụng 曰viết 。  
Khi đã đi nhiễu Phật xong, họ nhất tâm chắp tay, rồi chiêm ngưỡng Thế Tôn và dùng kệ xướng rằng:  
  
大đại 威uy 德đức 世Thế 尊Tôn 。  
為vì 度độ 眾chúng 生sanh 故cố 。  
於ư 無vô 量lượng 億ức 劫kiếp 。  
爾nhĩ 乃nãi 得đắc 成thành 佛Phật 。  
  
'Đại uy đức Thế Tôn  
Vì hóa độ chúng sanh  
Trong vô lượng ức kiếp  
Mới chứng đắc Phật Đạo  
  
諸chư 願nguyện 已dĩ 具cụ 足túc 。  
善thiện 哉tai 吉cát 無vô 上thượng 。  
世Thế 尊Tôn 甚thậm 希hy 有hữu 。  
一nhất 坐tọa 十thập 小tiểu 劫kiếp 。  
身thân 體thể 及cập 手thủ 足túc 。  
靜tĩnh 然nhiên 安an 不bất 動động 。  
  
Các nguyện đã viên tròn  
Vô thượng thật lành thay  
Thế Tôn rất hy hữu  
Nhất tọa mười tiểu kiếp  
Thân thể với tay chân  
Tĩnh nhiên an bất động  
  
其kỳ 心tâm 常thường 惔đàm 怕phạ 。  
未vị 曾tằng 有hữu 散tán 亂loạn 。  
究cứu 竟cánh 永vĩnh 寂tịch 滅diệt 。  
安an 住trụ 無vô 漏lậu 法Pháp 。  
  
Tâm ngài luôn tĩnh lặng  
Chưa hề có tán loạn  
Cứu cánh mãi tịch diệt  
An trụ Pháp vô lậu  
  
今kim 者giả 見kiến 世Thế 尊Tôn 。  
安an 隱ẩn 成thành 佛Phật 道Đạo 。  
我ngã 等đẳng 得đắc 善thiện 利lợi 。  
稱xưng 慶khánh 大đại 歡hoan 喜hỷ 。  
  
Nay con thấy Thế Tôn  
Yên bình thành Phật Đạo  
Chúng con được lợi lành  
Vui mừng đại hoan hỷ  
  
眾chúng 生sanh 常thường 苦khổ 惱não 。  
盲manh 瞑minh 無vô 導đạo 師sư 。  
不bất 識thức 苦khổ 盡tận 道đạo 。  
不bất 知tri 求cầu 解giải 脫thoát 。  
  
Chúng sanh luôn khổ não  
Mù lòa không đạo sư  
Chẳng thấy đường dứt khổ  
Chẳng biết cầu giải thoát  
  
長trường 夜dạ 增tăng 惡ác 趣thú 。  
減giảm 損tổn 諸chư 天thiên 眾chúng 。  
從tùng 冥minh 入nhập 於ư 冥minh 。  
永vĩnh 不bất 聞văn 佛Phật 名danh 。  
  
Đêm dài đường ác tăng  
Hàng thiên chúng giảm bớt  
Từ tối vào tối tăm  
Vĩnh không nghe Phật danh  
  
今kim 佛Phật 得đắc 最tối 上thượng 。  
安an 隱ẩn 無vô 漏lậu 道Đạo 。  
我ngã 等đẳng 及cập 天thiên 人nhân 。  
為vi 得đắc 最tối 大đại 利lợi 。  
是thị 故cố 咸hàm 稽khể 首thủ 。  
歸quy 命mạng 無Vô 上Thượng 尊Tôn 。  
  
Nay Phật thành tối thượng  
An trụ Đạo vô lậu  
Chúng con cùng trời người  
Sẽ được lợi ích lớn  
Cho nên đều cúi đầu  
Quy mạng Vô Thượng Tôn'

爾nhĩ 時thời 十thập 六lục 王vương 子tử 。偈kệ 讚tán 佛Phật 已dĩ 。勸khuyến 請thỉnh 世Thế 尊Tôn 。轉chuyển 於ư 法Pháp 輪luân 。咸hàm 作tác 是thị 言ngôn 。  
Khi đã dùng kệ tán thán Phật xong, 16 vị vương tử khuyến thỉnh Thế Tôn chuyển Pháp luân và đồng nói lời như vầy:  
  
世Thế 尊Tôn 說thuyết 法Pháp 。多đa 所sở 安an 隱ẩn 。憐lân 愍mẫn 饒nhiêu 益ích 。諸chư 天thiên 人nhân 民dân 。  
'Mong Thế Tôn hãy thương xót hàng trời người mà thuyết Pháp để họ được bình an và thêm nhiều lợi ích.'  
  
重trùng 說thuyết 偈kệ 言ngôn 。  
Sau đó, họ lại nói kệ rằng:  
  
世Thế 雄Hùng 無vô 等đẳng 倫luân 。  
百bách 福phước 自tự 莊trang 嚴nghiêm 。  
得đắc 無vô 上thượng 智trí 慧tuệ 。  
  
'Thế Hùng không ai hơn  
Trăm phước tự trang nghiêm  
Đắc trí tuệ vô thượng  
  
願nguyện 為vì 世thế 間gian 說thuyết 。  
度độ 脫thoát 於ư 我ngã 等đẳng 。  
及cập 諸chư 眾chúng 生sanh 類loại 。  
為vi 分phân 別biệt 顯hiển 示thị 。  
令linh 得đắc 是thị 智trí 慧tuệ 。  
若nhược 我ngã 等đẳng 得đắc 佛Phật 。  
眾chúng 生sanh 亦diệc 復phục 然nhiên 。  
  
Nguyện vì thế gian nói  
Độ thoát dạy chúng con  
Cùng các hàng chúng sanh  
Mà phân biệt hiển thị  
Khiến được trí tuệ này  
Để chúng con thành Phật  
Chúng sanh cũng như vậy  
  
世Thế 尊Tôn 知tri 眾chúng 生sanh 。  
深thâm 心tâm 之chi 所sở 念niệm 。  
亦diệc 知tri 所sở 行hành 道Đạo 。  
又hựu 知tri 智trí 慧tuệ 力lực 。  
欲dục 樂lạc 及cập 修tu 福phước 。  
宿túc 命mạng 所sở 行hành 業nghiệp 。  
世Thế 尊Tôn 悉tất 知tri 已dĩ 。  
當đương 轉chuyển 無vô 上thượng 輪luân 。  
  
Thế Tôn biết chúng sanh  
Cõi lòng điều suy tư  
Cũng biết nơi hành Đạo  
Lại biết sức trí tuệ  
Dục lạc với phước tu  
Nghiệp làm của đời trước  
Thế Tôn khi đã biết  
Nên chuyển vô thượng luân'

佛Phật 告cáo 諸chư 比Bỉ 丘Khâu 。  
Phật bảo các Bhikṣu:  
  
大Đại 通Thông 智Trí 勝Thắng 佛Phật 。得đắc 阿A 耨Nậu 多Đa 羅La 三Tam 藐Miệu 三Tam 菩Bồ 提Đề 時thời 。十thập 方phương 各các 五ngũ 百bách 萬vạn 億ức 。諸chư 佛Phật 世thế 界giới 。六lục 種chủng 震chấn 動động 。其kỳ 國quốc 中trung 間gian 。幽u 冥minh 之chi 處xứ 。日nhật 月nguyệt 威uy 光quang 。所sở 不bất 能năng 照chiếu 。而nhi 皆giai 大đại 明minh 。其kỳ 中trung 眾chúng 生sanh 。各các 得đắc 相tương 見kiến 。  
"Khi Đức Phật Đại Thông Trí Thắng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, mỗi phương trong mười phương có năm triệu ức thế giới của chư Phật đều chấn động sáu cách. Ở những nơi u ám của các quốc độ ấy, ánh sáng rực rỡ của mặt trời và mặt trăng không thể rọi đến, nhưng ngay lúc đó thì đều sáng chói và các chúng sanh trong ấy đều trông thấy lẫn nhau.  
  
咸hàm 作tác 是thị 言ngôn 。  
Bấy giờ họ đều nói rằng:  
  
此thử 中trung 云vân 何hà 。忽hốt 生sanh 眾chúng 生sanh 。  
'Sao trong nơi đây bỗng nhiên sanh ra nhiều chúng sanh thế?'  
  
又hựu 其kỳ 國quốc 界giới 。諸chư 天thiên 宮cung 殿điện 。乃nãi 至chí 梵Phạm 宮cung 。六lục 種chủng 震chấn 動động 。大đại 光quang 普phổ 照chiếu 。遍biến 滿mãn 世thế 界giới 。勝thắng 諸chư 天thiên 光quang 。  
Lại nữa, các cõi giới ở quốc độ đó, cung điện của chư thiên, và cho đến cung điện của Phạm Thiên đều chấn động sáu cách. Ánh sáng lớn chiếu khắp, phủ trùm thế giới, và vượt hơn ánh sáng của chư thiên.

爾nhĩ 時thời 東đông 方phương 。五ngũ 百bách 萬vạn 億ức 。諸chư 國quốc 土độ 中trung 。梵Phạm 天Thiên 宮cung 殿điện 。光quang 明minh 照chiếu 曜diệu 。倍bội 於ư 常thường 明minh 。  
Lúc bấy giờ trong năm triệu ức cõi nước ở phương đông, ánh sáng cung điện của Phạm Thiên bỗng chiếu rực rỡ gấp hai lần so với ánh sáng của thường lệ.  
  
諸chư 梵Phạm 天Thiên 王Vương 。各các 作tác 是thị 念niệm 。  
Khi đó các vị trời Phạm Vương đều nghĩ như vầy:  
  
今kim 者giả 宮cung 殿điện 光quang 明minh 。昔tích 所sở 未vị 有hữu 。以dĩ 何hà 因nhân 緣duyên 。而nhi 現hiện 此thử 相tướng 。  
'Hôm nay cung điện của chúng ta sáng chói chưa từng có. Nhân duyên gì mà hiện ra điềm tướng này?'  
  
是thị 時thời 諸chư 梵Phạm 天Thiên 王Vương 。即tức 各các 相tương 詣nghệ 。共cộng 議nghị 此thử 事sự 。時thời 彼bỉ 眾chúng 中trung 。有hữu 一nhất 大Đại 梵Phạm 天Thiên 王Vương 。名danh 救Cứu 一Nhất 切Thiết 。  
Lúc ấy các vị trời Phạm Vương lập tức hội họp để cùng thảo luận về việc này. Khi đó ở trong chúng hội kia có một vị Đại Phạm Thiên Vương tên là Cứu Nhất Thiết.  
  
為vì 諸chư 梵Phạm 眾chúng 。而nhi 說thuyết 偈kệ 言ngôn 。  
Ngài vì hàng Phạm chúng mà nói kệ rằng:  
  
我ngã 等đẳng 諸chư 宮cung 殿điện 。  
光quang 明minh 昔tích 未vị 有hữu 。  
此thử 是thị 何hà 因nhân 緣duyên 。  
宜nghi 各các 共cộng 求cầu 之chi 。  
  
'Các cung điện chúng ta  
Sáng chói chưa từng có  
Đây là nhân duyên gì?  
Hãy đồng cùng nhau tìm  
  
為vi 大đại 德đức 天thiên 生sanh 。  
為vi 佛Phật 出xuất 世thế 間gian 。  
而nhi 此thử 大đại 光quang 明minh 。  
遍biến 照chiếu 於ư 十thập 方phương 。  
  
Là đại đức sanh thiên  
Hay Phật xuất thế gian  
Mà ánh sáng lớn này  
Biến chiếu soi mười phương'  
  
爾nhĩ 時thời 五ngũ 百bách 萬vạn 億ức 國quốc 土độ 。諸chư 梵Phạm 天Thiên 王Vương 。與dữ 宮cung 殿điện 俱câu 。各các 以dĩ 衣y 裓kích 。盛thình 諸chư 天thiên 華hoa 。共cộng 詣nghệ 西tây 方phương 。推thôi 尋tầm 是thị 相tướng 。見kiến 大Đại 通Thông 智Trí 勝Thắng 如Như 來Lai 。處xử 于vu 道Đạo 場Tràng 。菩Bồ 提Đề 樹thụ 下hạ 。坐tọa 師sư 子tử 座tòa 。諸chư 天thiên 。龍long 王vương 。乾càn 闥thát 婆bà 。緊khẩn 那na 羅la 。摩ma 睺hầu 羅la 伽già 。人nhân 非phi 人nhân 等đẳng 。恭cung 敬kính 圍vi 繞nhiễu 。及cập 見kiến 十thập 六lục 王vương 子tử 。請thỉnh 佛Phật 轉chuyển 法Pháp 輪luân 。  
Lúc bấy giờ các vị trời Phạm Vương từ năm triệu ức cõi nước, họ lấy những túi vải đựng các thiên hoa, rồi mỗi vị ngồi ở cung điện của mình và đồng đi về hướng tây để tìm kiếm điềm tướng này. Sau đó họ thấy Đại Thông Trí Thắng Như Lai đang ngồi trên tòa sư tử ở dưới cội Đạo thụ nơi Đạo Tràng. Lại có chư thiên, long vương, tầm hương thần, nghi thần, đại mãng xà, người và phi nhân đang cung kính vây quanh. Lại thấy 16 vị vương tử thỉnh Phật chuyển Pháp luân.  
  
即tức 時thời 諸chư 梵Phạm 天Thiên 王Vương 。頭đầu 面diện 禮lễ 佛Phật 。繞nhiễu 百bách 千thiên 匝táp 。即tức 以dĩ 天thiên 華hoa 。而nhi 散tán 佛Phật 上thượng 。其kỳ 所sở 散tán 華hoa 。如như 須Tu 彌Di 山Sơn 。并tinh 以dĩ 供cúng 養dường 。佛Phật 菩Bồ 提Đề 樹thụ 。其kỳ 菩Bồ 提Đề 樹thụ 。高cao 十thập 由do 旬tuần 。華hoa 供cúng 養dường 已dĩ 。各các 以dĩ 宮cung 殿điện 。奉phụng 上thượng 彼bỉ 佛Phật 。  
Sau đó, các vị trời Phạm Vương cúi đầu đảnh lễ với trán chạm sát chân của Phật và đi nhiễu trăm ngàn vòng. Rồi liền dùng hoa trời mà rải lên Đức Phật. Những đóa hoa rải xuống đó tích tụ như núi Diệu Cao. Họ cũng rải hoa xuống cội Đạo thụ của Phật để cúng dường. Cội Đạo thụ ấy có độ cao là mười yojana. Khi đã dâng hoa cúng dường, mỗi vị lấy cung điện của mình và dâng lên Đức Phật kia.  
  
而nhi 作tác 是thị 言ngôn 。  
Rồi họ nói lời như vầy:  
  
惟duy 見kiến 哀ai 愍mẫn 。饒nhiêu 益ích 我ngã 等đẳng 。所sở 獻hiến 宮cung 殿điện 。願nguyện 垂thùy 納nạp 受thọ 。  
'Xin hãy thương xót chúng con mà nhận lấy cung điện để chúng con được lợi ích.'  
  
時thời 諸chư 梵Phạm 天Thiên 王Vương 。即tức 於ư 佛Phật 前tiền 。一nhất 心tâm 同đồng 聲thanh 。以dĩ 偈kệ 頌tụng 曰viết 。  
Khi ấy các vị trời Phạm Vương liền ở trước Phật, họ nhất tâm đồng thanh và dùng kệ tán thán rằng:  
  
世Thế 尊Tôn 甚thậm 希hy 有hữu 。  
難nan 可khả 得đắc 值trị 遇ngộ 。  
具cụ 無vô 量lượng 功công 德đức 。  
能năng 救cứu 護hộ 一nhất 切thiết 。  
  
'Thế Tôn rất hiếm có  
Khó mà gặp thấy được  
Đủ vô lượng công đức  
Khéo cứu hộ tất cả  
  
天thiên 人nhân 之chi 大đại 師sư 。  
哀ai 愍mẫn 於ư 世thế 間gian 。  
十thập 方phương 諸chư 眾chúng 生sanh 。  
普phổ 皆giai 蒙mông 饒nhiêu 益ích 。  
  
Đại sư của trời người  
Xót thương chốn thế gian  
Các chúng sanh mười phương  
Đều nhờ ơn cứu hộ  
  
我ngã 等đẳng 所sở 從tùng 來lai 。  
五ngũ 百bách 萬vạn 億ức 國quốc 。  
捨xả 深thâm 禪thiền 定định 樂lạc 。  
為vì 供cúng 養dường 佛Phật 故cố 。  
  
Chúng con đã đến từ  
Năm trăm vạn ức cõi  
Xả thiền định thâm vui  
Vì để cúng dường Phật  
  
我ngã 等đẳng 先tiên 世thế 福phước 。  
宮cung 殿điện 甚thậm 嚴nghiêm 飾sức 。  
今kim 以dĩ 奉phụng 世Thế 尊Tôn 。  
唯duy 願nguyện 哀ai 納nạp 受thọ 。  
  
Phước chúng con đời trước  
Cung điện đẹp trang nghiêm  
Nay dâng lên Thế Tôn  
Xin hãy nhận lấy cho'  
  
爾nhĩ 時thời 諸chư 梵Phạm 天Thiên 王Vương 。偈kệ 讚tán 佛Phật 已dĩ 。各các 作tác 是thị 言ngôn 。  
Khi các vị trời Phạm Vương đã dùng kệ tán thán Phật xong, mỗi vị đều thưa rằng:  
  
惟duy 願nguyện 世Thế 尊Tôn 。轉chuyển 於ư 法Pháp 輪luân 。度độ 脫thoát 眾chúng 生sanh 。開khai 涅Niết 槃Bàn 道Đạo 。  
'Ngưỡng mong Thế Tôn hãy chuyển Pháp luân để độ thoát chúng sanh và khai mở Đạo tịch diệt.'  
  
時thời 諸chư 梵Phạm 天Thiên 王Vương 。一nhất 心tâm 同đồng 聲thanh 。而nhi 說thuyết 偈kệ 言ngôn 。  
Tiếp đến các vị trời Phạm Vương nhất tâm đồng thanh mà nói kệ rằng:  
  
世Thế 雄Hùng 兩Lưỡng 足Túc 尊Tôn 。  
惟duy 願nguyện 演diễn 說thuyết 法Pháp 。  
以dĩ 大đại 慈từ 悲bi 力lực 。  
度độ 苦khổ 惱não 眾chúng 生sanh 。  
  
'Thế Hùng Lưỡng Túc Tôn  
Kính mong diễn nói Pháp  
Dùng sức đại từ bi  
Độ chúng sanh khổ não'  
  
爾nhĩ 時thời 大Đại 通Thông 智Trí 勝Thắng 如Như 來Lai 。默mặc 然nhiên 許hứa 之chi 。  
Lúc bấy giờ Đại Thông Trí Thắng Như Lai lặng yên hứa khả.

又hựu 諸chư 比Bỉ 丘Khâu 。東đông 南nam 方phương 五ngũ 百bách 萬vạn 億ức 國quốc 土độ 。諸chư 大Đại 梵Phạm 王Vương 。各các 自tự 見kiến 宮cung 殿điện 。光quang 明minh 照chiếu 曜diệu 。昔tích 所sở 未vị 有hữu 。歡hoan 喜hỷ 踊dũng 躍dược 。生sanh 希hy 有hữu 心tâm 。即tức 各các 相tương 詣nghệ 。共cộng 議nghị 此thử 事sự 。時thời 彼bỉ 眾chúng 中trung 。有hữu 一nhất 大Đại 梵Phạm 天Thiên 王Vương 。名danh 曰viết 大Đại 悲Bi 。  
Lại nữa, các Bhikṣu! Khi các vị trời Phạm Vương của năm triệu ức cõi nước về hướng đông nam đều tự thấy cung điện của mình sáng chói hiển hách chưa từng có, họ vui sướng hớn hở và sanh tâm hy hữu, rồi liền lập tức hội họp để cùng thảo luận về việc này. Khi đó ở trong chúng hội kia có một vị Đại Phạm Thiên Vương tên là Đại Bi.  
  
為vì 諸chư 梵Phạm 眾chúng 。而nhi 說thuyết 偈kệ 言ngôn 。  
Ngài vì hàng Phạm chúng mà nói kệ rằng:  
  
是thị 事sự 何hà 因nhân 緣duyên 。  
而nhi 現hiện 如như 此thử 相tướng 。  
我ngã 等đẳng 諸chư 宮cung 殿điện 。  
光quang 明minh 昔tích 未vị 有hữu 。  
  
'Đây là nhân duyên gì?  
Mà hiện điềm tướng này  
Các cung điện chúng ta  
Sáng chói chưa từng có  
  
為vi 大đại 德đức 天thiên 生sanh 。  
為vi 佛Phật 出xuất 世thế 間gian 。  
未vị 曾tằng 見kiến 此thử 相tướng 。  
當đương 共cộng 一nhất 心tâm 求cầu 。  
  
Là đại đức sanh thiên  
Hay Phật xuất thế gian  
Tướng này chưa từng thấy  
Hãy đồng nhất tâm tìm  
  
過quá 千thiên 萬vạn 億ức 土độ 。  
尋tầm 光quang 共cộng 推thôi 之chi 。  
多đa 是thị 佛Phật 出xuất 世thế 。  
度độ 脫thoát 苦khổ 眾chúng 生sanh 。  
  
Qua ngàn vạn ức độ  
Cùng tìm ánh sáng kia  
Phải là Phật xuất thế  
Độ thoát khổ chúng sanh'  
  
爾nhĩ 時thời 五ngũ 百bách 萬vạn 億ức 。諸chư 梵Phạm 天Thiên 王Vương 。與dữ 宮cung 殿điện 俱câu 。各các 以dĩ 衣y 裓kích 。盛thình 諸chư 天thiên 華hoa 。共cộng 詣nghệ 西tây 北bắc 方phương 。推thôi 尋tầm 是thị 相tướng 。見kiến 大Đại 通Thông 智Trí 勝Thắng 如Như 來Lai 。處xử 于vu 道Đạo 場Tràng 。菩Bồ 提Đề 樹thụ 下hạ 。坐tọa 師sư 子tử 座tòa 。諸chư 天thiên 。龍long 王vương 。乾càn 闥thát 婆bà 。緊khẩn 那na 羅la 。摩ma 睺hầu 羅la 伽già 。人nhân 非phi 人nhân 等đẳng 。恭cung 敬kính 圍vi 繞nhiễu 。及cập 見kiến 十thập 六lục 王vương 子tử 。請thỉnh 佛Phật 轉chuyển 法Pháp 輪luân 。  
Lúc bấy giờ các vị trời Phạm Vương từ năm triệu ức cõi nước, họ lấy những túi vải đựng các thiên hoa, rồi mỗi vị ngồi ở cung điện của mình và đồng đi về hướng tây bắc để tìm kiếm điềm tướng này. Sau đó họ thấy Đại Thông Trí Thắng Như Lai đang ngồi trên tòa sư tử ở dưới cội Đạo thụ nơi Đạo Tràng. Lại có chư thiên, long vương, tầm hương thần, nghi thần, đại mãng xà, người và phi nhân đang cung kính vây quanh. Lại thấy 16 vị vương tử thỉnh Phật chuyển Pháp luân.  
  
時thời 諸chư 梵Phạm 天Thiên 王Vương 。頭đầu 面diện 禮lễ 佛Phật 。繞nhiễu 百bách 千thiên 匝táp 。即tức 以dĩ 天thiên 華hoa 。而nhi 散tán 佛Phật 上thượng 。所sở 散tán 之chi 華hoa 。如như 須Tu 彌Di 山Sơn 。并tinh 以dĩ 供cúng 養dường 。佛Phật 菩Bồ 提Đề 樹thụ 。華hoa 供cúng 養dường 已dĩ 。各các 以dĩ 宮cung 殿điện 。奉phụng 上thượng 彼bỉ 佛Phật 。  
Sau đó, các vị trời Phạm Vương cúi đầu đảnh lễ với trán chạm sát chân của Phật và đi nhiễu trăm ngàn vòng. Rồi liền dùng hoa trời mà rải lên Đức Phật. Những đóa hoa rải xuống đó tích tụ như núi Diệu Cao. Họ cũng rải hoa xuống cội Đạo thụ của Phật để cúng dường. Khi đã dâng hoa cúng dường, mỗi vị lấy cung điện của mình và dâng lên Đức Phật kia.  
  
而nhi 作tác 是thị 言ngôn 。  
Rồi họ nói lời như vầy:  
  
惟duy 見kiến 哀ai 愍mẫn 。饒nhiêu 益ích 我ngã 等đẳng 。所sở 獻hiến 宮cung 殿điện 。願nguyện 垂thùy 納nạp 受thọ 。  
'Xin hãy thương xót chúng con mà nhận lấy cung điện để chúng con được lợi ích.'  
  
爾nhĩ 時thời 諸chư 梵Phạm 天Thiên 王Vương 。即tức 於ư 佛Phật 前tiền 。一nhất 心tâm 同đồng 聲thanh 。以dĩ 偈kệ 頌tụng 曰viết 。  
Khi ấy các vị trời Phạm Vương liền ở trước Phật, họ nhất tâm đồng thanh và dùng kệ tán thán rằng:  
  
聖Thánh 主Chủ 天Thiên 中Trung 王Vương 。  
迦ca 陵lăng 頻tần 伽già 聲thanh 。  
哀ai 愍mẫn 眾chúng 生sanh 者giả 。  
我ngã 等đẳng 今kim 敬kính 禮lễ 。  
  
'Thánh Chủ Thiên Trung Vương  
Tiếng như chim diệu thanh  
Xót thương các chúng sanh  
Chúng con nay kính lễ  
  
世Thế 尊Tôn 甚thậm 希hy 有hữu 。  
久cửu 遠viễn 乃nãi 一nhất 現hiện 。  
一nhất 百bách 八bát 十thập 劫kiếp 。  
空không 過quá 無vô 有hữu 佛Phật 。  
  
Thế Tôn rất hiếm có  
Lâu xa hiện một lần  
Một trăm tám mươi kiếp  
Trống không chẳng có Phật  
  
三tam 惡ác 道đạo 充sung 滿mãn 。  
諸chư 天thiên 眾chúng 減giảm 少thiểu 。  
今kim 佛Phật 出xuất 於ư 世thế 。  
為vi 眾chúng 生sanh 作tác 眼nhãn 。  
  
Ba đường ác đầy rẫy  
Hàng thiên chúng giảm bớt  
Nay Phật xuất thế gian  
Làm con mắt chúng sanh  
  
世thế 間gian 所sở 歸quy 趣thú 。  
救cứu 護hộ 於ư 一nhất 切thiết 。  
為vi 眾chúng 生sanh 之chi 父phụ 。  
哀ai 愍mẫn 饒nhiêu 益ích 者giả 。  
我ngã 等đẳng 宿túc 福phước 慶khánh 。  
今kim 得đắc 值trị 世Thế 尊Tôn 。  
  
Nơi thế gian nương tựa  
Cứu hộ hết tất cả  
Là cha của chúng sanh  
Xót thương lợi ích họ  
Phước đời trước chúng con  
Nay mới gặp Thế Tôn'  
  
爾nhĩ 時thời 諸chư 梵Phạm 天Thiên 王Vương 。偈kệ 讚tán 佛Phật 已dĩ 。各các 作tác 是thị 言ngôn 。  
Khi các vị trời Phạm Vương đã dùng kệ tán thán Phật xong, mỗi vị đều thưa rằng:  
  
惟duy 願nguyện 世Thế 尊Tôn 。哀ai 愍mẫn 一nhất 切thiết 。轉chuyển 於ư 法Pháp 輪luân 。度độ 脫thoát 眾chúng 生sanh 。  
'Ngưỡng mong Thế Tôn hãy chuyển Pháp luân để độ thoát chúng sanh và khai mở Đạo tịch diệt.'  
  
時thời 諸chư 梵Phạm 天Thiên 王Vương 。一nhất 心tâm 同đồng 聲thanh 。而nhi 說thuyết 偈kệ 言ngôn 。  
Tiếp đến các vị trời Phạm Vương nhất tâm đồng thanh mà nói kệ rằng:  
  
大Đại 聖Thánh 轉chuyển 法Pháp 輪luân 。  
顯hiển 示thị 諸chư 法pháp 相tướng 。  
度độ 苦khổ 惱não 眾chúng 生sanh 。  
令linh 得đắc 大đại 歡hoan 喜hỷ 。  
  
'Đại Thánh chuyển Pháp luân  
Hiển thị các pháp tướng  
Độ chúng sanh khổ não  
Khiến được đại hoan hỷ  
  
眾chúng 生sanh 聞văn 此thử 法Pháp 。  
得đắc 道Đạo 若nhược 生sanh 天thiên 。  
諸chư 惡ác 道đạo 減giảm 少thiểu 。  
忍nhẫn 善thiện 者giả 增tăng 益ích 。  
  
Chúng sanh nghe Pháp này  
Đắc Đạo hoặc sanh thiên  
Các đường ác giảm bớt  
Người nhẫn thiện tăng nhiều'  
  
爾nhĩ 時thời 大Đại 通Thông 智Trí 勝Thắng 如Như 來Lai 。默mặc 然nhiên 許hứa 之chi 。  
Lúc bấy giờ Đại Thông Trí Thắng Như Lai lặng yên hứa khả.

又hựu 諸chư 比Bỉ 丘Khâu 。南nam 方phương 五ngũ 百bách 萬vạn 億ức 國quốc 土độ 。諸chư 大Đại 梵Phạm 王Vương 。各các 自tự 見kiến 宮cung 殿điện 。光quang 明minh 照chiếu 曜diệu 。昔tích 所sở 未vị 有hữu 。歡hoan 喜hỷ 踊dũng 躍dược 。生sanh 希hy 有hữu 心tâm 。即tức 各các 相tương 詣nghệ 。共cộng 議nghị 此thử 事sự 。  
Lại nữa, các Bhikṣu! Khi các vị trời Phạm Vương của năm triệu ức cõi nước về hướng nam đều tự thấy cung điện của mình sáng chói hiển hách chưa từng có, họ vui sướng hớn hở và sanh tâm hy hữu, rồi liền lập tức hội họp để cùng thảo luận về việc này.  
  
以dĩ 何hà 因nhân 緣duyên 。我ngã 等đẳng 宮cung 殿điện 。有hữu 此thử 光quang 曜diệu 。  
'Vì nhân duyên gì mà cung điện của chúng ta có ánh sáng rực rỡ này?'  
  
時thời 彼bỉ 眾chúng 中trung 。有hữu 一nhất 大Đại 梵Phạm 天Thiên 王Vương 。名danh 曰viết 妙Diệu 法Pháp 。  
Khi đó ở trong chúng hội kia có một vị Đại Phạm Thiên Vương tên là Diệu Pháp.  
  
為vì 諸chư 梵Phạm 眾chúng 。而nhi 說thuyết 偈kệ 言ngôn 。  
Ngài vì hàng Phạm chúng mà nói kệ rằng:  
  
我ngã 等đẳng 諸chư 宮cung 殿điện 。  
光quang 明minh 甚thậm 威uy 曜diệu 。  
此thử 非phi 無vô 因nhân 緣duyên 。  
是thị 相tướng 宜nghi 求cầu 之chi 。  
  
'Các cung điện chúng ta  
Quang minh chiếu rực rỡ  
Tất có nhân duyên gì  
Phải nên tìm tướng này  
  
過quá 於ư 百bách 千thiên 劫kiếp 。  
未vị 曾tằng 見kiến 是thị 相tướng 。  
為vi 大đại 德đức 天thiên 生sanh 。  
為vi 佛Phật 出xuất 世thế 間gian 。  
  
Trải qua trăm ngàn kiếp  
Tướng này chưa từng thấy  
Là đại đức sanh thiên  
Hay Phật xuất thế gian'  
  
爾nhĩ 時thời 五ngũ 百bách 萬vạn 億ức 。諸chư 梵Phạm 天Thiên 王Vương 。與dữ 宮cung 殿điện 俱câu 。各các 以dĩ 衣y 裓kích 。盛thình 諸chư 天thiên 華hoa 。共cộng 詣nghệ 北bắc 方phương 。推thôi 尋tầm 是thị 相tướng 。見kiến 大Đại 通Thông 智Trí 勝Thắng 如Như 來Lai 。處xử 于vu 道Đạo 場Tràng 。菩Bồ 提Đề 樹thụ 下hạ 。坐tọa 師sư 子tử 座tòa 。諸chư 天thiên 。龍long 王vương 。乾càn 闥thát 婆bà 。緊khẩn 那na 羅la 。摩ma 睺hầu 羅la 伽già 。人nhân 非phi 人nhân 等đẳng 。恭cung 敬kính 圍vi 繞nhiễu 。及cập 見kiến 十thập 六lục 王vương 子tử 。請thỉnh 佛Phật 轉chuyển 法Pháp 輪luân 。  
Lúc bấy giờ các vị trời Phạm Vương từ năm triệu ức cõi nước, họ lấy những túi vải đựng các thiên hoa, rồi mỗi vị ngồi ở cung điện của mình và đồng đi về hướng bắc để tìm kiếm điềm tướng này. Sau đó họ thấy Đại Thông Trí Thắng Như Lai đang ngồi trên tòa sư tử ở dưới cội Đạo thụ nơi Đạo Tràng. Lại có chư thiên, long vương, tầm hương thần, nghi thần, đại mãng xà, người và phi nhân đang cung kính vây quanh. Lại thấy 16 vị vương tử thỉnh Phật chuyển Pháp luân.  
  
時thời 諸chư 梵Phạm 天Thiên 王Vương 。頭đầu 面diện 禮lễ 佛Phật 。繞nhiễu 百bách 千thiên 匝táp 。即tức 以dĩ 天thiên 華hoa 。而nhi 散tán 佛Phật 上thượng 。所sở 散tán 之chi 華hoa 。如như 須Tu 彌Di 山Sơn 。并tinh 以dĩ 供cúng 養dường 。佛Phật 菩Bồ 提Đề 樹thụ 。華hoa 供cúng 養dường 已dĩ 。各các 以dĩ 宮cung 殿điện 。奉phụng 上thượng 彼bỉ 佛Phật 。  
Sau đó, các vị trời Phạm Vương cúi đầu đảnh lễ với trán chạm sát chân của Phật và đi nhiễu trăm ngàn vòng. Rồi liền dùng hoa trời mà rải lên Đức Phật. Những đóa hoa rải xuống đó tích tụ như núi Diệu Cao. Họ cũng rải hoa xuống cội Đạo thụ của Phật để cúng dường. Khi đã dâng hoa cúng dường, mỗi vị lấy cung điện của mình và dâng lên Đức Phật kia.  
  
而nhi 作tác 是thị 言ngôn 。  
Rồi họ nói lời như vầy:  
  
惟duy 見kiến 哀ai 愍mẫn 。饒nhiêu 益ích 我ngã 等đẳng 。所sở 獻hiến 宮cung 殿điện 。願nguyện 垂thùy 納nạp 受thọ 。  
'Xin hãy thương xót chúng con mà nhận lấy cung điện để chúng con được lợi ích.'  
  
爾nhĩ 時thời 諸chư 梵Phạm 天Thiên 王Vương 。即tức 於ư 佛Phật 前tiền 。一nhất 心tâm 同đồng 聲thanh 。以dĩ 偈kệ 頌tụng 曰viết 。  
Khi ấy các vị trời Phạm Vương liền ở trước Phật, họ nhất tâm đồng thanh và dùng kệ tán thán rằng:  
  
世Thế 尊Tôn 甚thậm 難nan 見kiến 。  
破phá 諸chư 煩phiền 惱não 者giả 。  
過quá 百bách 三tam 十thập 劫kiếp 。  
今kim 乃nãi 得đắc 一nhất 見kiến 。  
  
'Thế Tôn rất khó gặp  
Bậc phá các phiền não  
Một trăm ba mươi kiếp  
Giờ đây mới được thấy  
  
諸chư 飢cơ 渴khát 眾chúng 生sanh 。  
以dĩ 法Pháp 雨vũ 充sung 滿mãn 。  
昔tích 所sở 未vị 曾tằng 見kiến 。  
無vô 量lượng 智trí 慧tuệ 者giả 。  
  
Chúng sanh luôn đói khát  
Mưa Pháp sẽ no đủ  
Xưa nay chưa hề thấy  
Bậc vô lượng trí tuệ  
  
如như 優ưu 曇đàm 鉢bát 華hoa 。  
今kim 日nhật 乃nãi 值trị 遇ngộ 。  
我ngã 等đẳng 諸chư 宮cung 殿điện 。  
蒙mông 光quang 故cố 嚴nghiêm 飾sức 。  
  
Ví như hoa linh thụy  
Hôm nay mới được gặp  
Các cung điện chúng con  
Nhờ Phật quang trang nghiêm  
  
世Thế 尊Tôn 大đại 慈từ 愍mẫn 。  
惟duy 願nguyện 垂thùy 納nạp 受thọ 。  
  
Thế Tôn đại từ mẫn  
Xin hãy nhận lấy cho'  
  
爾nhĩ 時thời 諸chư 梵Phạm 天Thiên 王Vương 。偈kệ 讚tán 佛Phật 已dĩ 。各các 作tác 是thị 言ngôn 。  
Khi các vị trời Phạm Vương đã dùng kệ tán thán Phật xong, mỗi vị đều thưa rằng:  
  
惟duy 願nguyện 世Thế 尊Tôn 。轉chuyển 於ư 法Pháp 輪luân 。令linh 一nhất 切thiết 世thế 間gian 諸chư 天thiên 。魔ma 。梵Phạm 。沙Sa 門Môn 。婆Bà 羅La 門Môn 。皆giai 獲hoạch 安an 隱ẩn 。而nhi 得đắc 度độ 脫thoát 。  
'Ngưỡng mong Thế Tôn hãy chuyển Pháp luân để khiến hết thảy trời, ma, Phạm Vương, Đạo Nhân, và Phạm Chí trong thế gian đều được an ổn và được giải thoát.'  
  
時thời 諸chư 梵Phạm 天Thiên 王Vương 。一nhất 心tâm 同đồng 聲thanh 。以dĩ 偈kệ 頌tụng 曰viết 。  
Tiếp đến các vị trời Phạm Vương nhất tâm đồng thanh mà nói kệ rằng:  
  
惟duy 願nguyện 天Thiên 人Nhân 尊Tôn 。  
轉chuyển 無vô 上thượng 法Pháp 輪luân 。  
擊kích 于vu 大đại 法Pháp 鼓cổ 。  
而nhi 吹xuy 大đại 法Pháp 螺loa 。  
  
'Kính mong Thiên Nhân Tôn  
Chuyển Pháp luân vô thượng  
Khởi đánh trống Pháp lớn  
Và thổi loa Pháp lớn  
  
普phổ 雨vũ 大đại 法Pháp 雨vũ 。  
度độ 無vô 量lượng 眾chúng 生sanh 。  
我ngã 等đẳng 咸hàm 歸quy 請thỉnh 。  
當đương 演diễn 深thâm 遠viễn 音âm 。  
  
Tuôn khắp mưa Pháp lớn  
Độ vô lượng chúng sanh  
Chúng con đồng khuyến thỉnh  
Diễn nói tiếng sâu xa'  
  
爾nhĩ 時thời 大Đại 通Thông 智Trí 勝Thắng 如Như 來Lai 。默mặc 然nhiên 許hứa 之chi 。  
Lúc bấy giờ Đại Thông Trí Thắng Như Lai lặng yên hứa khả.

西tây 南nam 方phương 乃nãi 至chí 下hạ 方phương 。亦diệc 復phục 如như 是thị 。  
Hướng tây nam và cho đến phương dưới cũng lại như thế.  
  
爾nhĩ 時thời 上thượng 方phương 。五ngũ 百bách 萬vạn 億ức 國quốc 土độ 。諸chư 大Đại 梵Phạm 王Vương 。皆giai 悉tất 自tự 覩đổ 。所sở 止chỉ 宮cung 殿điện 。光quang 明minh 威uy 曜diệu 。昔tích 所sở 未vị 有hữu 。歡hoan 喜hỷ 踊dũng 躍dược 。生sanh 希hy 有hữu 心tâm 。即tức 各các 相tương 詣nghệ 。共cộng 議nghị 此thử 事sự 。  
Lúc bấy giờ, khi các vị trời Phạm Vương của năm triệu ức cõi nước ở phương trên đều tự thấy cung điện của mình sáng chói hiển hách chưa từng có, họ vui sướng hớn hở và sanh tâm hy hữu, rồi liền lập tức hội họp để cùng thảo luận về việc này.  
  
以dĩ 何hà 因nhân 緣duyên 。我ngã 等đẳng 宮cung 殿điện 。有hữu 斯tư 光quang 明minh 。  
'Vì nhân duyên gì mà cung điện của chúng ta có ánh sáng rực rỡ này?'  
  
時thời 彼bỉ 眾chúng 中trung 。有hữu 一nhất 大Đại 梵Phạm 天Thiên 王Vương 。名danh 曰viết 尸Thi 棄Khí 。  
Khi đó ở trong chúng hội kia có một vị Đại Phạm Thiên Vương tên là Trì Kế.  
  
為vì 諸chư 梵Phạm 眾chúng 。而nhi 說thuyết 偈kệ 言ngôn 。  
Ngài vì hàng Phạm chúng mà nói kệ rằng:  
  
今kim 以dĩ 何hà 因nhân 緣duyên 。  
我ngã 等đẳng 諸chư 宮cung 殿điện 。  
威uy 德đức 光quang 明minh 曜diệu 。  
嚴nghiêm 飾sức 未vị 曾tằng 有hữu 。  
  
'Nay vì nhân duyên gì?  
Các cung điện chúng ta  
Ánh quang minh uy đức  
Trang nghiêm chưa từng có  
  
如như 是thị 之chi 妙diệu 相tướng 。  
昔tích 所sở 未vị 聞văn 見kiến 。  
為vi 大đại 德đức 天thiên 生sanh 。  
為vi 佛Phật 出xuất 世thế 間gian 。  
  
Tướng vi diệu thế này  
Xưa nay chưa hề thấy  
Là đại đức sanh thiên  
Hay Phật xuất thế gian'  
  
爾nhĩ 時thời 五ngũ 百bách 萬vạn 億ức 。諸chư 梵Phạm 天Thiên 王Vương 。與dữ 宮cung 殿điện 俱câu 。各các 以dĩ 衣y 裓kích 。盛thình 諸chư 天thiên 華hoa 。共cộng 詣nghệ 下hạ 方phương 。推thôi 尋tầm 是thị 相tướng 。見kiến 大Đại 通Thông 智Trí 勝Thắng 如Như 來Lai 。處xử 于vu 道Đạo 場Tràng 。菩Bồ 提Đề 樹thụ 下hạ 。坐tọa 師sư 子tử 座tòa 。諸chư 天thiên 。龍long 王vương 。乾càn 闥thát 婆bà 。緊khẩn 那na 羅la 。摩ma 睺hầu 羅la 伽già 。人nhân 非phi 人nhân 等đẳng 。恭cung 敬kính 圍vi 繞nhiễu 。及cập 見kiến 十thập 六lục 王vương 子tử 。請thỉnh 佛Phật 轉chuyển 法Pháp 輪luân 。  
Lúc bấy giờ các vị trời Phạm Vương từ năm triệu ức cõi nước, họ lấy những túi vải đựng các thiên hoa, rồi mỗi vị ngồi ở cung điện của mình và đồng đi về phương dưới để tìm kiếm điềm tướng này. Sau đó họ thấy Đại Thông Trí Thắng Như Lai đang ngồi trên tòa sư tử ở dưới cội Đạo thụ nơi Đạo Tràng. Lại có chư thiên, long vương, tầm hương thần, nghi thần, đại mãng xà, người và phi nhân đang cung kính vây quanh. Lại thấy 16 vị vương tử thỉnh Phật chuyển Pháp luân.  
  
時thời 諸chư 梵Phạm 天Thiên 王Vương 。頭đầu 面diện 禮lễ 佛Phật 。繞nhiễu 百bách 千thiên 匝táp 。即tức 以dĩ 天thiên 華hoa 。而nhi 散tán 佛Phật 上thượng 。所sở 散tán 之chi 華hoa 。如như 須Tu 彌Di 山Sơn 。并tinh 以dĩ 供cúng 養dường 。佛Phật 菩Bồ 提Đề 樹thụ 。華hoa 供cúng 養dường 已dĩ 。各các 以dĩ 宮cung 殿điện 。奉phụng 上thượng 彼bỉ 佛Phật 。  
Sau đó, các vị trời Phạm Vương cúi đầu đảnh lễ với trán chạm sát chân của Phật và đi nhiễu trăm ngàn vòng. Rồi liền dùng hoa trời mà rải lên Đức Phật. Những đóa hoa rải xuống đó tích tụ như núi Diệu Cao. Họ cũng rải hoa xuống cội Đạo thụ của Phật để cúng dường. Khi đã dâng hoa cúng dường, mỗi vị lấy cung điện của mình và dâng lên Đức Phật kia.  
  
而nhi 作tác 是thị 言ngôn 。  
Rồi họ nói lời như vầy:  
  
惟duy 見kiến 哀ai 愍mẫn 。饒nhiêu 益ích 我ngã 等đẳng 。所sở 獻hiến 宮cung 殿điện 。願nguyện 垂thùy 納nạp 受thọ 。  
'Xin hãy thương xót chúng con mà nhận lấy cung điện để chúng con được lợi ích.'  
  
時thời 諸chư 梵Phạm 天Thiên 王Vương 。即tức 於ư 佛Phật 前tiền 。一nhất 心tâm 同đồng 聲thanh 。以dĩ 偈kệ 頌tụng 曰viết 。  
Khi ấy các vị trời Phạm Vương liền ở trước Phật, họ nhất tâm đồng thanh và dùng kệ tán thán rằng:  
  
善thiện 哉tai 見kiến 諸chư 佛Phật 。  
救cứu 世thế 之chi 聖Thánh 尊Tôn 。  
能năng 於ư 三tam 界giới 獄ngục 。  
勉miễn 出xuất 諸chư 眾chúng 生sanh 。  
  
'Lành thay thấy chư Phật  
Thánh Tôn cứu thế gian  
Khéo ở ngục ba cõi  
Giúp chúng sanh ra khỏi  
  
普Phổ 智Trí 天Thiên 人Nhân 尊Tôn 。  
哀ai 愍mẫn 群quần 萌manh 類loại 。  
能năng 開khai 甘cam 露lộ 門môn 。  
廣quảng 度độ 於ư 一nhất 切thiết 。  
  
Phổ Trí Thiên Nhân Tôn  
Xót thương quần manh loại  
Khéo mở cửa cam lộ  
Rộng độ hết tất cả  
  
於ư 昔tích 無vô 量lượng 劫kiếp 。  
空không 過quá 無vô 有hữu 佛Phật 。  
世Thế 尊Tôn 未vị 出xuất 時thời 。  
十thập 方phương 常thường 暗ám 冥minh 。  
  
Ở vô lượng kiếp xưa  
Trống không chẳng có Phật  
Khi Thế Tôn chưa hiện  
Mười phương luôn u tối  
  
三tam 惡ác 道đạo 增tăng 長trưởng 。  
阿a 修tu 羅la 亦diệc 盛thịnh 。  
諸chư 天thiên 眾chúng 轉chuyển 減giảm 。  
死tử 多đa 墮đọa 惡ác 道đạo 。  
  
Ba đường ác gia tăng  
Phi thiên cũng đông đảo  
Hàng thiên chúng giảm dần  
Phần đông chết đọa ác  
  
不bất 從tùng 佛Phật 聞văn 法Pháp 。  
常thường 行hành 不bất 善thiện 事sự 。  
色sắc 力lực 及cập 智trí 慧tuệ 。  
斯tư 等đẳng 皆giai 減giảm 少thiểu 。  
  
Không nghe Pháp từ Phật  
Thường làm việc chẳng lành  
Thể lực và trí tuệ  
Thảy đều bị giảm hao  
  
罪tội 業nghiệp 因nhân 緣duyên 故cố 。  
失thất 樂lạc 及cập 樂lạc 想tưởng 。  
住trụ 於ư 邪tà 見kiến 法pháp 。  
不bất 識thức 善thiện 儀nghi 則tắc 。  
不bất 蒙mông 佛Phật 所sở 化hóa 。  
常thường 墮đọa 於ư 惡ác 道đạo 。  
  
Do nghiệp tội nhân duyên  
Mất đi nỗi niềm vui  
Trụ ở pháp tà kiến  
Chẳng biết phép tắc lành  
Thiếu ân Phật hóa độ  
Thường sa đọa đường ác  
  
佛Phật 為vi 世thế 間gian 眼nhãn 。  
久cửu 遠viễn 時thời 乃nãi 出xuất 。  
哀ai 愍mẫn 諸chư 眾chúng 生sanh 。  
故cố 現hiện 於ư 世thế 間gian 。  
  
Phật là mắt thế gian  
Lâu xa mới xuất thế  
Vì thương xót chúng sanh  
Xuất hiện ở thế gian  
  
超siêu 出xuất 成thành 正chánh 覺giác 。  
我ngã 等đẳng 甚thậm 欣hân 慶khánh 。  
及cập 餘dư 一nhất 切thiết 眾chúng 。  
喜hỷ 歎thán 未vị 曾tằng 有hữu 。  
  
Siêu xuất thành chánh giác  
Chúng con mừng khôn xiết  
Cùng hết thảy chúng sanh  
Hoan hỷ chưa từng có  
  
我ngã 等đẳng 諸chư 宮cung 殿điện 。  
蒙mông 光quang 故cố 嚴nghiêm 飾sức 。  
今kim 以dĩ 奉phụng 世Thế 尊Tôn 。  
惟duy 垂thùy 哀ai 納nạp 受thọ 。  
  
Các cung điện chúng con  
Nhờ Phật quang trang nghiêm  
Nay dâng lên Thế Tôn  
Xin hãy nhận lấy cho  
  
願nguyện 以dĩ 此thử 功công 德đức 。  
普phổ 及cập 於ư 一nhất 切thiết 。  
我ngã 等đẳng 與dữ 眾chúng 生sanh 。  
皆giai 共cộng 成thành 佛Phật 道Đạo 。  
  
Xin nguyện công đức này  
Hướng về khắp tất cả  
Đệ tử và chúng sanh  
Đều trọn thành Phật Đạo'  
  
爾nhĩ 時thời 五ngũ 百bách 萬vạn 億ức 。諸chư 梵Phạm 天Thiên 王Vương 。偈kệ 讚tán 佛Phật 已dĩ 。各các 白bạch 佛Phật 言ngôn 。  
Lúc bấy giờ, khi năm triệu ức vị trời Phạm Vương đã dùng kệ tán thán Phật xong, rồi họ đều bạch Phật rằng:  
  
惟duy 願nguyện 世Thế 尊Tôn 。轉chuyển 於ư 法Pháp 輪luân 。多đa 所sở 安an 隱ẩn 。多đa 所sở 度độ 脫thoát 。  
'Ngưỡng mong Thế Tôn hãy chuyển Pháp luân để độ thoát chúng sanh và mang đến nhiều sự an ổn cho họ.'  
  
時thời 諸chư 梵Phạm 天Thiên 王Vương 。而nhi 說thuyết 偈kệ 言ngôn 。  
Các vị trời Phạm Vương liền nói kệ rằng:  
  
世Thế 尊Tôn 轉chuyển 法Pháp 輪luân 。  
擊kích 甘cam 露lộ 法Pháp 鼓cổ 。  
度độ 苦khổ 惱não 眾chúng 生sanh 。  
開khai 示thị 涅Niết 槃Bàn 道Đạo 。  
  
'Thế Tôn chuyển Pháp luân  
Đánh trống Pháp cam lộ  
Độ chúng sanh khổ não  
Khai thị Đạo tịch diệt  
  
惟duy 願nguyện 受thọ 我ngã 請thỉnh 。  
以dĩ 大đại 微vi 妙diệu 音âm 。  
哀ai 愍mẫn 而nhi 敷phu 演diễn 。  
無vô 量lượng 劫kiếp 習tập 法Pháp 。  
  
Xin nhận lời khuyến thỉnh  
Dùng đại âm vi diệu  
Thương xót mà diễn nói  
Vô lượng kiếp tập Pháp'

爾nhĩ 時thời 大Đại 通Thông 智Trí 勝Thắng 如Như 來Lai 。受thọ 十thập 方phương 諸chư 梵Phạm 天Thiên 王Vương 。及cập 十thập 六lục 王vương 子tử 請thỉnh 。即tức 時thời 三tam 轉chuyển 。十Thập 二Nhị 行Hạnh 法Pháp 輪Luân 。若nhược 沙Sa 門Môn 。婆Bà 羅La 門Môn 。若nhược 天thiên 。魔ma 。梵Phạm 。及cập 餘dư 世thế 間gian 。所sở 不bất 能năng 轉chuyển 。  
Lúc bấy giờ, khi Đại Thông Trí Thắng Như Lai đã nhận lời khuyến thỉnh của các vị trời Phạm Vương và 16 vị vương tử, Ngài liền ba lần chuyển Pháp Luân trong 12 tướng mà Đạo Nhân, Phạm Chí, trời, ma, Phạm Vương, hay các loài hữu tình khác ở thế gian đều không thể chuyển.  
  
  
[Ngài dạy rằng:]  
  
謂vị 是thị 苦khổ 。是thị 苦khổ 集tập 。是thị 苦khổ 滅diệt 。是thị 苦khổ 滅diệt 道đạo 。  
'Đây là khổ. Đây là tập của khổ. Đây là diệt của khổ. Đây là con đường để chấm dứt khổ.'  
  
及cập 廣quảng 說thuyết 十Thập 二Nhị 因Nhân 緣Duyên 法Pháp 。  
Rồi thì Ngài rộng giảng Pháp Mười Hai Nhân Duyên:  
  
無vô 明minh 緣duyên 行hành 。行hành 緣duyên 識thức 。識thức 緣duyên 名danh 色sắc 。名danh 色sắc 緣duyên 六lục 入nhập 。六lục 入nhập 緣duyên 觸xúc 。觸xúc 緣duyên 受thọ 。受thọ 緣duyên 愛ái 。愛ái 緣duyên 取thủ 。取thủ 緣duyên 有hữu 。有hữu 緣duyên 生sanh 。生sanh 緣duyên 老lão 死tử 。憂ưu 悲bi 苦khổ 惱não 。  
'Vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên sáu nhập, sáu nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên già chết và các ưu sầu khổ não.  
  
無vô 明minh 滅diệt 則tắc 行hành 滅diệt 。行hành 滅diệt 則tắc 識thức 滅diệt 。識thức 滅diệt 則tắc 名danh 色sắc 滅diệt 。名danh 色sắc 滅diệt 則tắc 六lục 入nhập 滅diệt 。六lục 入nhập 滅diệt 則tắc 觸xúc 滅diệt 。觸xúc 滅diệt 則tắc 受thọ 滅diệt 。受thọ 滅diệt 則tắc 愛ái 滅diệt 。愛ái 滅diệt 則tắc 取thủ 滅diệt 。取thủ 滅diệt 則tắc 有hữu 滅diệt 。有hữu 滅diệt 則tắc 生sanh 滅diệt 。生sanh 滅diệt 則tắc 老lão 死tử 。憂ưu 悲bi 苦khổ 惱não 滅diệt 。  
Khi vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt, thức diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì sáu nhập diệt, sáu nhập diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sanh diệt, sanh diệt thì già chết và các ưu sầu khổ não diệt.'  
  
佛Phật 於ư 天thiên 人nhân 。大đại 眾chúng 之chi 中trung 。說thuyết 是thị 法Pháp 時thời 。六lục 百bách 萬vạn 億ức 。那na 由do 他tha 人nhân 。以dĩ 不bất 受thọ 一nhất 切thiết 法pháp 故cố 。而nhi 於ư 諸chư 漏lậu 。心tâm 得đắc 解giải 脫thoát 。皆giai 得đắc 深thâm 妙diệu 禪thiền 定định 。三Tam 明Minh 六Lục 通Thông 。具cụ 八Bát 解Giải 脫Thoát 。  
Khi Phật thuyết Pháp này ở giữa đại chúng và hàng trời người thì sáu triệu ức nayuta người, do bởi không thọ tất cả pháp nên đối với các lậu, tâm được giải thoát. Hết thảy đều đắc thâm diệu thiền định, Ba Minh, Sáu Thông, và đầy đủ Tám Giải Thoát.  
  
第đệ 二nhị 。第đệ 三tam 。第đệ 四tứ 說thuyết 法Pháp 時thời 。千thiên 萬vạn 億ức 恆Hằng 河Hà 沙sa 。那na 由do 他tha 等đẳng 眾chúng 生sanh 。亦diệc 以dĩ 不bất 受thọ 。一nhất 切thiết 法pháp 故cố 。而nhi 於ư 諸chư 漏lậu 。心tâm 得đắc 解giải 脫thoát 。從tùng 是thị 已dĩ 後hậu 。諸chư 聲Thanh 聞Văn 眾chúng 。無vô 量lượng 無vô 邊biên 。不bất 可khả 稱xưng 數số 。  
Khi Ngài thuyết Pháp lần thứ nhì, thứ ba, và thứ tư thì ngàn vạn ức Hằng Hà sa nayuta chúng sanh cũng do bởi không thọ tất cả pháp nên đối với các lậu, tâm được giải thoát. Từ đó về sau, hàng Thanh Văn thánh chúng có nhiều vô lượng vô biên và không thể nào tính xuể.

爾nhĩ 時thời 十thập 六lục 王vương 子tử 。皆giai 以dĩ 童đồng 子tử 出xuất 家gia 。而nhi 為vi 沙Sa 彌Di 。諸chư 根căn 通thông 利lợi 。智trí 慧tuệ 明minh 了liễu 。已dĩ 曾tằng 供cúng 養dường 。百bách 千thiên 萬vạn 億ức 諸chư 佛Phật 。淨tịnh 修tu 梵Phạm 行hạnh 。求cầu 阿A 耨Nậu 多Đa 羅La 三Tam 藐Miệu 三Tam 菩Bồ 提Đề 。  
Lúc bấy giờ 16 vị vương tử với thân đều là đồng tử, họ xuất gia và trở thành Cần Sách Nam. Các căn của họ sắc bén, trí tuệ minh liễu, đã từng cúng dường tỷ ức chư Phật, tu tịnh hạnh, và cầu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.  
  
俱câu 白bạch 佛Phật 言ngôn 。  
Họ đồng bạch Phật rằng:  
  
世Thế 尊Tôn 。是thị 諸chư 無vô 量lượng 千thiên 萬vạn 億ức 。大đại 德đức 聲Thanh 聞Văn 。皆giai 已dĩ 成thành 就tựu 。世Thế 尊Tôn 亦diệc 當đương 。為vì 我ngã 等đẳng 說thuyết 。阿A 耨Nậu 多Đa 羅La 三Tam 藐Miệu 三Tam 菩Bồ 提Đề 法Pháp 。我ngã 等đẳng 聞văn 已dĩ 。皆giai 共cộng 修tu 學học 。  
'Bạch Thế Tôn! Vô lượng ngàn vạn ức đại đức Thanh Văn nơi đây đều đã thành tựu. Thế Tôn cũng nên vì chúng con mà thuyết Pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Khi chúng con nghe rồi đều sẽ cùng tu học.  
  
世Thế 尊Tôn 。我ngã 等đẳng 志chí 願nguyện 。如Như 來Lai 知tri 見kiến 。深thâm 心tâm 所sở 念niệm 。佛Phật 自tự 證chứng 知tri 。  
Bạch Thế Tôn! Chúng con tha thiết cầu tri kiến của Như Lai. Điều suy tư trong tận đáy lòng của chúng con, Phật cũng đã tự biết.'  
  
爾nhĩ 時thời 轉Chuyển 輪Luân 聖Thánh 王Vương 。所sở 將tương 眾chúng 中trung 。八bát 萬vạn 億ức 人nhân 。見kiến 十thập 六lục 王vương 子tử 出xuất 家gia 。亦diệc 求cầu 出xuất 家gia 。王vương 即tức 聽thính 許hứa 。  
Khi ấy có 80.000 ức người đã đi theo Chuyển Luân Thánh Vương, khi thấy 16 vị vương tử xuất gia, họ cũng cầu xin xuất gia và nhà vua liền cho phép.  
  
爾nhĩ 時thời 彼bỉ 佛Phật 。受thọ 沙Sa 彌Di 請thỉnh 。過quá 二nhị 萬vạn 劫kiếp 已dĩ 。乃nãi 於ư 四tứ 眾chúng 之chi 中trung 。說thuyết 是thị 大Đại 乘Thừa 經Kinh 。名danh 妙Diệu 法Pháp 蓮Liên 華Hoa 。教giáo 菩Bồ 薩Tát 法Pháp 。佛Phật 所sở 護hộ 念niệm 。  
Lúc bấy giờ Đức Phật kia nhận lời thỉnh cầu của 16 vị Cần Sách Nam. Trải qua 20.000 kiếp sau đó thì Ngài mới ở giữa bốn chúng đệ tử mà thuyết giảng Kinh Đại Thừa tên là Diệu Pháp Liên Hoa, là Pháp để giáo hóa Bồ-tát và được Phật hộ niệm.  
  
說thuyết 是thị 經Kinh 已dĩ 。十thập 六lục 沙Sa 彌Di 。為vì 阿A 耨Nậu 多Đa 羅La 三Tam 藐Miệu 三Tam 菩Bồ 提Đề 故cố 。皆giai 共cộng 受thọ 持trì 。諷phúng 誦tụng 通thông 利lợi 。  
Sau khi thuyết giảng Kinh này, 16 vị Cần Sách Nam vì cầu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác nên đều cùng thọ trì, đọc tụng, và thông đạt thâm thúy.  
  
說thuyết 是thị 經Kinh 時thời 。十thập 六lục 菩Bồ 薩Tát 沙Sa 彌Di 。皆giai 悉tất 信tín 受thọ 。聲Thanh 聞Văn 眾chúng 中trung 。亦diệc 有hữu 信tín 解giải 。其kỳ 餘dư 眾chúng 生sanh 。千thiên 萬vạn 億ức 種chủng 。皆giai 生sanh 疑nghi 惑hoặc 。  
Lúc Ngài đã thuyết giảng Kinh này, 16 vị Bồ-tát Cần Sách Nam thảy đều tín thọ. Trong hàng Thanh Văn cũng có vị tín giải. Còn ngàn vạn ức chúng sanh khác thì đều sanh lòng nghi ngờ.  
  
佛Phật 說thuyết 是thị 經Kinh 。於ư 八bát 千thiên 劫kiếp 。未vị 曾tằng 休hưu 廢phế 。  
Suốt 8.000 kiếp, Đức Phật kia đã thuyết giảng Kinh này mà chưa từng ngừng nghỉ.  
  
說thuyết 此thử 經Kinh 已dĩ 。即tức 入nhập 靜tĩnh 室thất 。住trụ 於ư 禪thiền 定định 八bát 萬vạn 四tứ 千thiên 劫kiếp 。  
Khi đã thuyết giảng Kinh này xong, Ngài liền vào tĩnh thất và trụ trong thiền định đến 84.000 kiếp.  
  
是thị 時thời 十thập 六lục 。菩Bồ 薩Tát 沙Sa 彌Di 。知tri 佛Phật 入nhập 室thất 。寂tịch 然nhiên 禪thiền 定định 。各các 升thăng 法Pháp 座tòa 。亦diệc 於ư 八bát 萬vạn 四tứ 千thiên 劫kiếp 。為vì 四tứ 部bộ 眾chúng 。廣quảng 說thuyết 分phân 別biệt 。妙Diệu 法Pháp 蓮Liên 華Hoa 經Kinh 。一nhất 一nhất 皆giai 度độ 。六lục 百bách 萬vạn 億ức 那na 由do 他tha 。恆Hằng 河Hà 沙sa 等đẳng 眾chúng 生sanh 。示thị 教giáo 利lợi 喜hỷ 。令linh 發phát 阿A 耨Nậu 多Đa 羅La 三Tam 藐Miệu 三Tam 菩Bồ 提Đề 心tâm 。  
Khi 16 vị Bồ-tát Cần Sách Nam biết Phật nhập thất và trụ ở thiền định tịch nhiên, mỗi vị đều thăng Pháp tòa và cũng suốt 84.000 kiếp, họ rộng thuyết giảng tường tận Kinh Diệu Pháp Liên Hoa cho bốn chúng đệ tử. Mỗi vị đều độ thoát sáu triệu ức nayuta Hằng Hà sa chúng sanh, chỉ dạy giáo Pháp để khiến họ được lợi ích an vui, và làm cho họ phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.  
  
大Đại 通Thông 智Trí 勝Thắng 佛Phật 。過quá 八bát 萬vạn 四tứ 千thiên 劫kiếp 已dĩ 。從tùng 三tam 昧muội 起khởi 。往vãng 詣nghệ 法Pháp 座tòa 。  
Khi 84.000 kiếp đã qua, Đức Phật Đại Thông Trí Thắng liền từ chánh định dậy và đi đến Pháp tòa.  
  
安an 詳tường 而nhi 坐tọa 。普phổ 告cáo 大đại 眾chúng 。  
Ngài an tường ngồi xuống và tuyên cáo đến hết thảy đại chúng rằng:  
  
是thị 十thập 六lục 菩Bồ 薩Tát 沙Sa 彌Di 。甚thậm 為vi 希hy 有hữu 。諸chư 根căn 通thông 利lợi 。智trí 慧tuệ 明minh 了liễu 。已dĩ 曾tằng 供cúng 養dường 。無vô 量lượng 千thiên 萬vạn 億ức 數số 諸chư 佛Phật 。於ư 諸chư 佛Phật 所sở 。常thường 修tu 梵Phạm 行hạnh 。受thọ 持trì 佛Phật 智trí 。開khai 示thị 眾chúng 生sanh 。令linh 入nhập 其kỳ 中trung 。汝nhữ 等đẳng 皆giai 當đương 。數sác 數sác 親thân 近cận 。而nhi 供cúng 養dường 之chi 。  
'16 vị Bồ-tát Cần Sách Nam này rất là hiếm có. Các căn của họ sắc bén, trí tuệ minh liễu, và đã từng cúng dường tỷ ức chư Phật. Họ luôn tu tịnh hạnh ở Đạo Tràng của chư Phật, thọ trì trí tuệ của Phật, khai thị chúng sanh và khiến chúng sanh vào trong ấy. Các ông đều nên luôn luôn thân cận và cúng dường họ.  
  
所sở 以dĩ 者giả 何hà 。若nhược 聲Thanh 聞Văn 。辟Bích 支Chi 佛Phật 。及cập 諸chư 菩Bồ 薩Tát 。能năng 信tín 是thị 十thập 六lục 菩Bồ 薩Tát 。所sở 說thuyết 經Kinh 法Pháp 。受thọ 持trì 不bất 毀hủy 者giả 。是thị 人nhân 皆giai 當đương 。得đắc 阿A 耨Nậu 多Đa 羅La 三Tam 藐Miệu 三Tam 菩Bồ 提Đề 。如Như 來Lai 之chi 慧tuệ 。  
Vì sao thế? Bởi nếu có Thanh Văn, Độc Giác, hay chư Bồ-tát nào mà có thể tín thọ Kinh Pháp của 16 vị Bồ-tát này thuyết giảng, cùng thọ trì và không hủy phạm, thì người này sẽ đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác và đó chính là trí tuệ của Như Lai.'"

佛Phật 告cáo 諸chư 比Bỉ 丘Khâu 。  
Phật bảo các Bhikṣu:  
  
是thị 十thập 六lục 菩Bồ 薩Tát 。常thường 樂nhạo 說thuyết 是thị 。妙Diệu 法Pháp 蓮Liên 華Hoa 經Kinh 。一nhất 一nhất 菩Bồ 薩Tát 所sở 化hóa 。六lục 百bách 萬vạn 億ức 那na 由do 他tha 。恆Hằng 河Hà 沙sa 等đẳng 眾chúng 生sanh 。世thế 世thế 所sở 生sanh 。與dữ 菩Bồ 薩Tát 俱câu 。從tùng 其kỳ 聞văn 法Pháp 。悉tất 皆giai 信tín 解giải 。以dĩ 此thử 因nhân 緣duyên 。得đắc 值trị 四tứ 百bách 萬vạn 億ức 。諸chư 佛Phật 世Thế 尊Tôn 。于vu 今kim 不bất 盡tận 。  
"16 vị Bồ-tát này luôn vui thích thuyết giảng Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Mỗi vị Bồ-tát giáo hóa sáu triệu ức nayuta Hằng Hà sa chúng sanh. Các chúng sanh ấy đời đời cùng sanh ra một nơi với Bồ-tát và khi nghe Pháp từ các ngài, họ thảy đều tín giải. Do nhân duyên đó, họ đã gặp bốn triệu ức chư Phật Thế Tôn và mãi đến hiện nay vẫn còn chưa hết.  
  
諸chư 比Bỉ 丘Khâu 。我ngã 今kim 語ngứ 汝nhữ 。彼bỉ 佛Phật 弟đệ 子tử 。十thập 六lục 沙Sa 彌Di 。今kim 皆giai 得đắc 阿A 耨Nậu 多Đa 羅La 三Tam 藐Miệu 三Tam 菩Bồ 提Đề 。於ư 十thập 方phương 國quốc 土độ 。現hiện 在tại 說thuyết 法Pháp 。有hữu 無vô 量lượng 百bách 千thiên 萬vạn 億ức 。菩Bồ 薩Tát 聲Thanh 聞Văn 。以dĩ 為vi 眷quyến 屬thuộc 。  
Này các Bhikṣu! Bây giờ Ta nói cho các ông biết. 16 vị đệ tử Cần Sách Nam của Đức Phật kia, nay họ đều đã đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác và hiện đang thuyết Pháp ở các quốc độ trong mười phương. Các Ngài có vô lượng tỷ ức quyến thuộc là chư Bồ-tát và hàng Thanh Văn.  
  
其kỳ 二nhị 沙Sa 彌Di 。東đông 方phương 作tác 佛Phật 。一nhất 名danh 阿A 閦Súc 。在tại 歡Hoan 喜Hỷ 國Quốc 。二nhị 名danh 須Tu 彌Di 頂Đảnh 。  
Có hai vị thành Phật ở phương đông. Vị thứ nhất tên là Bất Động tại cõi nước Diệu Hỷ. Vị thứ nhì tên là Diệu Cao Đảnh.  
  
東đông 南nam 方phương 二nhị 佛Phật 。一nhất 名danh 師Sư 子Tử 音Âm 。二nhị 名danh 師Sư 子Tử 相Tướng 。  
Có hai vị thành Phật ở hướng đông nam. Vị thứ nhất tên là Sư Tử Âm. Vị thứ nhì tên là Sư Tử Tướng.  
  
南nam 方phương 二nhị 佛Phật 。一nhất 名danh 虛Hư 空Không 住Trụ 。二nhị 名danh 常Thường 滅Diệt 。  
Có hai vị thành Phật ở phương nam. Vị thứ nhất tên là Hư Không Trụ. Vị thứ nhì tên là Thường Diệt.  
  
西tây 南nam 方phương 二nhị 佛Phật 。一nhất 名danh 帝Đế 相Tướng 。二nhị 名danh 梵Phạm 相Tướng 。  
Có hai vị thành Phật ở hướng tây nam. Vị thứ nhất tên là Đế Tướng. Vị thứ nhì tên là Tịnh Tướng.  
  
西tây 方phương 二nhị 佛Phật 。一nhất 名danh 阿A 彌Di 陀Đà 。二nhị 名danh 度Độ 一Nhất 切Thiết 世Thế 間Gian 苦Khổ 惱Não 。  
Có hai vị thành Phật ở phương tây. Vị thứ nhất tên là Vô Lượng Thọ. Vị thứ nhì tên là Độ Nhất Thiết Thế Gian Khổ Não.  
  
西tây 北bắc 方phương 二nhị 佛Phật 。一nhất 名danh 多Đa 摩Ma 羅La 跋Bạt 栴Chiên 檀Đàn 香Hương 神Thần 通Thông 。二nhị 名danh 須Tu 彌Di 相Tướng 。  
Có hai vị thành Phật ở hướng tây bắc. Vị thứ nhất tên là Hoắc Diệp Chiên Đàn Hương Thần Thông. Vị thứ nhì tên là Diệu Cao Tướng.  
  
北bắc 方phương 二nhị 佛Phật 。一nhất 名danh 雲Vân 自Tự 在Tại 。二nhị 名danh 雲Vân 自Tự 在Tại 王Vương 。  
Có hai vị thành Phật ở phương bắc. Vị thứ nhất tên là Vân Tự Tại. Vị thứ nhì tên là Vân Tự Tại Vương.  
  
東đông 北bắc 方phương 佛Phật 。名danh 壞Hoại 一Nhất 切Thiết 世Thế 間Gian 怖Bố 畏Úy 。  
Ở hướng đông bắc có Đức Phật hiệu là Hoại Nhất Thiết Thế Gian Bố Úy.  
  
第đệ 十thập 六lục 。我ngã 釋Thích 迦Ca 牟Mâu 尼Ni 佛Phật 。於ư 娑Sa 婆Bà 國Quốc 土Độ 。成thành 阿A 耨Nậu 多Đa 羅La 三Tam 藐Miệu 三Tam 菩Bồ 提Đề 。  
Vị thứ 16 chính là Ta, Đức Phật Śākyamuni, thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác ở Thế giới Kham Nhẫn.

諸chư 比Bỉ 丘Khâu 。我ngã 等đẳng 為vi 沙Sa 彌Di 時thời 。各các 各các 教giáo 化hóa 。無vô 量lượng 百bách 千thiên 萬vạn 億ức 。恆Hằng 河Hà 沙sa 等đẳng 眾chúng 生sanh 。從tùng 我ngã 聞văn 法Pháp 。為vi 阿A 耨Nậu 多Đa 羅La 三Tam 藐Miệu 三Tam 菩Bồ 提Đề 。此thử 諸chư 眾chúng 生sanh 。于vu 今kim 有hữu 住trụ 。聲Thanh 聞Văn 地Địa 者giả 。我ngã 常thường 教giáo 化hóa 。阿A 耨Nậu 多Đa 羅La 三Tam 藐Miệu 三Tam 菩Bồ 提Đề 。是thị 諸chư 人nhân 等đẳng 。應ưng 以dĩ 是thị 法Pháp 。漸tiệm 入nhập 佛Phật 道Đạo 。  
Này các Bhikṣu! Khi Ta và chư Phật kia đang lúc làm Cần Sách Nam vào thuở xưa, mỗi vị đều giáo hóa vô lượng tỷ ức Hằng Hà sa chúng sanh. Các chúng sanh ấy do nghe Pháp từ nơi Ta nên họ phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Những ai trong các chúng sanh đó mà đến nay vẫn còn trụ ở quả vị Thanh Văn, thì Ta luôn giáo hóa họ để đạt đến Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Các hạng người như vậy, Ta dùng Pháp này để lần lần dẫn họ vào Phật Đạo.  
  
所sở 以dĩ 者giả 何hà 。如Như 來Lai 智trí 慧tuệ 。難nan 信tín 難nan 解giải 。  
Vì sao thế? Bởi trí tuệ của Như Lai thật khó tin và khó hiểu.  
  
爾nhĩ 時thời 所sở 化hóa 無vô 量lượng 。恆Hằng 河Hà 沙sa 等đẳng 眾chúng 生sanh 者giả 。汝nhữ 等đẳng 諸chư 比Bỉ 丘Khâu 。及cập 我ngã 滅diệt 度độ 後hậu 。未vị 來lai 世thế 中trung 。聲Thanh 聞Văn 弟đệ 子tử 是thị 也dã 。  
Vô lượng Hằng Hà sa chúng sanh mà ta hóa độ thuở đó chính là hàng Bhikṣu các ông đây. Sau khi Ta diệt độ, các ông cũng sẽ là các đệ tử Thanh Văn của Ta ở trong đời vị lai.  
  
我ngã 滅diệt 度độ 後hậu 。復phục 有hữu 弟đệ 子tử 。不bất 聞văn 是thị 經Kinh 。不bất 知tri 不bất 覺giác 。菩Bồ 薩Tát 所sở 行hành 。自tự 於ư 所sở 得đắc 功công 德đức 。生sanh 滅diệt 度độ 想tưởng 。當đương 入nhập 涅Niết 槃Bàn 。我ngã 於ư 餘dư 國quốc 作tác 佛Phật 。更cánh 有hữu 異dị 名danh 。是thị 人nhân 雖tuy 生sanh 。滅diệt 度độ 之chi 想tưởng 。入nhập 於ư 涅Niết 槃Bàn 。而nhi 於ư 彼bỉ 土độ 。求cầu 佛Phật 智trí 慧tuệ 。得đắc 聞văn 是thị 經Kinh 。唯duy 以dĩ 佛Phật 乘Thừa 。而nhi 得đắc 滅diệt 度độ 。更cánh 無vô 餘dư 乘thừa 。除trừ 諸chư 如Như 來Lai 。方phương 便tiện 說thuyết 法Pháp 。  
Lại nữa, sau khi Ta diệt độ, có những đệ tử do không nghe được Kinh này nên sẽ không hay không biết gì về nơi tu hành của Bồ-tát. Tuy nhiên, do bởi công đức đạt được của chính mình, họ khởi sanh ý tưởng diệt độ và sẽ vào tịch diệt. Riêng Ta sẽ làm Phật ở quốc độ khác và tên gọi cũng khác. Mặc dù những người này khởi sanh ý tưởng diệt độ và vào tịch diệt, họ sẽ ở quốc độ kia mà cầu trí tuệ của Phật và nghe được Kinh này. Duy chỉ với Phật Thừa mới được diệt độ mà không có thừa nào khác--ngoại trừ chư Như Lai dùng phương tiện để thuyết Pháp.  
  
諸chư 比Bỉ 丘Khâu 。若nhược 如Như 來Lai 自tự 知tri 。涅Niết 槃Bàn 時thời 到đáo 。眾chúng 又hựu 清thanh 淨tịnh 。信tín 解giải 堅kiên 固cố 。了liễu 達đạt 空không 法pháp 。深thâm 入nhập 禪thiền 定định 。  
Này các Bhikṣu! Như Lai tự biết khi nào sẽ đến lúc vào tịch diệt; khi nào thì đại chúng thanh tịnh, tín giải kiên cố, liễu đạt không pháp, và vào sâu thiền định.  
  
便tiện 集tập 諸chư 菩Bồ 薩Tát 。及cập 聲Thanh 聞Văn 眾chúng 。為vi 說thuyết 是thị 經Kinh 。  
Lúc đó, Như Lai sẽ triệu tập chư Bồ-tát cùng hàng Thanh Văn để thuyết giảng Kinh này và nói rằng:  
  
世thế 間gian 無vô 有hữu 二nhị 乘thừa 。而nhi 得đắc 滅diệt 度độ 。唯duy 一nhất 佛Phật 乘Thừa 。得đắc 滅diệt 度độ 耳nhĩ 。  
'Thế gian không có hai thừa để được diệt độ. Duy nhất Phật Thừa mới được diệt độ.'  
  
比Bỉ 丘Khâu 當đương 知tri 。如Như 來Lai 方phương 便tiện 。深thâm 入nhập 眾chúng 生sanh 之chi 性tánh 。知tri 其kỳ 志chí 樂nhạo 小tiểu 法Pháp 。深thâm 著trước 五ngũ 欲dục 。為vì 是thị 等đẳng 故cố 。說thuyết 於ư 涅Niết 槃Bàn 。是thị 人nhân 若nhược 聞văn 。則tắc 便tiện 信tín 受thọ 。  
Này các Bhikṣu! Nên biết rằng, Như Lai dùng phương tiện để vào sâu tánh của chúng sanh. Biết rằng họ chỉ ưa thích Pháp nhỏ và chấp sâu nơi năm dục, nên vì thế Ngài nói tịch diệt. Khi nghe được, những người này sẽ liền tín thọ.

譬thí 如như 五ngũ 百bách 由do 旬tuần 。險hiểm 難nạn 惡ác 道đạo 。曠khoáng 絕tuyệt 無vô 人nhân 。怖bố 畏úy 之chi 處xứ 。若nhược 有hữu 多đa 眾chúng 。欲dục 過quá 此thử 道đạo 。至chí 珍trân 寶bảo 處xứ 。有hữu 一nhất 導đạo 師sư 。聰thông 慧tuệ 明minh 達đạt 。善thiện 知tri 險hiểm 道đạo 。通thông 塞tắc 之chi 相tướng 。將tương 導đạo 眾chúng 人nhân 。欲dục 過quá 此thử 難nạn 。所sở 將tương 人nhân 眾chúng 。中trung 路lộ 懈giải 退thoái 。  
Đây ví như có một con đường nguy hiểm ghê rợn. Nơi đó vắng tanh bóng người và thật kinh hoàng. Nếu có một đám đông muốn qua con đường này để đến nơi châu báu, trong ấy có một vị đạo sư với trí tuệ sáng suốt, khéo biết chỗ nào qua được, chỗ nào không qua được của hiểm đạo kia và ngài muốn dẫn họ vượt qua hiểm nạn này. Ở giữa đường, nhóm người đó mệt mỏi và muốn quay về.  
  
白bạch 導đạo 師sư 言ngôn 。  
Họ thưa với vị đạo sư rằng:  
  
我ngã 等đẳng 疲bì 極cực 。而nhi 復phục 怖bố 畏úy 。不bất 能năng 復phục 進tiến 。前tiền 路lộ 猶do 遠viễn 。今kim 欲dục 退thoái 還hoàn 。  
'Chúng tôi đã kiệt sức và còn sợ hãi nữa. Chúng tôi không thể nào đi tiếp được. Đường ở phía trước quá xa xôi nên bây giờ chúng tôi muốn quay về.'  
  
導đạo 師sư 多đa 諸chư 方phương 便tiện 。而nhi 作tác 是thị 念niệm 。  
Vị đạo sư với nhiều môn phương tiện, ngài nghĩ như vầy:  
  
此thử 等đẳng 可khả 愍mẫn 。云vân 何hà 捨xả 大đại 珍trân 寶bảo 。而nhi 欲dục 退thoái 還hoàn 。  
'Các người này thật đáng thương. Sao nỡ đành từ bỏ châu báu quý và lại muốn quay trở về?'  
  
作tác 是thị 念niệm 已dĩ 。以dĩ 方phương 便tiện 力lực 。於ư 險hiểm 道đạo 中trung 。過quá 三tam 百bách 由do 旬tuần 。化hóa 作tác 一nhất 城thành 。  
Nghĩ như thế xong, bằng vào sức phương tiện, ngài biến hóa ra một thành quách với độ rộng lớn hơn cả 300 yojana ở ngay giữa hiểm đạo.  
  
告cáo 眾chúng 人nhân 言ngôn 。  
Sau đó ngài bảo họ rằng:  
  
汝nhữ 等đẳng 勿vật 怖bố 。莫mạc 得đắc 退thoái 還hoàn 。今kim 此thử 大đại 城thành 。可khả 於ư 中trung 止chỉ 。隨tùy 意ý 所sở 作tác 。若nhược 入nhập 是thị 城thành 。快khoái 得đắc 安an 隱ẩn 。若nhược 能năng 前tiền 至chí 寶bảo 所sở 。亦diệc 可khả 得đắc 去khứ 。  
'Các người chớ sợ sệt và đừng thoái lùi. Bây giờ các người có thể dừng lại ở trong đại thành này và tùy ý làm việc mình muốn. Nếu vào thành này thì sẽ liền được an ổn. Sau đó, nếu như muốn tiến về nơi châu báu ở phía trước thì cũng có thể đi.'  
  
是thị 時thời 疲bì 極cực 之chi 眾chúng 。心tâm 大đại 歡hoan 喜hỷ 。歎thán 未vị 曾tằng 有hữu 。  
Ngay lúc ấy, nhóm người kiệt quệ liền vui mừng khôn xiết và khen là việc chưa từng có:  
  
我ngã 等đẳng 今kim 者giả 。免miễn 斯tư 惡ác 道đạo 。快khoái 得đắc 安an 隱ẩn 。  
'Bây giờ chúng ta sẽ thoát ra khỏi đường ác và mau được an ổn.'  
  
於ư 是thị 眾chúng 人nhân 。前tiền 入nhập 化hóa 城thành 。生sanh 已dĩ 度độ 想tưởng 。生sanh 安an 隱ẩn 想tưởng 。  
Rồi thì các người ấy liền vào hóa thành ở phía trước và nghĩ rằng họ đã được ra khỏi nên cảm thấy an vui.  
  
爾nhĩ 時thời 導đạo 師sư 。知tri 此thử 人nhân 眾chúng 。既ký 得đắc 止chỉ 息tức 。無vô 復phục 疲bì 倦quyện 。即tức 滅diệt 化hóa 城thành 。語ngứ 眾chúng 人nhân 言ngôn 。  
Lúc bấy giờ vị đạo sư biết những người này đã nghỉ ngơi xong và không còn mệt mỏi nữa nên liền diệt mất hóa thành.  
  
汝nhữ 等đẳng 去khứ 來lai 。寶bảo 處xứ 在tại 近cận 。向hướng 者giả 大đại 城thành 。我ngã 所sở 化hóa 作tác 。為vi 止chỉ 息tức 耳nhĩ 。  
'Chúng ta hãy đi nào, sắp gần tới nơi châu báu rồi! Đại thành lúc nãy chính là do ta biến hóa để các người nghỉ ngơi đó thôi.'  
  
諸chư 比Bỉ 丘Khâu 。如Như 來Lai 亦diệc 復phục 如như 是thị 。今kim 為vì 汝nhữ 等đẳng 。作tác 大đại 導đạo 師sư 。知tri 諸chư 生sanh 死tử 。煩phiền 惱não 惡ác 道đạo 。險hiểm 難nạn 長trường 遠viễn 。應ưng 去khứ 應ưng 度độ 。  
Này các Bhikṣu! Như Lai cũng lại như vậy. Ta nay vì các ông mà làm bậc đại đạo sư. Như Lai biết chúng sanh cần thoát ra đường ác đầy hiểm nạn trùng trùng của sanh tử phiền não. Thế nên Như Lai đã thị hiện để hóa độ.  
  
若nhược 眾chúng 生sanh 但đãn 聞văn 。一nhất 佛Phật 乘Thừa 者giả 。則tắc 不bất 欲dục 見kiến 佛Phật 。不bất 欲dục 親thân 近cận 。便tiện 作tác 是thị 念niệm 。  
Nếu chúng sanh nào khi nghe chỉ có một Phật Thừa, rồi liền không muốn thấy Phật và không muốn thân cận, trái lại họ nghĩ như thế này:  
  
佛Phật 道Đạo 長trường 遠viễn 。久cửu 受thọ 勤cần 苦khổ 。乃nãi 可khả 得đắc 成thành 。  
'Phật Đạo xa thăm thẳm; phải chịu vô vàn gian khổ mới có thể thành tựu.'  
  
佛Phật 知tri 是thị 心tâm 。怯khiếp 弱nhược 下hạ 劣liệt 。以dĩ 方phương 便tiện 力lực 。而nhi 於ư 中trung 道đạo 。為vì 止chỉ 息tức 故cố 。說thuyết 二nhị 涅Niết 槃Bàn 。  
Phật liền biết tâm họ là khiếp nhược và thấp kém. Vì thế đã dùng sức phương tiện để họ nghỉ ngơi ở giữa đường nên nói có hai tịch diệt.  
  
若nhược 眾chúng 生sanh 住trụ 於ư 二nhị 地địa 。如Như 來Lai 爾nhĩ 時thời 。即tức 便tiện 為vi 說thuyết 。  
Nếu chúng sanh nào trụ ở hai địa này, khi ấy Như Lai sẽ liền bảo họ rằng:  
  
汝nhữ 等đẳng 所sở 作tác 未vị 辦biện 。汝nhữ 所sở 住trụ 地địa 。近cận 於ư 佛Phật 慧tuệ 。當đương 觀quán 察sát 籌trù 量lượng 。所sở 得đắc 涅Niết 槃Bàn 。非phi 真chân 實thật 也dã 。但đãn 是thị 如Như 來Lai 。方phương 便tiện 之chi 力lực 。於ư 一nhất 佛Phật 乘Thừa 。分phân 別biệt 說thuyết 三tam 。  
'Các ông vẫn còn chưa viên mãn. Các địa mà ông đang trụ thì gần đến trí tuệ của Phật. Hãy nên quán sát và tư duy rằng: Tịch diệt mà mình đang chứng đắc chẳng phải là chân thật. Đây chỉ là do Như Lai dùng sức phương tiện nên ở trong một Phật Thừa mà phân biệt nói có ba.'  
  
如như 彼bỉ 導đạo 師sư 。為vì 止chỉ 息tức 故cố 。化hóa 作tác 大đại 城thành 。  
Đây ví như vị đạo sư kia. Vì muốn nhóm người đó nghỉ ngơi nên đã hóa làm một đại thành.  
  
既ký 知tri 息tức 已dĩ 。而nhi 告cáo 之chi 言ngôn 。  
Khi đã nghỉ ngơi xong, ngài bảo họ rằng:  
  
寶bảo 處xứ 在tại 近cận 。此thử 城thành 非phi 實thật 。我ngã 化hóa 作tác 耳nhĩ 。  
'Sắp tới nơi châu báu rồi! Thành này không phải thật, là do ta biến hóa ra đấy.'"

爾nhĩ 時thời 世Thế 尊Tôn 。欲dục 重trùng 宣tuyên 此thử 義nghĩa 。而nhi 說thuyết 偈kệ 言ngôn 。  
Lúc bấy giờ Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa lý ở trên nên nói kệ rằng:  
  
大Đại 通Thông 智Trí 勝Thắng 佛Phật 。  
十thập 劫kiếp 坐tọa 道Đạo 場Tràng 。  
佛Phật 法Pháp 不bất 現hiện 前tiền 。  
不bất 得đắc 成thành 佛Phật 道Đạo 。  
  
"Đại Thông Trí Thắng Phật  
Mười kiếp ngồi Đạo Tràng  
Phật Pháp chẳng hiện tiền  
Không được thành Phật Đạo  
  
諸chư 天thiên 神thần 龍long 王vương 。  
阿a 修tu 羅la 眾chúng 等đẳng 。  
常thường 雨vũ 於ư 天thiên 華hoa 。  
以dĩ 供cúng 養dường 彼bỉ 佛Phật 。  
  
Chư thiên thần long vương  
Phi thiên các loài khác  
Luôn mưa xuống hoa trời  
Để cúng dường Phật kia  
  
諸chư 天thiên 擊kích 天thiên 鼓cổ 。  
并tinh 作tác 眾chúng 伎kỹ 樂nhạc 。  
香hương 風phong 吹xuy 萎nuy 華hoa 。  
更canh 雨vũ 新tân 好hảo 者giả 。  
  
Chư thiên đánh trống trời  
Trỗi muôn loại âm nhạc  
Gió hương thổi hoa héo  
Mưa xuống hoa đẹp tươi  
  
過quá 十thập 小tiểu 劫kiếp 已dĩ 。  
乃nãi 得đắc 成thành 佛Phật 道Đạo 。  
諸chư 天thiên 及cập 世thế 人nhân 。  
心tâm 皆giai 懷hoài 踊dũng 躍dược 。  
  
Trải qua mười tiểu kiếp  
Mới được thành Phật Đạo  
Hàng trời cùng nhân thế  
Tâm đều mừng hớn hở  
  
彼bỉ 佛Phật 十thập 六lục 子tử 。  
皆giai 與dữ 其kỳ 眷quyến 屬thuộc 。  
千thiên 萬vạn 億ức 圍vi 繞nhiễu 。  
俱câu 行hành 至chí 佛Phật 所sở 。  
  
Quyến thuộc của Phật kia  
Cùng mười sáu vương tử  
Ngàn vạn ức vây quanh  
Đồng đi đến chỗ Phật  
  
頭đầu 面diện 禮lễ 佛Phật 足túc 。  
而nhi 請thỉnh 轉chuyển 法Pháp 輪luân 。  
聖Thánh 師Sư 子Tử 法Pháp 雨vũ 。  
充sung 我ngã 及cập 一nhất 切thiết 。  
  
Đầu lễ dưới chân Phật  
Khuyến thỉnh chuyển Pháp luân  
'Thánh Sư Tử mưa Pháp  
Thấm nhuần hết chúng con'  
  
世Thế 尊Tôn 甚thậm 難nan 值trị 。  
久cửu 遠viễn 時thời 一nhất 現hiện 。  
為vì 覺giác 悟ngộ 群quần 生sanh 。  
震chấn 動động 於ư 一nhất 切thiết 。  
  
Thế Tôn rất khó gặp  
Lâu xa hiện một lần  
Vì giác ngộ chúng sanh  
Chấn động hết tất cả  
  
東đông 方phương 諸chư 世thế 界giới 。  
五ngũ 百bách 萬vạn 億ức 國quốc 。  
梵Phạm 宮cung 殿điện 光quang 曜diệu 。  
昔tích 所sở 未vị 曾tằng 有hữu 。  
  
Các thế giới phương đông  
Năm trăm vạn ức cõi  
Phạm cung điện sáng lòa  
Xưa nay chưa từng có  
  
諸chư 梵Phạm 見kiến 此thử 相tướng 。  
尋tầm 來lai 至chí 佛Phật 所sở 。  
散tán 華hoa 以dĩ 供cúng 養dường 。  
并tinh 奉phụng 上thượng 宮cung 殿điện 。  
  
Phạm Thiên thấy tướng này  
Tìm theo đến chỗ Phật  
Rải hoa để cúng dường  
Và dâng lên cung điện  
  
請thỉnh 佛Phật 轉chuyển 法Pháp 輪luân 。  
以dĩ 偈kệ 而nhi 讚tán 歎thán 。  
佛Phật 知tri 時thời 未vị 至chí 。  
受thọ 請thỉnh 默mặc 然nhiên 坐tọa 。  
  
Thỉnh Phật chuyển Pháp luân  
Dùng kệ mà tán thán  
Phật biết chưa đến lúc  
Thọ thỉnh ngồi lặng yên  
  
三tam 方phương 及cập 四tứ 維duy 。  
上thượng 下hạ 亦diệc 復phục 爾nhĩ 。  
散tán 花hoa 奉phụng 宮cung 殿điện 。  
請thỉnh 佛Phật 轉chuyển 法Pháp 輪luân 。  
  
Ba phương bốn hướng phụ  
Trên dưới cũng như vậy  
Rải hoa hiến cung điện  
Thỉnh Phật chuyển Pháp luân  
  
世Thế 尊Tôn 甚thậm 難nan 值trị 。  
願nguyện 以dĩ 大đại 慈từ 悲bi 。  
廣quảng 開khai 甘cam 露lộ 門môn 。  
轉chuyển 無vô 上thượng 法Pháp 輪luân 。  
  
'Thế Tôn rất khó gặp  
Nguyện khởi đại từ bi  
Rộng mở cửa cam lộ  
Chuyển Pháp luân vô thượng'  
  
無vô 量lượng 慧tuệ 世Thế 尊Tôn 。  
受thọ 彼bỉ 眾chúng 人nhân 請thỉnh 。  
為vi 宣tuyên 種chủng 種chủng 法Pháp 。  
四Tứ 諦Đế 十Thập 二Nhị 緣Duyên 。  
  
Thế Tôn vô lượng tuệ  
Tiếp thọ lời thỉnh cầu  
Tuyên thuyết đủ mọi Pháp  
Bốn Đế Mười Hai Duyên  
  
無vô 明minh 至chí 老lão 死tử 。  
皆giai 從tùng 生sanh 緣duyên 有hữu 。  
如như 是thị 眾chúng 過quá 患hoạn 。  
汝nhữ 等đẳng 應ưng 當đương 知tri 。  
  
Vô minh đến già chết  
Đều từ sanh duyên hữu  
Hoạn nạn từ đây ra  
Các ông phải nên biết  
  
宣tuyên 暢sướng 是thị 法Pháp 時thời 。  
六lục 百bách 萬vạn 億ức 姟cai 。  
得đắc 盡tận 諸chư 苦khổ 際tế 。  
皆giai 成thành 阿A 羅La 漢Hán 。  
  
Khi tuyên dương Pháp này  
Sáu trăm vạn ức nayuta  
Diệt tận mọi khổ não  
Đều đắc Đạo Ứng Chân  
  
第đệ 二nhị 說thuyết 法Pháp 時thời 。  
千thiên 萬vạn 恆Hằng 沙sa 眾chúng 。  
於ư 諸chư 法pháp 不bất 受thọ 。  
亦diệc 得đắc 阿A 羅La 漢Hán 。  
  
Lúc thuyết Pháp lần hai  
Ngàn vạn Hằng sa chúng  
Trong các pháp chẳng thọ  
Cũng đắc Đạo Ứng Chân  
  
從tùng 是thị 後hậu 得đắc 道Đạo 。  
其kỳ 數số 無vô 有hữu 量lượng 。  
萬vạn 億ức 劫kiếp 算toán 數số 。  
不bất 能năng 得đắc 其kỳ 邊biên 。  
  
Người đắc Đạo từ đó  
Số ấy không tính kể  
Vạn ức kiếp toán số  
Không thể biết giới hạn  
  
時thời 十thập 六lục 王vương 子tử 。  
出xuất 家gia 作tác 沙Sa 彌Di 。  
皆giai 共cộng 請thỉnh 彼bỉ 佛Phật 。  
演diễn 說thuyết 大Đại 乘Thừa 法Pháp 。  
  
Mười sáu vị vương tử  
Thọ giới Cần Sách Nam  
Đều cùng thỉnh Phật kia  
Diễn nói Pháp Đại Thừa  
  
我ngã 等đẳng 及cập 營doanh 從tùng 。  
皆giai 當đương 成thành 佛Phật 道Đạo 。  
願nguyện 得đắc 如như 世Thế 尊Tôn 。  
慧tuệ 眼nhãn 第đệ 一nhất 淨tịnh 。  
  
'Chúng con cùng quyến thuộc  
Đều sẽ thành Phật Đạo  
Nguyện được như Thế Tôn  
Tuệ nhãn thanh tịnh nhất'  
  
佛Phật 知tri 童đồng 子tử 心tâm 。  
宿túc 世thế 之chi 所sở 行hành 。  
以dĩ 無vô 量lượng 因nhân 緣duyên 。  
種chủng 種chủng 諸chư 譬thí 喻dụ 。  
  
Phật biết tâm đồng tử  
Sự tu hành đời trước  
Với vô lượng nhân duyên  
Cùng đủ mọi thí dụ  
  
說thuyết 六Lục 波Ba 羅La 蜜Mật 。  
及cập 諸chư 神thần 通thông 事sự 。  
分phân 別biệt 真chân 實thật 法Pháp 。  
菩Bồ 薩Tát 所sở 行hành 道Đạo 。  
說thuyết 是thị 法Pháp 華Hoa 經Kinh 。  
如như 恆Hằng 河Hà 沙sa 偈kệ 。  
  
Tuyên thuyết giảng Sáu Độ  
Và các việc thần thông  
Phân biệt Pháp chân thật  
Nơi Bồ-tát hành Đạo  
Thuyết Kinh Pháp Hoa này  
Kệ như cát sông Hằng  
  
彼bỉ 佛Phật 說thuyết 經Kinh 已dĩ 。  
靜tĩnh 室thất 入nhập 禪thiền 定định 。  
一nhất 心tâm 一nhất 處xứ 坐tọa 。  
八bát 萬vạn 四tứ 千thiên 劫kiếp 。  
  
Phật kia giảng Kinh xong  
Tĩnh thất nhập thiền định  
Nhất tâm ngồi một nơi  
Tám mươi bốn ngàn kiếp  
  
是thị 諸chư 沙Sa 彌Di 等đẳng 。  
知tri 佛Phật 禪thiền 未vị 出xuất 。  
為vì 無vô 量lượng 億ức 眾chúng 。  
說thuyết 佛Phật 無vô 上thượng 慧tuệ 。  
  
Mỗi vị Cần Sách Nam  
Biết Phật chưa xuất định  
Vì vô lượng ức chúng  
Thuyết Phật vô lượng tuệ  
  
各các 各các 坐tọa 法Pháp 座tòa 。  
說thuyết 是thị 大Đại 乘Thừa 經Kinh 。  
於ư 佛Phật 宴yến 寂tịch 後hậu 。  
宣tuyên 揚dương 助trợ 法Pháp 化hóa 。  
  
Mỗi vị ngồi Pháp tòa  
Giảng Kinh Đại Thừa này  
Sau khi Phật tịch diệt  
Tuyên dương trợ hoằng Pháp  
  
一nhất 一nhất 沙Sa 彌Di 等đẳng 。  
所sở 度độ 諸chư 眾chúng 生sanh 。  
有hữu 六lục 百bách 萬vạn 億ức 。  
恆Hằng 河Hà 沙sa 等đẳng 眾chúng 。  
  
Mỗi vị Cần Sách Nam  
Hóa độ các chúng sanh  
Đến sáu trăm vạn ức  
Nhiều như cát sông Hằng  
  
彼bỉ 佛Phật 滅diệt 度độ 後hậu 。  
是thị 諸chư 聞văn 法Pháp 者giả 。  
在tại 在tại 諸chư 佛Phật 土độ 。  
常thường 與dữ 師sư 俱câu 生sanh 。  
  
Sau khi Phật kia tịch  
Những ai nghe Pháp này  
Bất cứ Phật độ nào  
Luôn sanh cùng đạo sư  
  
是thị 十thập 六lục 沙Sa 彌Di 。  
具cụ 足túc 行hành 佛Phật 道Đạo 。  
今kim 現hiện 在tại 十thập 方phương 。  
各các 得đắc 成thành 正chánh 覺giác 。  
  
Mười sáu Cần Sách Nam  
Hành Phật Đạo đầy đủ  
Hiện nay ở mười phương  
Ai cũng thành chánh giác  
  
爾nhĩ 時thời 聞văn 法Pháp 者giả 。  
各các 在tại 諸chư 佛Phật 所sở 。  
其kỳ 有hữu 住trụ 聲Thanh 聞Văn 。  
漸tiệm 教giáo 以dĩ 佛Phật 道Đạo 。  
  
Người nghe Pháp thuở đó  
Nơi chư Phật hiện tại  
Những ai trụ Thanh Văn  
Dần dần dạy Phật Đạo  
  
我ngã 在tại 十thập 六lục 數số 。  
曾tằng 亦diệc 為vì 汝nhữ 說thuyết 。  
是thị 故cố 以dĩ 方phương 便tiện 。  
引dẫn 汝nhữ 趣thú 佛Phật 慧tuệ 。  
  
Ta là một trong đó  
Cũng từng vì các ông  
Nên đã dùng phương tiện  
Dẫn vào trí của Phật  
  
以dĩ 是thị 本bổn 因nhân 緣duyên 。  
今kim 說thuyết 法Pháp 華Hoa 經Kinh 。  
令linh 汝nhữ 入nhập 佛Phật 道Đạo 。  
慎thận 勿vật 懷hoài 驚kinh 懼cụ 。  
  
Do bởi nhân duyên xưa  
Nay giảng Kinh Pháp Hoa  
Khiến ông vào Phật Đạo  
Các ông đừng kinh sợ  
  
譬thí 如như 險hiểm 惡ác 道đạo 。  
迥huýnh 絕tuyệt 多đa 毒độc 獸thú 。  
又hựu 復phục 無vô 水thủy 草thảo 。  
人nhân 所sở 怖bố 畏úy 處xứ 。  
  
Ví như có hiểm đạo  
Hoang vu nhiều thú dữ  
Lại cũng không cỏ nước  
Nơi mà ai cũng sợ  
  
無vô 數số 千thiên 萬vạn 眾chúng 。  
欲dục 過quá 此thử 險hiểm 道đạo 。  
其kỳ 路lộ 甚thậm 曠khoáng 遠viễn 。  
經kinh 五ngũ 百bách 由do 旬tuần 。  
  
Vô số ngàn vạn chúng  
Muốn qua hiểm đạo này  
Đường dài xa vời vợi  
Năm trăm yojana  
  
時thời 有hữu 一nhất 導đạo 師sư 。  
強cường 識thức 有hữu 智trí 慧tuệ 。  
明minh 了liễu 心tâm 決quyết 定định 。  
在tại 險hiểm 濟tế 眾chúng 難nạn 。  
  
Có một vị đạo sư  
Với trí tuệ uyên bác  
Sáng suốt tâm kiên định  
Cứu họ khỏi hiểm nạn  
  
眾chúng 人nhân 皆giai 疲bì 倦quyện 。  
而nhi 白bạch 導đạo 師sư 言ngôn 。  
我ngã 等đẳng 今kim 頓đốn 乏phạp 。  
於ư 此thử 欲dục 退thoái 還hoàn 。  
  
Mọi người đều mệt mỏi  
Mà thưa đạo sư rằng  
'Giờ chúng tôi mệt lắm  
Và muốn quay trở về'  
  
導đạo 師sư 作tác 是thị 念niệm 。  
此thử 輩bối 甚thậm 可khả 愍mẫn 。  
如như 何hà 欲dục 退thoái 還hoàn 。  
而nhi 失thất 大đại 珍trân 寶bảo 。  
  
Đạo sư nghĩ như vầy  
'Họ thật đáng thương thay  
Vì sao muốn quay về?  
Bỏ đi trân bảo quý'  
  
尋tầm 時thời 思tư 方phương 便tiện 。  
當đương 設thiết 神thần 通thông 力lực 。  
化hóa 作tác 大đại 城thành 郭quách 。  
莊trang 嚴nghiêm 諸chư 舍xá 宅trạch 。  
  
Lập tức nghĩ phương tiện  
Sử dụng sức thần thông  
Biến một đại thành quách  
Với nhà cửa trang nghiêm  
  
周chu 匝táp 有hữu 園viên 林lâm 。  
渠cừ 流lưu 及cập 浴dục 池trì 。  
重trùng 門môn 高cao 樓lâu 閣các 。  
男nam 女nữ 皆giai 充sung 滿mãn 。  
  
Có khu vườn xung quanh  
Kênh nước và ao tắm  
Cửa thành lầu các cao  
Với gái trai đông đúc  
  
即tức 作tác 是thị 化hóa 已dĩ 。  
慰úy 眾chúng 言ngôn 勿vật 懼cụ 。  
汝nhữ 等đẳng 入nhập 此thử 城thành 。  
各các 可khả 隨tùy 所sở 樂nhạo 。  
  
Khi đã biến hóa xong  
Bảo họ 'chớ sợ hãi  
Các người vào thành này  
Tùy sở thích vui chơi'  
  
諸chư 人nhân 既ký 入nhập 城thành 。  
心tâm 皆giai 大đại 歡hoan 喜hỷ 。  
皆giai 生sanh 安an 隱ẩn 想tưởng 。  
自tự 謂vị 已dĩ 得đắc 度độ 。  
  
Khi họ vào thành rồi  
Lòng vui mừng khôn xiết  
Thảy đều nghĩ bình an  
Tự cho đã thoát khỏi  
  
導đạo 師sư 知tri 息tức 已dĩ 。  
集tập 眾chúng 而nhi 告cáo 言ngôn 。  
  
Biết họ nghỉ ngơi xong  
Đạo sư nhóm họp bảo  
  
汝nhữ 等đẳng 當đương 前tiền 進tiến 。  
此thử 是thị 化hóa 城thành 耳nhĩ 。  
我ngã 見kiến 汝nhữ 疲bì 極cực 。  
中trung 路lộ 欲dục 退thoái 還hoàn 。  
  
'Các người nên tiến bước  
Đây chỉ là hóa thành  
Thấy các người mỏi mệt  
Giữa đường muốn thoái lui  
  
故cố 以dĩ 方phương 便tiện 力lực 。  
權quyền 化hóa 作tác 此thử 城thành 。  
汝nhữ 今kim 勤cần 精tinh 進tấn 。  
當đương 共cộng 至chí 寶bảo 所sở 。  
  
Nên dùng sức phương tiện  
Quyền xảo hóa thành này  
Bây giờ hãy tinh tấn  
Sẽ đồng đến nơi báu'  
  
我ngã 亦diệc 復phục 如như 是thị 。  
為vi 一nhất 切thiết 導đạo 師sư 。  
  
Như Lai cũng như vậy  
Đạo sư của muôn loài  
  
見kiến 諸chư 求cầu 道Đạo 者giả 。  
中trung 路lộ 而nhi 懈giải 廢phế 。  
不bất 能năng 度độ 生sanh 死tử 。  
煩phiền 惱não 諸chư 險hiểm 道đạo 。  
  
Thấy những ai cầu Đạo  
Giữa đường mà kiệt quệ  
Chẳng thể vượt sanh tử  
Phiền não các hiểm đạo  
  
故cố 以dĩ 方phương 便tiện 力lực 。  
為vi 息tức 說thuyết 涅Niết 槃Bàn 。  
言ngôn 汝nhữ 等đẳng 苦khổ 滅diệt 。  
所sở 作tác 皆giai 已dĩ 辦biện 。  
  
Nên dùng sức phương tiện  
Tạm nghỉ, nói tịch diệt  
'Các ông đã diệt khổ  
Việc làm đều đã xong'  
  
既ký 知tri 到đáo 涅Niết 槃Bàn 。  
皆giai 得đắc 阿A 羅La 漢Hán 。  
爾nhĩ 乃nãi 集tập 大đại 眾chúng 。  
為vi 說thuyết 真chân 實thật 法Pháp 。  
  
Biết đã đến tịch diệt  
Đều đắc Đạo Ứng Chân  
Rồi mới triệu đại chúng  
Để thuyết Pháp chân thật  
  
諸chư 佛Phật 方phương 便tiện 力lực 。  
分phân 別biệt 說thuyết 三tam 乘thừa 。  
唯duy 有hữu 一nhất 佛Phật 乘Thừa 。  
息tức 處xử 故cố 說thuyết 二nhị 。  
  
Sức phương tiện chư Phật  
Phân biệt nói ba thừa  
Chỉ có một Phật Thừa  
Hai thừa khác tạm nghỉ  
  
今kim 為vì 汝nhữ 說thuyết 實thật 。  
汝nhữ 所sở 得đắc 非phi 滅diệt 。  
為vì 佛Phật 一Nhất 切Thiết 智Trí 。  
當đương 發phát 大đại 精tinh 進tấn 。  
  
Nay Ta sẽ nói thật  
Các ông chưa diệt độ  
Vì Phật Nhất Thiết Trí  
Hãy phát đại tinh tấn  
  
汝nhữ 證chứng 一Nhất 切Thiết 智Trí 。  
十Thập 力Lực 等đẳng 佛Phật 法Pháp 。  
具cụ 三tam 十thập 二nhị 相tướng 。  
乃nãi 是thị 真chân 實thật 滅diệt 。  
  
Khi chứng Nhất Thiết Trí  
Mười Lực Phật Pháp khác  
Đầy đủ ba hai tướng  
Lúc đó mới chân diệt  
  
諸chư 佛Phật 之chi 導đạo 師sư 。  
為vi 息tức 說thuyết 涅Niết 槃Bàn 。  
既ký 知tri 是thị 息tức 已dĩ 。  
引dẫn 入nhập 於ư 佛Phật 慧tuệ 。  
  
Chư Phật là đạo sư  
Tạm nghỉ, nói tịch diệt  
Biết đã nghỉ ngơi xong  
Dẫn vào trí của Phật"  
  
妙Diệu 法Pháp 蓮Liên 華Hoa 經Kinh 卷quyển 第đệ 三tam   
Kinh Diệu Pháp Liên Hoa ♦ Hết quyển 3

姚Diêu 秦Tần 龜Quy 茲Tư 法Pháp 師sư 鳩Cưu 摩Ma 羅La 什Thập 譯dịch  
Dịch từ Phạn văn: Thiên Trúc Pháp sư Đồng Thọ (344-413)  
Dịch sang Tiếng Việt: Tại gia Bồ-tát giới Thanh tín nam Nguyên Thuận  
Phiên âm và chấm câu: Tại gia Bồ-tát giới Thanh tín nam Nguyên Thuận  
Phiên âm: 28/2/2012 ◊ Dịch nghĩa: 28/2/2012 ◊ Cập nhật: 20/11/2015

☸ Cách Đọc Chữ Phạn

Bhikṣu: bíc su  
nayuta: na du ta  
yojana: dô cha na  
Śākyamuni: sác ky a mu ni

**t©m kinh b¸t nh·**

**ba- la- mËt- ®a**

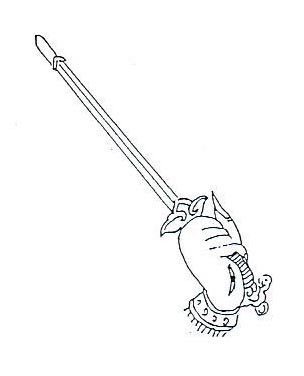
**Khi ngµi Qu¸n-Tù-T¹i Bå-T¸t, thùc hµnh s©u xa ph¸p B¸t-nh· Ba-la-mËt-®a. Ngµi soi thÊy n¨m uÈn ®Òu kh«ng liÒn ®é tho¸t hÕt th¶y khæ ¸ch.**

**Nµy «ng X¸-Lîi-Tö ! s¾c ch¼ng kh¸c kh«ng, kh«ng ch¼ng kh¸c s¾c, s¾c tøc lµ kh«ng, kh«ng tøc lµ S¾c, Thô, T­ëng, Hµnh, Thøc còng ®Òu nh­ thÕ.**

**Nµy «ng X¸-Lîi-Tö ! T­íng kh«ng cña mäi ph¸p, kh«ng sinh, kh«ng diÖt, kh«ng nh¬, kh«ng s¹ch, kh«ng thªm, kh«ng bít; cho nªn trong ch©n- kh«ng, kh«ng cã S¾c, kh«ng cã Thô, T­ëng, Hµnh, Thøc; kh«ng cã M¾t, Tai, Mòi, L­ìi, Th©n, ý; kh«ng cã S¾c, Thanh, H­¬ng, VÞ, Xóc, Ph¸p; kh«ng cã nh·n-giíi, cho ®Õn kh«ng cã ý-thøc giíi; kh«ng cã v«-minh, còng kh«ng cã c¸i hÕt v«-minh; cho ®Õn giµ, chÕt, còng kh«ng cã c¸i hÕt giµ, chÕt; kh«ng cã Khæ, TËp, DiÖt, §¹o, kh«ng cã trÝ-tuÖ, còng kh«ng cã chøng ®¾c, v× kh«ng cã chç chøng ®¾c.**

**Bå- T¸t y theo B¸t-nh·-Ba-la-mËt-®a, nªn t©m kh«ng ng¨n ng¹i, v× kh«ng ng¨n ng¹i, nªn kh«ng sî h·i, xa h¼n méng t­ëng ®iªn ®¶o, ®¹t tíi Cøu-kÝnh NiÕt-bµn. Ch­ PhËt trong ba ®êi còng y vµo B¸t-nh· Ba-la-mËt-®a mµ chøng ®­îc ®¹o V«-th­îng ChÝnh-®¼ng ChÝnh-gi¸c. Cho nªn biÕt B¸t- nh· Ba- la- mËt- ®a lµ ®¹i thÇn chó, lµ ®¹i minh chó, lµ v« th­îng chó, lµ v« ®¼ng ®¼ng chó, trõ ®­îc hÕt th¶y khæ; ch©n thùc kh«ng h­.**

**V× vËy nãi ra bµi chó B¸t-nh· Ba-la-mËt-®a, liÒn nãi bµi chó r»ng: “yÕt-®Õ, yÕt-®Õ, Ba-la yÕt-®Õ, Ba-la t¨ng yÕt ®Õ, Bå-§Ò t¸t-bµ-ha, ma-ha B¸t-Nh·-Ba-La-MËt-§a”. *( 3 lÇn )* o o o**

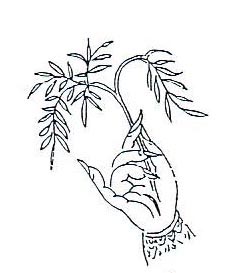


**V¨n tông kinh håi h­íng**

**§Ö tö chóng con, v× søc nghiÖp ma, t©m thÇn rèi lo¹n, c¨n tÝnh mª mê bçng nhiªn chît nghÜ, thay ®æi lung tung, d¸o dë chÊt chång, xem v¨n mê ý, nhÇm ch÷ sai c©u, tr¸i víi chÝnh ©m trong ®ôc, nÖ vµo tµ kiÕn gi·i bµy, hoÆc v× viÖc ®o¹t mÊt trÝ, t©m ch¼ng ®Ó vµo kinh, ®­¬ng khi tông niÖm dËy ngåi, bá dë c©u c¸ch qu·ng, ngåi l©u trÔ n¶i, nh©n ®ã giËn hên, chèn nghiªm tÞnh ®Ó v­íng bôi nh¬, n¬i kÝnh cÈn hoÆc lµm cÈu th¶. Th©n, khÈu mÆc dïng nhÕch nh¸c, xiªm y lÔ m¹o l«i th«i, cung ch¼ng nh­ nghi, ®Ó kh«ng ®óng chç. Më cuèn rèi ren, rít r¬i, d¬ n¸t. HÕt th¶y ch¼ng chuyªn ch¼ng thµnh, thËt lµ ®¸ng thÑn ®¸ng sî. KÝnh xin ch­ PhËt-Bå t¸t, trong câi ph¸p-giíi h­ kh«ng, hÕt th¶y HiÒn-th¸nh, ThiÖn thÇn, Thiªn long, B¸t bé, Hé ph¸p... tõ bi th­¬ng xãt, s¸m röa lçi lÇm, khiÕn cho c«ng ®øc tông kinh, ®Òu ®­îc chu viªn thµnh tùu. §Ö tö chóng con nguyÖn t©m håi h­íng cßn e, hoÆc khi dÞch nhuËn lçi lÇm, hoÆc lóc gi¶i chua thiÕu sãt, truyÒn thô sai thï, ©m thÝch lÉn lén. Nh÷ng lçi c¾t, in, viÕt chÐp. Dï thÇy dï thî ®Òu xin s¸m hèi. Nhê søc thÇn cña ch­ PhËt, khiÕn cho téi lçi tiªu tan. o**

**Th­êng quay xe ph¸p, cøu vít hµm linh. NguyÖn ®em c«ng ®øc, tr× chó tông kinh, håi h­íng vÒ Hé-Ph¸p long thiªn th¸nh chóng. ThÇn nói s«ng linh thiªng trong tam giíi, vÞ chñ tÓ thñ hé chèn giµ lam, cÇu mong ®­îc h­ëng phóc thiÖn b×nh an, trang nghiªm ®¹o qu¶ v« th­îng Bå-§Ò, nguyÖn cho kh¾p c¶ ph¸p-giíi chóng sinh, cïng ®­îc vµo biÓn "Nh­ Lai Ph¸p TÝnh". o o o**

***( Sang mâ tông L¨ng Nghiªm vµ niÖm PhËt).***



**Kinh l¨ng nghiªm**

**Ngµi thÕ chÝ nãi ch­¬ng niÖm phËt**

**o**

**Ngµi §¹i ThÕ ChÝ lµ con vua ph¸p, cïng n¨m m­¬i hai vÞ Bå T¸t ®ång hµng, liÒn tõ toµ ngåi ®øng dËy, hë ¸o vai h÷u, ®Ønh lÔ ch©n PhËt mµ b¹ch PhËt r»ng: "Con nhí h»ng hµ sa kiÕp vÒ tr­íc, cã ®øc PhËt xuÊt thÕ hiÖu lµ V« L­îng Quang. Trong mét kiÕp ®ã cã m­êi hai ®øc Nh­ Lai nèi nhau ra ®êi, ®øc PhËt sau cïng hiÖu lµ Siªu NhËt NguyÖt Quang, ®øc PhËt Êy ®· d¹y con ph¸p NiÖm PhËt tam muéi. VÝ nh­ cã ng­êi, mét ng­êi chuyªn nhí, mét ng­êi chuyªn quªn, nh­ thÕ hai ng­êi, dÉu gÆp mµ kh«ng, thÊy ®ång ch¼ng thÊy. Cßn nÕu hai ng­êi, lu«n nhí vÒ nhau, hai bªn nhí m·i, kh¾c s©u trong lßng, nh­ h×nh víi bãng, ch¼ng xa tr¸i nhau. M­êi ph­¬ng ch­ PhËt, th­¬ng nhí chóng sinh, nh­ mÑ nhí con, nÕu con trèn tr¸nh, mÑ nhí Ých g×; nÕu con nhí mÑ, nh­ mÑ nhí con, mÑ con ®êi ®êi, ch¼ng xa tr¸i nhau. NÕu t©m chóng sinh, nhí PhËt niÖm PhËt, ®êi nµy ®êi sau, nhÊt ®Þnh thÊy PhËt, c¸ch PhËt ch¼ng xa, ch¼ng cÇn nhê phÐp ph­¬ng tiÖn, t©m ®­îc tù khai; nh­ ng­êi ­íp h­¬ng, th©n cã mïi th¬m, nh­ thÕ gäi lµ "H­¬ng Quang Trang Nghiªm". Con vèn x­a kia, lÊy t©m niÖm PhËt, vµo V« sinh nhÉn, nay ë câi nµy, tiÕp ng­êi niÖm PhËt, ®­a vÒ câi TÞnh. §øc PhËt hái con vÒ ph¸p viªn th«ng, con kh«ng hÒ lùa chän, chØ nhiÕp s¸u c¨n, tÞnh niÖm nèi liÒn, ®¹t ®­îc chÝnh ®Þnh, ®ã lµ bËc nhÊt. o**

**PhËt Di §µ m×nh vµng rùc rì**

**T­íng tèt thay trong s¸ng kh«n b×**

**Mi tr¾ng to¶ Du-Di n¨m nói**

**M¾t nh­ bèn biÓn lín trong xanh**

**Hµo quang ho¸ PhËt v« sè øc**

**Ho¸ Bå T¸t còng thËt v« biªn**

**Bèn m­¬i t¸m nguyÖn ®é chóng sinh**

**ChÝn phÈm hµm linh ®¨ng bØ ng¹n.**

**- Nam M« T©y Ph­¬ng Cùc L¹c ThÕ Giíi §¹i Tõ §¹i Bi A-Di-§µ-PhËt.**

*( 3 lÇn )* **o o o**

**- Nam M« A Di §µ PhËt. *(1, 3 trµng tïy ý...)***

**- Nam m« Qu¸n ThÕ ¢m Bå T¸t.**

*( NiÖm 10 lÇn)* **o**

**- Nam m« §¹i ThÕ ChÝ Bå T¸t.**

*( NiÖm 10 lÇn)*  **o**

**- Nam m« §Þa T¹ng V­¬ng Bå T¸t.**

*( NiÖm 10 lÇn)* **o**

**- Nam m« Thanh TÞnh §¹i H¶i Chóng Bå T¸t.** *( NiÖm 10 lÇn)***o o o**

**lÔ tæng**

**1. Nam m« tËn h­ kh«ng biÕn ph¸p giíi ThËp ph­¬ng Tam thÕ nhÊt thiÕt th­êng trô Tam B¶o.** *( 3 lÇn )* **o o o**

**2. Nam m« Sa bµ Gi¸o chñ B¶n s­ ThÝch Ca M©u Ni PhËt.***( 1 lÔ )* **o**

***( 1 lÔ )* o**

**3. Nam m« Ph¹m vâng Gi¸o chñ L­ X¸ Na PhËt.** *( 1 lÔ )* **o**

***( 1 lÔ )* o**

**4. Nam m« T©y ph­¬ng Cùc l¹c Gi¸o chñ A Di §µ PhËt.**  *( 1 lÔ )* **o**

**5. Nam m« Th­îng ph­¬ng Chóng H­¬ng thanh tÞnh thÕ giíi Gi¸o Chñ H­¬ng TÝch PhËt.** *( 1 lÔ )* **o**

**6. Nam m« §«ng ph­¬ng Gi¸o chñ D­îc S­ L­u Ly Quang V­¬ng PhËt.***( 1 lÔ )* **o**

**7. Nam m« §­¬ng lai Gi¸o chñ Di LÆc T«n PhËt.***( 1 lÔ )* **o**

**8. NhÊt t©m ®Ýnh lÔ Qu¸n ThÕ ¢m Bå T¸t, biÕn ph¸p giíi ch­ ®¹i Bå t¸t.***( 1 lÔ )* **o**

**9. NhÊt t©m ®Ýnh lÔ §¹i ThÕ ChÝ Bå T¸t, biÕn ph¸p giíi ch­ ®¹i Bå T¸t.** *( 1 lÔ )* **o**

**10. NhÊt t©m ®Ýnh lÔ §¹i TrÝ V¨n Thï S­ Lîi Bå T¸t biÕn ph¸p giíi ch­ ®¹i Bå T¸t.**

*( 1 lÔ )* **o**

**11. NhÊt t©m ®Ýnh lÔ §¹i H¹nh Phæ HiÒn Bå T¸t, biÕn ph¸p giíi ch­ ®¹i Bå T¸t.**

*( 1 lÔ )* **o**

**12. NhÊt t©m ®Ýnh lÔ NhËt Quang BiÕn ChiÕu Bå T¸t, biÕn ph¸p giíi ch­ ®¹i Bå T¸t.** *( 1 lÔ )* **o**

**13. NhÊt t©m ®Ýnh lÔ NguyÖt Quang BiÕn ChiÕu Bå T¸t, biÕn ph¸p giíi ch­ ®¹i Bå T¸t.** *( 1 lÔ )* **o**

**14. NhÊt t©m ®Ýnh lÔ B¶n T«n §Þa T¹ng V­¬ng Bå T¸t, biÕn ph¸p giíi ch­ ®¹i Bå T¸t.** *( 1 lÔ )* **o**

**15. NhÊt t©m ®Ýnh lÔ Thanh TÞnh §¹i H¶i Chóng Bå T¸t, biÕn ph¸p giíi ch­ HiÒn Th¸nh T¨ng.** *( 1 lÔ )* **o**

**16. NhÊt t©m ®Ýnh lÔ LÞch §¹i Tæ S­ Bå T¸t.** *( 1 lÔ )* **o**

**17. NhÊt t©m ®Ýnh lÔ Hé ph¸p Ch­ Thiªn Bå T¸t.***( 1 lÔ )* **o**

**18. NhÊt t©m ®Ýnh lÔ Tam ch©u C¶m øng Hé ph¸p Vi §µ T«n Thiªn Bå T¸t.***( 1 lÔ )* **o**

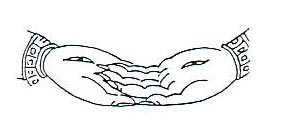
**19. Thiªn §Þa phó t¸i chi ©n, NhËt NguyÖt chiÕu l©m chi ®øc, ®¹i vÞ ®Ýnh lÔ A Di §µ PhËt.***( 1 lÔ )* **o**

**20. Quèc gia x· héi chi ©n, Thuû Thæ thuÇn dông chi ®øc, ®¹i vÞ ®Ýnh lÔ A Di §µ PhËt.** *( 1 lÔ )* **o**

**21. S­ tr­ëng gi¸o huÊn chi ©n, Phô MÉu sinh thµnh chi ®øc, ®¹i vÞ ®Ýnh lÔ A Di §µ PhËt.** *( 1 lÔ )* **o**

**22. ThËp ph­¬ng tÝn thÝ chi ©n, tø sù cóng dµng chi ®øc, ®¹i vÞ ®Ýnh lÔ A Di §µ PhËt.** *( 1 lÔ )* **o**

**23. Ng· kim ph¶ vÞ Tø ©n- Tam h÷u ph¸p giíi chóng sinh tÊt nguyÖn ®o¹n trõ tam ch­íng, chÝ thµnh ph¸t nguyªn: o o o**

****

***( Vµo mâ tông bµi v¨n ph¸t nguyÖn )***

**Cói ®Çu h­íng vÒ n­íc Cùc L¹c**

**ThÇy dÉn ®­êng tiÕp b­íc chóng sinh**

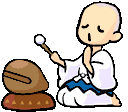
**Con nay ph¸t nguyÖn, nguyÖn v·ng sinh**

**Xin ®øc Tõ Bi th­¬ng nhiÕp thô. o**

**§Ö tö chóng con... kh¾p v× bèn ©n ba câi, ph¸p giíi chóng sinh, cÇu n¬i ch­ PhËt, nhÊt thõa v« th­îng, Bå-§Ò kiªn cè, chuyªn t©m tr× niÖm, A Di §µ PhËt, v¹n ®øc hång danh, cÇu sinh TÞnh §é. Ng¹i v× phóc máng nghiÖp dµy, ch­íng s©u tuÖ c¹n, t©m nhiÔm thãi h­, ®øc s¹ch khã thµnh, nay ®èi tr­íc PhËt, n¨m thÓ chuyªn cÇn, dèc mét lßng thµnh, cÇu xin s¸m hèi. Con vµ chóng sinh, bao kiÕp ®Õn nay, quªn mÊt b¶n t©m, cïng Tham, S©n, Si, ba nghiÖp t¹o t¸c, v« l­îng v« biªn; chç lµm téi ¸c, v« l­îng v« biªn, chç kÕt oan nghiÖp, v« l­îng v« biªn, nguyÖn tÊt tiªu diÖt, tõ nay vÒ sau, lËp thÖ nguyÖn s©u, m·i xa ph¸p ¸c, thÒ kh«ng t¸i ph¹m. Chuyªn tu th¸nh ®¹o, thÒ kh«ng tho¸i chuyÓn, thÖ thµnh ChÝnh gi¸c, thÒ ®é chóng sinh. §øc PhËt A Di §µ, dïng tõ bi nguyÖn lùc, xin biÕt cho con, xin th­¬ng xãt con, xin gia hé con; NguyÖn con trong khi thiÒn qu¸n,**

**hay lóc ngñ m¬, th­êng ®­îc thÊy ®øc PhËt A Di §µ, ®­îc ®øc PhËt A Di §µ r­íc vÒ câi TÞnh, ®­îc ®øc PhËt A Di §µ dïng n­íc cam lé, lµm phÐp qu¸n ®Ønh, phãng ¸nh hµo quang, chiÕu kh¾p th©n con, lÊy tay xoa ®Çu, lÊy ¸o trïm th©n, khiÕp c¸c nghiÖp ch­íng cña con tõ tr­íc ®Õn nay, th¶y ®Òu tiªu diÖt, thiÖn c¨n t¨ng tr­ëng, phiÒn n·o tan kh«ng, v« minh giøt s¹ch, viªn gi¸c diÖu t©m, tù nhiªn khai ngé, ch©n c¶nh tÞch quang, th­êng ®­îc hiÖn tiÒn, tíi khi s¾p söa l©m chung, dù biÕt tr­íc ®­îc, th©n kh«ng mét chót bÖnh khæ ¸ch n¹n, t©m kh«ng mét chót tham luyÕn mÖ hoÆc, c¸c c¨n s¸ng sña, chÝnh niÖm ph©n minh, x¶ bá b¸o th©n, an nhiªn tù t¹i, nh­ nhËp thiÒn ®Þnh. §øc PhËt A Di §µ vµ ®øc Qu¸n ¢m, ®øc §¹i ThÕ ChÝ, cïng ch­ Th¸nh HiÒn, phãng quang tiÕp dÉn, ®­a tay ®ãn vÒ, l©u c¸c trµng phµn, h­¬ng l¹ nh¹c trêi, c¶nh th¸nh T©y Ph­¬ng, hiÖn ra tr­íc m¾t, khiÕn cho chóng sinh, thÊy vµ nghe thÕ, vui vÎ c¶m th¸n, ph¸t Bå §Ò t©m. Con lóc bÊy giê, ngåi toµ kim c­¬ng, tuú tßng sau PhËt, chØ trong kho¶nh kh¾c, sinh vÒ Cùc L¹c, n¬i Ao ThÊt B¶o, tõ trong hoa sen, hoa në thÊy PhËt, th©n ®­îc thô ký, ®­îc thô ký råi, ba th©n bèn trÝ, ngò nh·n lôc th«ng, v« l­îng tr¨m ngh×n, m«n §µ La Ni, tÊt c¶ c«ng ®øc, th¶y ®Òu thµnh tùu. Song ch¼ng v× nghØ n¬i an d­ìng, mµ trë l¹i câi Sa Bµ, ph©n th©n v« sè, biÕn kh¾p m­êi ph­¬ng, lÊy bÊt kh¶ t­ ngh×, thÇn lùc tù t¹i, c¸c ph¸p ph­¬ng tiÖn, ®é tho¸t chóng sinh, hµm linh ly nhiÔm, l¹i ®­îc tÞnh t©m, ®ång sinh T©y Ph­¬ng, vµo BÊt Tho¸i §Þa, ®¹i nguyÖn nh­ thÕ, thÕ giíi v« tËn, chóng sinh v« tËn, nghiÖp vµ phiÒn n·o, hÕt th¶y v« tËn, con nguyÖn v« tËn, nguyÖn nay lÔ PhËt, ph¸t nguyÖn tu tr× c«ng ®øc, håi thÝ h÷u t×nh, bèn ©n tæng b¸o, ba câi gióp ®Òu, ph¸p giíi chóng sinh, ®ång thµnh chñng trÝ. o o o**

**o o o**

****

**Tam tù quy:**

**- Con quy PhËt råi, nguyÖn cho chóng sinh thÊu hiÓu ®¹o lín, ph¸t t©m v« th­îng.**  *( 1 lÔ )* **o**

**- Con quy Ph¸p råi, nguyÖn cho chóng sinh th«ng thuéc Kinh t¹ng, trÝ tuÖ nh­ h¶i.**  *( 1 lÔ )* **o**

**- Con quy T¨ng råi, nguyÖn cho chóng sinh hoµ hîp ®¹i chóng, hÕt th¶y kh«ng ng¹i.**  *( 1 lÔ )* **o o o**

**l¹y ch­ th¸nh hiÒn:**

**NguyÖn ®em c«ng ®øc nµy**

**H­íng vÒ kh¾p tÊt c¶**

**§Ö tö vµ chóng sinh**

**§Òu trän thµnh PhËt ®¹o.**

